

**BỘ THƯƠNG MẠI**  
**VIỆN NGHIÊN CỨU THƯƠNG MẠI**

---

*ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ*  
*MÃ SỐ: 2006 - 78 - 005*

**GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU**  
**MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM**  
**ĐẾN NĂM 2015**

**6706**  
28/12/2007

**HÀ NỘI, 2007**

**BỘ THƯƠNG MẠI  
VIỆN NGHIÊN CỨU THƯƠNG MẠI**

---

***ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ  
MÃ SỐ: 2006 - 78 - 005***

**GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU  
MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM  
ĐẾN NĂM 2015**

**Cơ quan chủ quản:**  
**Cơ quan chủ trì:**  
***Chủ nhiệm đề tài:***  
***Các thành viên:***

**Bộ Thương mại**  
**Viện nghiên cứu thương mại**  
***Ths. Phạm Thị Cải***  
***Ths. Đỗ Kim Chi***  
***Ths. Nguyễn Việt Hưng***  
***CN. Hoàng Thị Hương Lan***

**HÀ NỘI, 2007**

<b>MỤC LỤC</b>		Trang
	<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	1
	<b>Chương 1 TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ THẾ GIỚI</b>	5
<b>I</b>	<b>Khái niệm và phân loại sản phẩm cơ khí</b>	5
1	Khái niệm	5
2	Phân loại các sản phẩm cơ khí	5
<b>II</b>	<b>Khái quát tình hình xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí trên thế giới</b>	8
1	Đặc điểm cơ bản của các sản phẩm cơ khí khi tham gia thị trường	8
2	Tình hình xuất khẩu các sản phẩm cơ khí trên thị trường thế giới những năm gần đây	11
3	Tình hình nhập khẩu các sản phẩm cơ khí trên thị trường thế giới	22
<b>III</b>	<b>Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của một số nước trên thế giới</b>	33
1	Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị điện của Malaysia	33
2	Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu dây điện và cáp điện của Hàn Quốc	35
3	Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến của Trung Quốc	37
4	Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	39
	<b>Chương 2: THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001 - 2006</b>	41
<b>I</b>	<b>Một số nét về tình hình sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện ở Việt Nam</b>	41
<b>II</b>	<b>Thực trạng xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện ở Việt Nam</b>	44
2.1	Đối với máy động lực	44

2.2	Đối với các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến	48
2.3	Đối với thiết bị kỹ thuật điện	51
<b>III</b>	<b>Thực trạng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và 3 nhóm sản phẩm lựa chọn nêu trên của Việt Nam</b>	<b>56</b>
3.1	Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu	56
3.2	Cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu	60
<b>IV</b>	<b>Đánh giá chung về thực trạng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam nói chung và cụ thể đối với 3 nhóm sản phẩm lựa chọn</b>	<b>62</b>
4.1	Những kết quả đạt được	62
4.2	Những tồn tại, hạn chế	63
4.3	Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra	65
	<b>Chương 3: NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2015</b>	<b>68</b>
<b>I</b>	<b>Bối cảnh và dự báo khả năng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam</b>	<b>68</b>
1.1	Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến khả năng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam	68
1.2	Dự báo khả năng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam thời kỳ đến năm 2015	72
<b>II</b>	<b>Quan điểm và định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015</b>	<b>74</b>
2.1	Quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015	74
2.2	Định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015	77

<b>III</b>	<b>Các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện ở Việt Nam thời kỳ đến 2015</b>	<b>80</b>
3.1	Nhóm các giải pháp đối với Chính phủ và các Bộ, Ngành có liên quan	80
3.2	Nhóm các giải pháp đối với các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện	86
3.3	Nhóm giải pháp nhằm nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng và Hiệp hội doanh nghiệp trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn nêu trên ở Việt Nam	91
<b>IV</b>	<b>Một số kiến nghị</b>	<b>95</b>
4.1	Một số kiến nghị với Chính phủ, các Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp và các Bộ, Ngành liên quan	95
4.2	Một số kiến nghị với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện	96
4.3	Một số kiến nghị với Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam và Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam	97
4.4	Với các tổ chức khoa học công nghệ có liên quan đến sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí nêu trên	97
	<b>Kết luận</b>	<b>98</b>
	<b>Phụ lục</b>	<b>100</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm qua, thực hiện công cuộc “Đổi mới” kinh tế, cùng với các lĩnh vực hoạt động khác của nền kinh tế quốc dân, công nghiệp cơ khí Việt Nam đang có những bước phát triển mới, khẳng định nội lực của mình bằng việc sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng một cách hiệu quả cho yêu cầu phát triển kinh tế, quốc phòng và phục vụ tiêu dùng của nhân dân. Mặt khác, ngành cơ khí Việt Nam cũng đang từng bước chứng tỏ tiềm lực của mình thông qua việc xuất khẩu các sản phẩm cơ khí ra thị trường nước ngoài.

Theo số liệu của Bộ Công nghiệp, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành cơ khí giai đoạn 1995 - 2005 đạt mức trên 40%/năm. Kết quả trên thể hiện sự phát triển khá mạnh mẽ của ngành cơ khí. Ngày 26/12/2002, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 186/2002/QĐ/TTg phê duyệt *Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn tới 2020* khẳng định “Cơ khí là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước” và xác định mục tiêu “Ưu tiên phát triển 8 chuyên ngành và sản phẩm cơ khí trọng điểm để đáp ứng về cơ bản nhu cầu của nền kinh tế”.

Những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp ngành cơ khí đã tự vươn lên tìm kiếm nguồn vốn đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ và thiết bị để sản xuất sản phẩm có chất lượng cao nên sản phẩm của họ đã chiếm được thị phần lớn ở trong nước, với các thương hiệu đã quen thuộc với người tiêu dùng như: Vanapro, Vikino, Bông Sen, Futul...

Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, thời gian qua, các sản phẩm cơ khí chế tạo của Việt Nam đã thâm nhập và tăng thị phần trên thị trường các nước khác trên thế giới, đem về cho đất nước mỗi năm khoảng 500 triệu USD. Trong 8 nhóm sản phẩm cơ khí trọng điểm, các nhóm sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu tương đối lớn và thị phần trên thị trường thế giới ngày càng tăng là: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện...

Các thị trường xuất khẩu chính đối với các sản phẩm cơ khí của Việt Nam là: Nhật Bản, các nước Trung Đông, Nam Mỹ, các nước Châu Phi, đặc biệt là các nước trong khu vực ASEAN như : Philipin, Indônêxia, Thái Lan...

Có thể nói, đây là những bước tiến đáng kể của ngành cơ khí nói chung và của các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói riêng.

Tuy nhiên, nhìn về tổng thể, ngành cơ khí Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân. Tỷ lệ giá trị xuất khẩu của các mặt hàng cơ khí còn ở mức thấp, mới chỉ đạt 0,15% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Mặt khác, Nhà nước chưa có kế hoạch phát triển một cách tổng thể, lâu dài, do đó chưa có những giải pháp hữu hiệu về đầu tư nghiên cứu khoa học, thiết bị chế tạo, về vốn, giá cả nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của ngành cơ khí, đặc biệt các giải pháp kích cầu, trợ giá, cho vay vốn trung và dài hạn với lãi suất thấp để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển sản xuất.

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm cơ khí Việt Nam trên trường quốc tế trong điều kiện hội nhập và cạnh tranh, đã có một số dự án, một số cuộc hội thảo được tổ chức như: (1) Prof Ohno, *Xuất khẩu sản phẩm chế tạo của Việt Nam*, 2003; (2) Ths. Đỗ Hồng Hạnh, *Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp: Cơ hội và thách thức*, Dự án GRIPS - NEU, 2004... và một số công trình nghiên cứu như: (1) Hội KHKT Cơ khí Việt Nam, *Đánh giá tổng quát hiện trạng cơ khí Việt Nam, đề xuất giải pháp phát triển ngành cơ khí trong giai đoạn 2000 - 2010*, 2000; (2) Hội KHKT Cơ khí Việt Nam, *Khảo sát, nghiên cứu lựa chọn sản phẩm cơ khí trọng điểm đến năm 2010 và hướng đến 2020. Đề xuất mô hình tổ chức sản xuất*, 2001; (3) TS. Nguyễn Xuân Chuẩn, *Thách thức và cơ hội của ngành cơ khí Việt Nam sau WTO*, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, tháng 4/2006...

Một vấn đề cần được quan tâm là bắt đầu từ năm 2006, theo tiến trình hội nhập AFTA cũng như sau khi Việt Nam trở thành thành viên WTO thì các ưu đãi về thuế đối với các sản phẩm cơ khí của Việt Nam sẽ bị huỷ bỏ. Sự cạnh tranh của các sản phẩm cơ khí cùng loại được sản xuất ở các nước khác trên thị trường quốc tế và ngay cả trên thị trường nội địa sẽ là thách thức lớn đối với ngành cơ khí Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu đã đề ra trong *Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn tới 2020* và phán đoán “Đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại” thì nhiệm vụ đặt ra cho ngành cơ khí và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí trong thời gian tới là rất nặng nề.

Vì vậy, cùng với sự nỗ lực và năng động của các doanh nghiệp và toàn ngành cơ khí, đòi hỏi cần có sự quan tâm đầu tư thích đáng của Nhà nước cũng như các chính sách vĩ mô để thực hiện.

Xuất phát từ những lý do cơ bản nêu trên, Bộ Thương mại đã duyệt và cho phép tổ chức nghiên cứu Đề tài: “***Giải pháp phát triển xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015***”.

***Mục tiêu chính của đề tài là:***

- Đưa ra được những nét khái quát về thị trường các sản phẩm cơ khí thế giới

- Tổng kết thực trạng xuất khẩu một số nhóm sản phẩm cơ khí quan trọng và có tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam như: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện... và tìm ra các vấn đề bức xúc cần quan tâm giải quyết.

- Đề xuất các giải pháp để phát triển xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí nói trên của Việt Nam thời kỳ đến 2015.

***Đối tượng nghiên cứu của đề tài là***

- Các sản phẩm cơ khí của Việt Nam, trong đó tập trung vào 3 nhóm sản phẩm là: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện... Đây là các nhóm sản phẩm cơ khí được đánh giá là Việt Nam có khả năng sản xuất đáp ứng tốt yêu cầu tiêu thụ trong nước và có kim ngạch xuất khẩu tương đối lớn, thị trường xuất khẩu tương đối ổn định trong những năm gần đây.

- Các thị trường xuất khẩu chính đối với các nhóm sản phẩm nêu trên của Việt Nam



- Chính sách, cơ chế của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và các nhóm sản phẩm lựa chọn nêu trên nói riêng.

Do giới hạn về phạm vi và thời gian nghiên cứu, về nội dung, Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng và các giải pháp phát triển xuất khẩu đối với 3 nhóm sản phẩm cơ khí là: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện...

*Về không gian và thời gian*, Đề tài tập trung nghiên cứu về hoạt động xuất khẩu đối với 3 nhóm sản phẩm cơ khí là: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện... của cả nước giai đoạn 2001 - 2006 và dự báo đến năm 2015.

***Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng là:***

- Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tư liệu
- Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh
- Tham khảo ý kiến chuyên gia và hội thảo chuyên đề

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các phụ lục, bảng biểu, đề tài được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: *Tổng quan về thị trường các sản phẩm cơ khí thế giới*

Chương 2: *Thực trạng xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam giai đoạn 2001 - 2006*

Chương 3: *Những giải pháp chủ yếu nhằm phát triển xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015*

# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ THẾ GIỚI

### I - KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI SẢN PHẨM CƠ KHÍ

#### 1- Khái niệm

Công nghệ cơ khí hay kỹ thuật cơ khí là ngành ứng dụng các nguyên lý vật lý để tạo ra các loại máy móc hoặc các vật dụng hữu ích. Cơ khí áp dụng các nguyên lý nhiệt động lực học, định luật bảo toàn khối lượng và năng lượng để phân tích các hệ vật lý tĩnh và động, phục vụ cho công tác thiết kế trong các lĩnh vực như ô tô, máy bay và các phương tiện giao thông khác, các hệ thống gia nhiệt và làm lạnh, đồ dùng gia đình, máy móc thiết bị, sản xuất vũ khí...

Trên thực tế, đối với mỗi loại sản phẩm cơ khí riêng biệt, người ta đều đưa ra định nghĩa hay khái niệm riêng phù hợp với tính năng, công dụng của loại sản phẩm đó. Mặc dù đã tham khảo nhiều công trình nghiên cứu có liên quan đến hoạt động sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí, các công trình nghiên cứu về kỹ thuật và quy trình sản xuất, chế tạo, các báo cáo khảo sát, đánh giá khả năng phát triển và mô hình tổ chức sản xuất các sản phẩm cơ khí... nhưng chưa có một tài liệu nào đưa ra khái niệm chung nhất về sản phẩm cơ khí. Theo quan niệm của nhóm nghiên cứu, chúng tôi cho rằng, các sản phẩm do ngành cơ khí chế tạo ra đều được gọi là các sản phẩm cơ khí.

#### 2- Phân loại các sản phẩm cơ khí

Sản phẩm cơ khí được sản xuất từ công nghệ cơ khí và kỹ thuật cơ khí, vì vậy, có nhiều cách phân loại các sản phẩm cơ khí khác nhau, dựa trên các tiêu chí khác nhau. Cụ thể là:

*- Nếu căn cứ vào công nghệ sản xuất, các sản phẩm cơ khí được phân loại thành:*

- + Sản phẩm cơ khí chính xác
- + Sản phẩm cơ khí chế tạo
- + Sản phẩm cơ khí lắp ráp

*- Nếu căn cứ vào mục đích sử dụng trong các ngành sản xuất, các sản phẩm cơ khí được phân loại thành:*

- + Cơ khí giao thông

- + Cơ khí xây dựng
- + Cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp
- + Cơ khí đóng tàu

- Nếu căn cứ vào công dụng của sản phẩm trong các ngành kinh tế, các sản phẩm cơ khí được phân loại thành:

- + Máy công cụ: Máy khoan, đập, tiện, phay, bào...
- + Máy nông, lâm, ngư nghiệp: Máy kéo, gieo hạt, gặt đập, nghiền thức ăn gia súc, máy cưa, máy thủy...
- + Dụng cụ cầm tay và đồ cơ kim khí gia dụng: Xe đạp, nồi xoong, dao, kéo, lưỡi cưa, khoan cầm tay, kìm, búa...

Ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 186/2002/QĐ - TTg ngày 26/12/2002 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010 và tầm nhìn 2020, trong đó tập trung phát triển 8 chuyên ngành và sản phẩm cơ khí trọng điểm để đáp ứng về cơ bản nhu cầu của nền kinh tế quốc dân là: (1) Thiết bị toàn bộ; (2) Máy động lực; (3) Cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến; (4) Máy công cụ; (5) Cơ khí xây dựng; (6) Cơ khí đóng tàu thủy; (7) Thiết bị kỹ thuật điện - điện tử; (8) Cơ khí ô tô - cơ khí giao thông vận tải.

Với điều kiện cụ thể, đề tài tập trung nghiên cứu khả năng xuất khẩu của 3 nhóm sản phẩm cơ khí quan trọng và có tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam là: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện.

Để thuận tiện trong nghiên cứu thương mại quốc tế, hiện nay các nước thường sử dụng phương pháp phân loại HS.

Đây cũng là một trong những phương pháp phân loại được Cơ quan Thống kê của Liên hiệp quốc (UN Comtrade Statistic) sử dụng trong thống kê thương mại thế giới.

Trong khuôn khổ đề tài này, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp phân loại HS 4 số để nghiên cứu thị trường các sản phẩm thuộc 3 nhóm sản phẩm được lựa chọn trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Các sản phẩm sẽ được nghiên cứu bao gồm:

*(1) Nhóm các sản phẩm máy động lực*

<b>HS</b>	<b>Sản phẩm</b>
8402	Nồi hơi
8404	Máy phụ trợ sử dụng với các loại nồi hơi
8406	Turbin hơi nước và turbin khí
8407	Động cơ đốt trong kiểu piston
8408	Động cơ đốt trong
8409	Các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong
8410	Turbin thủy lực
8411	Turbin phản lực
8412	Động cơ và mô-tơ khác
8413	Bơm chất lỏng, máy đẩy chất lỏng
8414	Bơm không khí, bơm chân không, máy nén và quạt không khí

*(2) Nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm ngư nghiệp*

<b>HS</b>	<b>Sản phẩm</b>
8432	Máy nông nghiệp, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất
8433	Máy thu hoạch hoặc máy đập, làm sạch hoặc phân loại nông sản
8434	Máy vắt sữa và máy chế biến sữa
8435	Máy ép, nghiền và các loại dùng trong chế biến rau quả
8436	Các loại máy khác dùng trong nông, lâm nghiệp
8437	Máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại ngũ cốc
8438	Máy chế biến dùng cho công nghiệp thực phẩm
8478	Máy chế biến hay đóng gói thuốc lá
8701	Máy kéo

*(3) Nhóm sản phẩm thiết bị kỹ thuật điện*

<b>HS</b>	<b>Sản phẩm</b>
8501	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy)
8502	Tổ máy phát điện
8503	Các bộ phận dùng cho 8501 và 8502
8504	Biến thế điện và cuộn cảm
8507	Ắc quy điện
8508	Thiết bị cơ điện gia dụng điều khiển bằng tay hay mô-tơ điện
8509	Thiết bị cơ điện gia dụng có lắp động cơ
8511	Máy phát điện
8533	Điện trở
8544	Dây, cáp điện

## II - KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ TRÊN THẾ GIỚI

### 1 - Đặc điểm cơ bản của các sản phẩm cơ khí khi tham gia thị trường

#### *a/ Đặc điểm về yêu cầu kỹ thuật*

Sản phẩm cơ khí là loại sản phẩm được lắp ráp từ nhiều bộ phận, chi tiết được sản xuất theo các công nghệ khác nhau, với các đặc điểm và yêu cầu kỹ thuật khác nhau. Xuất phát từ đặc điểm nêu trên nên một sản phẩm cơ khí dù ở dạng bán thành phẩm hay thành phẩm đều đòi hỏi độ chính xác và khả năng lắp lẫn rất cao.

Mặt khác, một sản phẩm cơ khí hoàn chỉnh sẽ là tổ hợp của nhiều bộ phận, chi tiết được sản xuất ở các doanh nghiệp khác nhau, thậm chí ở các nước khác nhau. Điều này dẫn đến những đòi hỏi về yêu cầu kỹ thuật đối với các sản phẩm cơ khí là hết sức nghiêm ngặt nhằm tạo sự đồng bộ cao trong việc tập hợp các chi tiết, phụ tùng và khả năng có thể vận hành một cách an toàn trong sử dụng sản phẩm.

Ngoài ra, khi sử dụng các sản phẩm cơ khí, khách hàng đặc biệt quan tâm xem các nhà sản xuất có thực hiện đúng quy trình sản xuất hay không, các sản phẩm đưa ra thị trường có đáp ứng được các tiêu chuẩn về kích thước hoặc sai số kỹ thuật hay không, có khả năng đáp ứng được các tiêu chuẩn về độ bền trong sử dụng hay không...

Trên thế giới hiện nay có rất nhiều quy định liên quan đến yêu cầu kỹ thuật của các sản phẩm cơ khí. Những yêu cầu này một mặt được các nước sử dụng như những rào cản kỹ thuật để bảo hộ sản xuất trong nước, mặt khác để đảm bảo an toàn cho người sử dụng hoặc công nhân vận hành. Có thể nêu một số ví dụ như sau:

- Dây và cáp điện là một mặt hàng không khó sản xuất. Tuy vậy, nếu muốn xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, doanh nghiệp phải nghiên cứu, tìm hiểu các quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với loại sản phẩm này của các nước nhập khẩu như: Loại vật liệu cách điện có thể dùng được, tính chất cháy của vật liệu cách điện, độ dày của lớp cách điện, độ mềm dẻo của sản phẩm...

Trên cơ sở các quy định về yêu cầu kỹ thuật đó, các doanh nghiệp phải tìm được nguồn nguyên liệu đầu vào phù hợp để sản xuất sản phẩm thực sự đáp ứng được các quy định của thị trường.

- Yêu cầu đối với các thiết bị kỹ thuật điện là phải đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc như: Không gây nhiễu, không làm nhiễu sóng các thiết bị radio hoặc các thiết bị viễn thông...

- Cũng có rất nhiều thị trường không có yêu cầu bắt buộc đối với các sản phẩm cơ khí. Tuy nhiên, thực tế buôn bán sản phẩm cơ khí trên thế giới có những quy định tự nguyện. Trên thị trường Nhật Bản, đối với máy động lực, ngoài tiêu chuẩn về chất lượng công nghiệp của Nhật Bản (JIS) nhiều doanh nghiệp khi muốn lưu thông sản phẩm trên thị trường thì cần phải có tiêu chuẩn bảo hành chất lượng sản phẩm (GS). Theo đó, nếu người tiêu dùng bị thiệt hại do sử dụng sản phẩm sẽ được đền bù dưới hình thức bảo hiểm cho sản phẩm nhằm tránh thiệt hại cho cả nhà sản xuất và người tiêu dùng.

### ***b/ Đặc điểm về độ an toàn đối với người sử dụng***

Như ta đã biết, các sản phẩm cơ khí được sử dụng ở nhiều lĩnh vực của sản xuất và đời sống. Chính vì vậy, yêu cầu quan trọng đối với các sản phẩm cơ khí là phải đảm bảo an toàn đối với người vận hành và người sử dụng.

Ở các nước khác nhau, yêu cầu về độ an toàn đối với người sử dụng của các sản phẩm cơ khí được quy định khác nhau. Ví dụ các sản phẩm cơ khí tiêu thụ trên thị trường EU phải có nhãn CE, các sản phẩm cơ khí tiêu thụ trên thị trường Nhật Bản phải đáp ứng được tiêu chuẩn JIS của Nhật Bản... Các nước EU quy định đối với tất cả các sản phẩm cơ khí đưa ra thị trường phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của “sản phẩm an toàn” (Sản phẩm không chứa đựng rủi ro (không thể chấp nhận) nào liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến sự an toàn hay sức khỏe con người thông qua kiểu dáng, thành phần, chức năng, bao gói, hướng dẫn sử dụng hay bất kỳ yếu tố nào khác của nó) bao gồm: An toàn trong thiết kế, chế tạo và kiểm tra, đáp ứng tiêu chuẩn về tính tương thích trong lắp ráp để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành và phải có nhãn CE. Nhãn CE (Conformity European) cho biết sản phẩm tuân theo những yêu cầu pháp lý của Châu Âu về an toàn, sức khỏe, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng).

Riêng đối với sản phẩm cơ khí, nhãn CE quy định các tiêu chuẩn liên quan đến thiết kế, vật liệu, màu sắc, điều khiển, các quy định về an toàn, hệ thống bảo vệ và cảnh báo nguy hiểm, bảo dưỡng, sửa chữa và hướng dẫn sử dụng. Nhãn CE có thể được xem xét như một dạng giấy thông hành cho phép các nhà sản xuất lưu thông một cách tự do trong thị trường EU các sản phẩm công nghiệp như: Máy móc, thiết bị điện hạ thế, đồ chơi, các thiết bị an toàn cá nhân, thiết bị y tế và một số mặt hàng khác.

Để đảm bảo an toàn cho người sử dụng, EU tiến hành kiểm tra sản phẩm ngay từ nơi sản xuất và có hệ thống báo động giữa các nước thành viên. Vì vậy, để được cấp nhãn CE, người mua và người bán phải hợp tác chặt chẽ để tạo ra những sản phẩm đáp ứng đủ tiêu chuẩn từ vật liệu đến thiết kế, chế tạo.

Riêng đối với Hoa Kỳ, Luật an toàn sản phẩm tiêu dùng quy định các tiêu chuẩn an toàn sản phẩm liên quan đến thành phần, quy trình sản xuất, hoàn thiện, đóng gói, dán nhãn và sự vận hành của sản phẩm. Nguyên tắc chung là nhà sản xuất sản phẩm tiêu dùng là đối tượng của quy định này phải phát hành giấy chứng nhận khẳng định sản phẩm của họ phù hợp với các tiêu chuẩn quy định và phải dán nhãn trên sản phẩm ghi rõ ngày, nơi sản xuất sản phẩm, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, chứng nhận tuân thủ các luật lệ áp dụng và mô tả ngắn gọn các luật lệ đó.

Ngoài ra, Ủy ban An toàn sản phẩm tiêu dùng Hoa Kỳ (CPSC) cũng quy định đối với một số sản phẩm có sử dụng điện cần phải đảm bảo không nguy hại đến người tiêu dùng, vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm phải đảm bảo tiêu chuẩn theo Luật về bảo vệ người tiêu dùng.

### ***c/ Đặc điểm về hệ thống phân phối***

Với những đặc điểm riêng về nguyên liệu sản xuất, kỹ thuật chế tạo, điều kiện vận hành và sử dụng... nên hệ thống kênh phân phối các sản phẩm cơ khí nói chung có nhiều điểm khác biệt so với hệ thống kênh phân phối các loại sản phẩm tiêu dùng khác.

Khi sản xuất và đưa các sản phẩm cơ khí ra thị trường, người sản xuất phải thông báo tính năng kỹ thuật, điện áp sử dụng, cách thức và trình tự vận hành đối với từng sản phẩm cụ thể. Mặt khác, người sử dụng và vận hành các sản phẩm cơ khí cũng được đòi hỏi phải có trình độ nhận thức nhất định để hiểu biết các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

Chính vì vậy, hệ thống phân phối các sản phẩm cơ khí, nhất là các sản phẩm có sử dụng động cơ là rất phức tạp. Quá trình đưa các sản phẩm cơ khí từ người sản xuất đến với người sử dụng luôn cần có cán bộ tư vấn, giám sát kỹ thuật và hướng dẫn vận hành, đồng thời cần có hệ thống bảo hành, bảo trì, cung ứng phụ tùng, vật tư thay thế, sửa chữa... để đảm bảo sản phẩm có thể được sử dụng hiệu quả và an toàn.

### ***d/ Đặc điểm về vấn đề marketing và tiếp cận thị trường***

Khác với các loại sản phẩm khác, đối với các sản phẩm cơ khí, hoạt động marketing và tiếp cận thị trường cũng có những điểm khác biệt do đặc tính và yêu cầu kỹ thuật của nó quyết định.

Đối với các sản phẩm cơ khí chế tạo máy, máy động lực, thiết bị kỹ thuật điện..., nhà sản xuất không thể chế tạo thử hoặc chế tạo sẵn để chào bán trên thị trường nên việc tạo dựng thị trường tiêu thụ ổn định là rất quan trọng.

Kinh nghiệm cho thấy, để thiết lập hệ thống phân phối các sản phẩm cơ khí trên thị trường nước ngoài, các nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm cần tham gia vào các Hội chợ, triển lãm hàng cơ khí nói chung và các hội chợ, triển lãm chuyên ngành để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và doanh nghiệp trên thị trường. Đồng thời, doanh nghiệp cần thông qua các cơ quan đại diện thương mại ở nước ngoài để tạo dựng thị trường, tìm kiếm bạn hàng, từng bước thâm nhập vào các kênh phân phối các sản phẩm cơ khí ở nước ngoài.

## **2- Tình hình xuất khẩu các sản phẩm cơ khí trên thị trường thế giới những năm gần đây**

### ***a/ Về quy mô thị trường***

Sản phẩm cơ khí chế tạo đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế và là một trong những sản phẩm xuất khẩu của nhiều nước. Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển của nền kinh tế, cơ khí được coi là động lực quan trọng để các quốc gia thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

**Bảng 1.1: Quy mô của ngành cơ khí chế tạo ở một số nước**

<b>Nước</b>	<b>Tăng trưởng về sản lượng các SPCK 1995 - 2004 (%)</b>	<b>Giá trị tăng thêm của ngành 2004 (% so GDP)</b>	<b>Tỷ trọng trong tổng xuất khẩu (%)</b>
Hoa Kỳ	44,0	20,7	52,3
Nhật Bản	6,0	25,6	71,9
Đức	21,0	28,7	75,8
Anh	5,0	21,0	46,0
Pháp	20,0	21,7	28,7
Italia	7,2	28,7	68,9
Trung Quốc	na	52,0	84,5
Ấn Độ	88,0	27,1	60,7

*Nguồn: EIU (Cơ quan tình báo kinh tế thế giới)*



Thực tế cho thấy, hiện nay ngành cơ khí đang đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế thế giới, kể cả ở những nước phát triển như: Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Anh...

Việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí đã tạo nên sự giàu có của các quốc gia phát triển trong thời gian trước đây và đang đóng góp vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế của các nước hiện nay.

Tuy nhiên, hiện nay sản xuất các sản phẩm cơ khí ở các nước phát triển đang có xu hướng chuyển sang các nước đang phát triển. Trung Quốc đang trở thành nước đóng vai trò quan trọng trong sản xuất và xuất khẩu loại sản phẩm cơ khí và nhiều doanh nghiệp cơ khí, chế tạo lớn trên thế giới đã đầu tư vào Trung Quốc để sản xuất và xuất khẩu sản phẩm ra thị trường các nước khác.

**Bảng 1.2: Thị phần sản phẩm chế tạo của các khu vực trên thế giới 2005**

Đơn vị tính: %

	Bắc Mỹ	MỹLa Tinh	Tây Âu	EU mới	Đông Âu	Tr.Đông& ChâuPhi	Trung Quốc	Ấn Độ	Ch.Á khác
Năm 2005	29,3	5,0	30,2	2,3	2,3	6,4	4,8	8,0	11,7
Giai đoạn 2002 -2004	26,3	5,1	27,9	2,9	2,6	6,8	6,8	7,3	14,3

*Nguồn: Điều tra của EIU năm 2006*

Nghiên cứu của EIU đã chỉ ra rằng: Thị phần các sản phẩm cơ khí của các công ty Tây Âu và khu vực Bắc Mỹ trên thị trường thế giới đang có xu hướng giảm, khoảng 30% các doanh nghiệp cơ khí lớn trên thế giới đang tập trung vào các thị trường thuộc Châu Á. Sự phát triển của ngành cơ khí Châu Á không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội đối với các nước phát triển và là động lực chính để các tập đoàn cơ khí trên thế giới phát triển thông qua quá trình đầu tư vào khu vực này.

Hiện nay, bên cạnh việc phát triển tiêu thụ trong nước, các tập đoàn cơ khí chế tạo lớn đang đẩy mạnh việc bán sản phẩm sang thị trường nước ngoài. Doanh thu của các sản phẩm cơ khí ngày càng tăng trên thị trường các nước phát triển, nơi có giá bán sản phẩm cơ khí cao nhưng cũng đòi hỏi phải đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về kỹ thuật sản xuất và về môi trường.

Mặt khác, các tập đoàn cơ khí hiện đang tận dụng quá trình toàn cầu hóa để sản xuất sản phẩm tại nơi có chi phí thấp nhất. Vì vậy, họ đã di chuyển sản xuất sang khu vực có ưu đãi đầu tư và có thể sản xuất hàng hóa với chi phí thấp, chỉ để lại bộ phận nhỏ sản xuất ở thị trường bản địa. Tuy nhiên, họ cũng đang phải đối mặt với tình trạng lao động có trình độ thấp và không có kỹ năng tại nhiều nước đang phát triển.

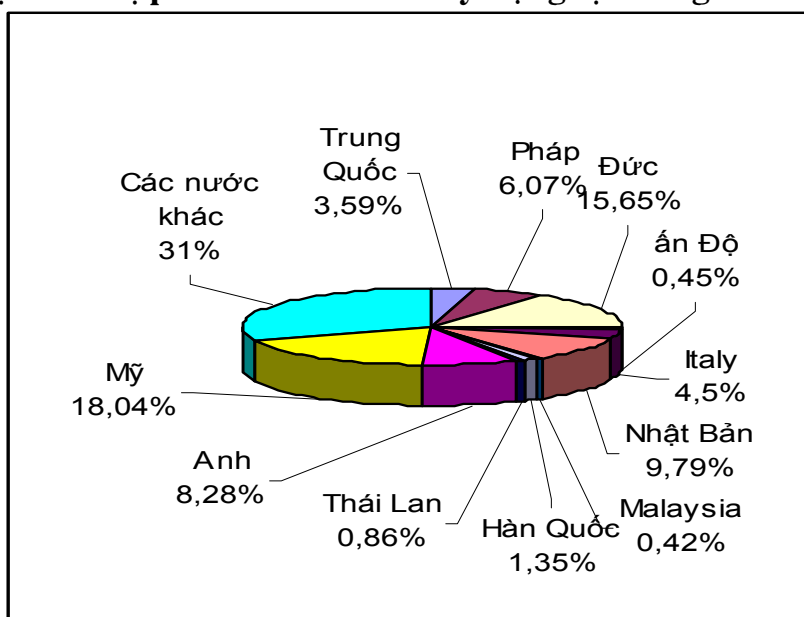
***b/ Các nước xuất khẩu chính đối với một số chủng loại sản phẩm cơ khí***

Trong giới hạn nghiên cứu, đề tài tập trung nghiên cứu 3 nhóm sản phẩm chính bao gồm: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện. Để phân tích tình hình thị trường và các loại mặt hàng thuộc các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn nêu trên, nhóm nghiên cứu đã sử dụng hệ thống phân loại HS 4 số (HS 2002) dựa trên số liệu thống kê của Liên hiệp quốc (UN Comtrade statistic).

***- Nhóm sản phẩm máy động lực***

Theo số liệu của UN Comtrade statistic, các nước xuất khẩu các sản phẩm máy động lực chính bao gồm: Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản và Anh Quốc. Bốn nước này chiếm 51,76% giá trị xuất khẩu sản phẩm máy động lực trên thị trường thế giới.

**Đồ thị 1.1: Thị phần xuất khẩu máy động lực thế giới năm 2006**



*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Qua sơ đồ trên có thể thấy: Thị trường máy động lực thế giới chủ yếu vẫn do các nước phát triển nắm giữ. Các nước đang phát triển có giá trị xuất khẩu máy động lực không lớn. Nguyên nhân là do các sản phẩm máy động lực chủ yếu là những sản phẩm được chế tạo với những chi tiết phức tạp, có yêu cầu về trình độ kỹ thuật cao. Mặt khác, để sản xuất được những sản phẩm này cần chi phí nghiên cứu và triển khai rất lớn. Đây sẽ là rào cản đối với các nước mới gia nhập.

**Bảng 1.3: Xuất khẩu máy động lực thế giới phân theo thị trường**

(Toàn bộ các sản phẩm có mã HS: 8402, 8404, 8406, 8407, 8408, 8409, 8410, 8411, 8412, 8413, 8414)

	2002		2003		2004		2005		2006	
	Tri giá Triệu USD	Thị phần (%)	Tri giá Triệu USD	Thị phần (%)	Tri giá Triệu USD	Thị phần (%)	Tri giá Triệu USD	Thị phần (%)	Tri giá Triệu USD	Thị phần (%)
<b>Tr. Quốc</b>	3.044,1	1,72	3.899,0	1,93	5.858,8	2,39	7.920,2	2,93	10.706,9	3,59
<b>Pháp</b>	11.614,5	6,56	13.881,4	6,86	16.221,9	6,61	17.138,7	6,34	18.107,3	6,07
<b>Đức</b>	25.240,8	14,26	31.956,7	15,78	41.605,9	16,96	44.077,2	16,31	46.695,3	15,65
<b>Ấn Độ</b>	-	-	549,2	0,27	817,6	0,33	1.043,5	0,39	1.331,8	0,45
<b>Italy</b>	8.775,9	4,96	10.516,0	5,19	13.665,0	5,57	13.543,8	5,01	13.423,7	4,50
<b>Nhật Bản</b>	18.965,8	10,71	20.707,9	10,23	24.425,4	9,96	26.720,1	9,89	29.230,4	9,79
<b>Malaysia</b>	684,7	0,39	609,6	0,30	857,3	0,35	1.034,3	0,38	1.247,8	0,42
<b>Hàn Quốc</b>	1.970,3	1,11	1.966,0	0,97	2.642,0	1,08	3.265,1	1,21	4.035,2	1,35
<b>Thái Lan</b>	845,5	0,48	1.195,0	0,59	2.138,6	0,87	2.349,2	0,87	2.580,5	0,86
<b>Anh</b>	17.695,9	9,99	20.403,6	10,08	21.271,5	8,67	22.930,1	8,49	24.718,0	8,28
<b>Mỹ</b>	37.143,2	20,98	36.367,9	17,96	41.373,4	16,87	47.200,7	17,47	53.848,8	18,04
<b>Các nước khác</b>	51.079,9	28,84	60.438,4	29,84	74.372,5	30,34	82.943,9	30,71	92.503,2	31,00
<b>Thế giới</b>	177.060,5	100,00	202.490,8	100,0	245.250,1	100,0	270.166,8	100,0	298.428,8	100,0

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Hiện nay, vị trí của các nước về kim ngạch xuất khẩu máy động lực đang có những thay đổi đáng kể. Thị phần của Hoa Kỳ năm 2006 giảm đi so với năm 2002, trong khi thị phần Trung Quốc đang tăng lên với tốc độ tương đối nhanh. Trong thời gian tới, Trung Quốc có thể sẽ trở thành một trong những nước xuất khẩu máy động lực lớn trên thế giới.

Nếu xem xét theo chủng loại các sản phẩm máy động lực có thể nhận thấy rằng: Động cơ đốt trong (HS 8408), các bộ phận dùng trong động cơ đốt trong (HS 8409), máy bơm chất lỏng, máy đẩy chất lỏng (HS 8413)... có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất với tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2002 - 2006 lần lượt là 24,67%, 24,11% và 24,38%/năm. Đây sẽ là những sản phẩm có tiềm năng phát triển trong giai đoạn tới.

**Bảng 1.4: Xuất khẩu máy động lực thế giới 2002 - 2006 theo mặt hàng**

*Đơn vị: triệu USD*

<b>HS 2002</b>	<b>Mặt hàng</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>Tốc độ tăng bq</b>
<u>8402</u>	Nồi hơi	1.811,1	1.945,2	2.293,7	2.886,3	3.640,5	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		7,41	17,91	25,84	26,13	19,32
<u>8404</u>	Máy phụ trợ sử dụng với các loại nồi hơi	592,7	636,0	783,0	923,3	1.090,0	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		7,32	23,10	17,93	18,05	16,60
<u>8406</u>	Turbin hơi nước và turbin khí	2.985,7	2.614,0	3.149,3	4.064,9	5245,8	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		-12,45	20,48	29,07	29,05	16,54
8407	Động cơ đốt trong kiểu piston	26.287,5	27.960,8	30.482,4	32.528,9	34.724,6	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		6,37	9,02	6,71	6,75	7,21
<u>8408</u>	Động cơ đốt trong	17.026,0	22.894,3	31.387,2	35.300,8	39.713,4	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		34,46	39,32	12,4	12,5	24,67
<u>8409</u>	Các bộ phận cho ĐCđốt trong	27.404,1	32.322,1	39.508,5	44.478,7	49.998,5	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		34,47	37,10	12,47	12,41	24,11
<u>8410</u>	Turbin thủy lực	547,7	558,3	525,6	799,4	905,0	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		17,95	22,23	12,58	13,21	16,49
<u>8411</u>	Turbin phản lực	51.379,9	53.070,4	60.913,5	67.106,4	93.633,6	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		1,95	-5,86	52,10	39,53	21,93
<u>8412</u>	Động cơ và mô tơ khác	4.102,1	5.155,5	6.326,0	7.856,4	8.828,2	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		3,29	14,78	10,17	12,37	10,15
<u>8413</u>	Máy bơm, máy đẩy chất lỏng	20.471,5	25.268,9	31.096,5	33.378,4	41.703,0	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		25,68	22,70	24,19	24,94	24,38
<u>8414</u>	Bơm không khí, bơm chân không, máy nén và quạt k. khí	24.452,3	30.065,3	38.784,4	40.843,0	72.823,1	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		23,43	23,06	7,34	7,83	15,42
	<b>Tổng thế giới</b>	177.060,5	202.490,8	245.250,1	270.166,8	285.566,3	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		22,95	29,00	5,31	5,57	15,71

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

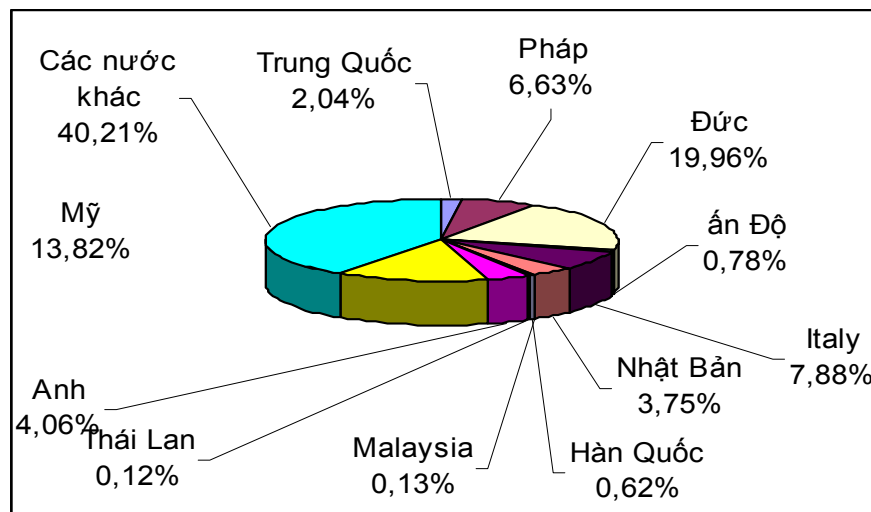
Tuy nhiên, nếu xét về kim ngạch xuất khẩu thì Turbin phản lực là sản phẩm có kim ngạch cao nhất vì đây là sản phẩm công nghệ cao, có giá trị lớn

(chủ yếu là động cơ máy bay). Tiếp đến là linh kiện động cơ đốt trong và máy bơm không khí, máy nén chân không (HS 8414). Những sản phẩm cơ khí thuộc nhóm này đa phần là những sản phẩm có công nghệ, kỹ thuật cao và có giá trị gia tăng lớn và những công ty, tập đoàn cơ khí của các nước phát triển là những doanh nghiệp chiếm thị phần xuất khẩu chủ yếu. Các doanh nghiệp cơ khí tại các nước đang phát triển chủ yếu là nhận gia công hoặc là địa điểm để các công ty đa quốc gia đầu tư sản xuất. Vì vậy, các nước đang phát triển muốn đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu máy động lực cần hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài thông qua đầu tư trực tiếp, chuyển giao công nghệ hoặc các hình thức hợp tác khác.

**- Nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp**

Trong những năm gần đây, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp thế giới tăng lên nhanh chóng. Các nước phát triển giữ vai trò chủ yếu trong xuất khẩu nhóm sản phẩm này trên thị trường.

**Đồ thị 1.2: Thị phần xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp thế giới năm 2006**



*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Nếu chỉ tính riêng năm 2006, các nước Đức, Hoa Kỳ, Italia vẫn là những nước xuất khẩu chính đối với các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp với thị phần tương ứng là 19,96%, 13,82% và 7,88%.

Trung Quốc tuy là nước xuất khẩu với số lượng lớn các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp nhưng chủ yếu là sản phẩm có công nghệ

trung bình và thấp nên giá trị không cao (chỉ chiếm 2,04% thị phần các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp trên thị trường thế giới).

**Bảng 1.5: Xuất khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp theo thị trường 2002 - 2006**

(Các sản phẩm có mã HS 2002 là: 8432 , 8433 , 8434, 8435, 8436, 8437, 8438 8478, 8701)

*Đơn vị tính: Triệu USD, %*

	2002		2003		2004		2005		2006	
	Trị giá	T.phần	Trị giá	T.phần	Trị giá	T.phần	Trị giá	T.phần	Trị giá	T.phần
Trung Quốc	331,2	0,88	510,3	1,11	640,2	1,09	960,5	1,49	1.441,1	2,04
Pháp	2.760,2	7,30	3.482,0	7,57	4.410,8	7,54	4.546,7	7,07	4.686,8	6,63
Đức	7.804,7	20,65	9.611,3	20,90	12.611,9	21,55	13.337,2	20,74	14.104,2	19,96
Ấn Độ	0,0	0,00	134,1	0,29	185,2	0,32	320,5	0,50	554,6	0,78
Italia	3.523,2	9,32	4.223,6	9,19	4.904,8	8,38	5.226,7	8,13	5.569,7	7,88
Nhật	1.376,0	3,64	1.645,0	3,58	2.249,1	3,84	2.441,2	3,80	2.649,7	3,75
Malaysia	35,0	0,09	44,6	0,10	56,8	0,10	72,4	0,11	92,3	0,13
Hàn Quốc	150,5	0,40	247,8	0,54	300,0	0,51	361,3	0,56	435,1	0,62
Thái Lan	38,3	0,10	41,6	0,09	59,1	0,10	71,1	0,11	85,5	0,12
Anh	1.830,2	4,84	1.998,0	4,35	2.035,3	3,48	2.417,2	3,76	2.870,8	4,06
Mỹ	5.315,8	14,07	5.846,4	12,72	6.846,6	11,70	8.179,0	12,72	9770,7	13,82
Các nước khác	14.629,4	38,71	18.193,1	39,56	24.220,9	41,39	26.378,7	41,01	28.728,7	40,21
Thế giới	37.794,6	100,00	45.977,8	100,0	58.520,8	100,0	64.312,4	100,00	70.677,2	100

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Nhìn chung, các nước phát triển vẫn là những nước chiếm ưu thế trên thị trường xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp. Vai trò của các nước đang phát triển trên thị trường thế giới đối với nhóm mặt hàng này còn hạn chế. Các nước Châu Á như: Malaixia, Hàn Quốc, Thái Lan...chiếm thị phần không đáng kể trên thị trường thế giới đối với các sản phẩm cơ khí thuộc nhóm này. Năm 2006, Thái Lan chỉ xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp đạt 85,5 triệu USD, chiếm 0,12% thị phần thế giới. Con số tương ứng của Malaixia là 92,3 triệu USD và 0,13%.

**Bảng 1.6: Xuất khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp thế giới 2002 - 2006 theo mặt hàng**

*Đơn vị: Triệu USD*

HS 2002	Mặt hàng	2002	2003	2004	2005	2006	Tốc độ tăng bq
<u>8432</u>	Máy nông nghiệp, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất	2.224,0	2.710,8	3.370,8	3.529,2	3703,9	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		21,89	24,35	4,70	4,95	13,97
<u>8433</u>	Máy thu hoạch /máy đập, làm sạch hoặc phân loại nông sản	6.937,5	8.224,4	9.869,1	11.466,1	13329,3	
	<i>Tốc độ tăng(%)</i>		18,55	20,00	16,18	16,25	17,75
<u>8434</u>	Máy vắt sữa và chế biến sữa	845,6	1.034,3	1.141,5	1.165,4	29,5	
	<i>Tốc độ tăng</i>		22,31	10,36	2,09	2,53	9,32
<u>8435</u>	Máy ép, nghiền và các loại dùng trong chế biến rau quả	191,1	254,7	272,2	316,8	377,7	
	<i>Tốc độ tăng(%)</i>		33,32	6,86	16,39	19,23	18,95
<u>8436</u>	Các loại máy khác dùng trong nông, lâm nghiệp	1.899,2	2.312,5	2.950,1	3.479,2	4079,4	
	<i>Tốc độ tăng(%)</i>		21,76	27,57	17,93	17,25	21,13
<u>8437</u>	Máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại ngũ cốc	848,7	888,0	1.077,6	1.186,4	1367,9	
	<i>Tốc độ tăng(%)</i>		4,63	21,35	10,10	15,3	12,85
<u>8438</u>	Máy chế biến dùng choCNTP	5.167,2	6.210,1	7.361,5	7.798,2	8219,3	
	<i>Tốc độ tăng(%)</i>		20,18	18,54	5,93		12,51
<u>8478</u>	Máy chế biến hay đóng gói thuốc lá	762,9	816,3	1.117,6	1.070,3	1168,2	
	<i>Tốc độ tăng(%)</i>		7,00	36,90	-4,23	9,15	12,21
<u>8701</u>	Máy kéo	18.918,4	23.526,70	31.360,60	34.300,80	61226,9	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		24,36	33,30	9,38	7,85	18,72
	<b>Tổng thế giới</b>	37.794,6	45.977,8	58.520,8	64.312,4	8682,2	
	<i>Tốc độ tăng(%)</i>		21,65	27,28	9,90	13,5	18,08

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

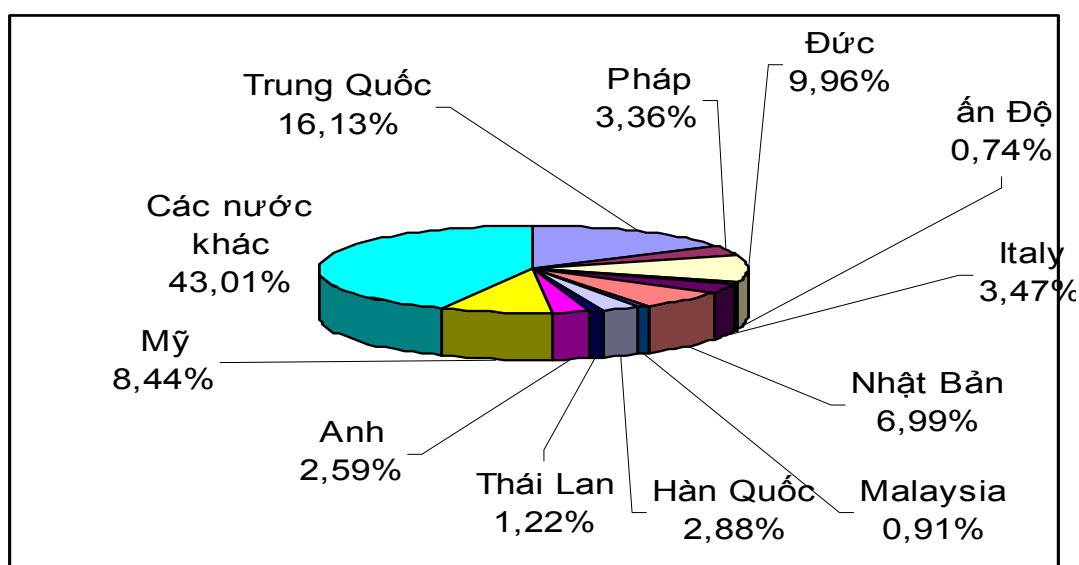
Phân tích bảng số liệu trên cho thấy: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp thế giới giai đoạn 2002 - 2006 tăng tương đối cao, đạt mức trung bình 18,08%/năm. Các sản phẩm có tốc độ tăng cao hơn mức trung bình là: Máy kéo (HS 8701) có tốc độ tăng 18,72%/năm, các máy khác dùng trong nông, lâm nghiệp (HS 8436) có tốc độ tăng 21,13%/năm. Các sản phẩm có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu thấp nhất là máy vắt và chế biến sữa (HS8434) chỉ tăng trưởng 9,32% do thị trường đã tương đối bão hòa, tiếp đến là sản phẩm máy làm sạch, tuyển chọn và phân loại ngũ cốc chỉ tăng trưởng 12,85%/năm.

### **- Nhóm sản phẩm thiết bị kỹ thuật điện**

Thiết bị kỹ thuật điện là nhóm sản phẩm quan trọng có kim ngạch xuất khẩu toàn cầu hàng năm khoảng 200 tỷ USD.

Trong năm 2006, các quốc gia có thị phần xuất khẩu lớn đối với nhóm sản phẩm này là Trung Quốc (đạt 16,13%), Đức (đạt 9,96%) và Hoa Kỳ (đạt 8,44%). Một số nước châu Á cũng giữ thị phần tương đối lớn trên thị trường thế giới đối với nhóm sản phẩm này như: Nhật Bản (đạt 6,99%), Hàn Quốc (đạt 2,88%) và Malaixia (đạt 0,91%). Hiện nay, việc sản xuất nhiều loại thiết bị kỹ thuật điện được các nước phát triển chuyển giao sang sản xuất tại các nước đang phát triển, nơi có chi phí sản xuất thấp hơn như Trung Quốc, Thái Lan, Malaixia...

**Đồ thị 1.3: Thị phần xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện thế giới năm 2006**



*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Năm 2006, cùng với các doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước cũng tăng cường xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện và Trung Quốc đã trở thành nước xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện hàng đầu thế giới. Thời gian tới, Trung Quốc có khả năng vẫn tiếp tục giữ được vị trí này.



**Bảng 1.7: Xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện thế giới phân  
theo thị trường giai đoạn 2002 - 2006**

(Các sản phẩm có mã HS 2002: 8501, 8502, 8503, 8504, 8507, 8508, 8509,  
8511, 8533, 8544)

*Đơn vị: Triệu USD*

	2002		2003		2004		2005		2006	
	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
<b>Tr. Quốc</b>	13.706,1	7,82	17.529,5	11,6	23.553,1	12,9	29.273,1	14,41	36382,2	16,13
<b>Pháp</b>	5.877,2	3,35	6.699,4	4,4	7.447,5	4,1	7.839,1	3,86	8251,3	3,66
<b>Đức</b>	13.156,7	7,50	15.847,2	10,5	19.687,1	10,8	21.024,6	10,35	22453,0	9,96
<b>Ấn Độ</b>	1,3	0,00	507,6	0,3	581,2	0,3	982,3	0,48	1660,2	0,74
<b>Italy</b>	4.345,4	2,48	4.969,4	3,3	6.270,4	3,4	7.005,6	3,45	7827,0	3,47
<b>Nhật Bản</b>	11.220,6	6,40	12.006,8	7,9	13.933,2	7,6	14.821,3	7,29	15766,0	6,99
<b>Malaysia</b>	1.712,0	0,98	1.622,5	1,1	2.014,3	1,1	2.027,9	1,00	2041,6	0,91
<b>Hàn Quốc</b>	3.037,2	1,73	3.556,5	2,4	4.459,8	2,4	5.384,1	2,65	6500,0	2,88
<b>Thái Lan</b>	2.415,1	1,38	2.334,0	1,5	2.627,9	1,4	2.684,3	1,32	2741,9	1,22
<b>Anh</b>	4.408,4	2,51	5.102,9	3,4	5.704,0	3,1	5.774,5	2,84	5845,9	2,59
<b>Mỹ</b>	14.438,8	8,23	14.335,5	9,5	15.865,9	8,7	17.392,3	8,56	19065,5	8,44
<b>Các nước khác</b>	101.055,6	57,62	66.537,5	44,1	80.949,6	44,2	88.998,4	43,88	97847,5	43,01
<b>Thế giới</b>	175.374,4	100,00	151.048,8	100	183.094,0	100	203.207,4	100,00	225530,3	100,00

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Bảng số liệu trên chỉ ra rằng: Giá trị xuất khẩu của nhóm thiết bị kỹ thuật điện có mức độ phân tán cao hơn so với nhóm máy động lực và nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp. Điều này cho thấy, trên thế giới, nhiều nước đang đầu tư phát triển sản xuất loại sản phẩm này. Đặc biệt, một số sản phẩm kỹ thuật điện thông thường đã được các nước phát triển chuyển giao công nghệ cho các nước đang phát triển.

**Bảng 1.8: Xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện thế giới  
phân theo mặt hàng giai đoạn 2002 - 2006**

*Đơn vị: Triệu USD*

<b>HS 2002</b>	<b>Mặt hàng</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>Tăng bq</b>
<u>8501</u>	Động cơ điện và máy phát điện(trừ tổ máy)	18.942,7	21.431,6	25.016,9	27.182,9	29.561,4	
	Tốc độ tăng(%)		13,14	16,73	8,66	8,75	11,82
<u>8502</u>	Tổ máy phát điện	5.843,3	6.780,7	8.906,5	10.735,6	12.746,4	
	Tốc độ tăng(%)		16,04	31,35	20,54	18,73	21,67
<u>8503</u>	Các bộ phận dùng cho 8501 và 8502	6.892,7	8.290,1	10.162,2	12.102,9	14.110,8	
	Tốc độ tăng(%)		20,27	22,58	19,10	16,59	19,64
<u>8504</u>	Biến thế điện và cuộn cảm	29.511,5	33.457,3	41.119,1	44.699,9	51.547,9	
	Tốc độ tăng(%)		13,37	22,90	8,71	15,32	15,08
<u>8507</u>	Ắc quy điện	10.828,8	12.878,3	15.536,6	17.514,2	20.640,5	
	Tốc độ tăng(%)		18,93	20,64	12,73	17,85	17,54
<u>8508</u>	TB cơ điện điều khiển bằng tay hay mô tơ điện	6.228,0	7.135,2	8.630,8	9.569,8	11.034,0	
	Tốc độ tăng(%)		14,57	20,96	10,88	15,30	15,43
<u>8509</u>	TB cơ điện gia dụng có lắp đ. cơ	6.943,5	8.117,4	9.600,7	10.328,8	11.094,2	
	Tốc độ tăng(%)		16,91	18,27	7,58	7,41	12,54
<u>8511</u>	Máy phát điện	51.379,9	9.272,4	10.541,0	11.331,1	12.077,8	
	Tốc độ tăng(%)		-81,95	13,68	7,50	6,59	-13,55
<u>8533</u>	Điện trở	4.426,3	5.027,9	6.047,6	6.096,6	6.870,9	
	Tốc độ tăng(%)		13,59	20,28	0,81	12,71	11,85
<u>8544</u>	Dây, cáp điện	34.377,8	38.658,0	47.532,5	53.645,7	61.220,5	
	Tốc độ tăng(%)		12,45	22,96	12,86	14,12	15,60
	<b>Tổng thế giới</b>	175.374,4	151.048,8	183.094,0	203.207,4	230.762,3	
	Tốc độ tăng(%)		-13,87	21,22	10,99	13,56	7,98

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Tuy nhiên, thiết bị kỹ thuật điện lại là nhóm sản phẩm có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình giai đoạn 2002 - 2006 tương đối thấp (chỉ đạt 7,98%). Đặc biệt trong năm 2003, giá trị xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện thế giới đã giảm đến 13,87%. Năm 2006, thị trường bắt đầu hồi phục và tăng trưởng trở lại mặc dù tốc độ tăng trưởng chỉ đạt mức 7,98%.

Loại thiết bị kỹ thuật điện có tốc độ tăng trưởng cao là linh kiện dùng cho động cơ điện và linh kiện cho máy phát điện (HS 8503). Loại sản phẩm có tốc độ tăng trưởng thấp nhất là các loại máy phát điện (do thị trường gần như đã bão hòa và khả năng cung cấp điện trên thế giới đang ngày càng ổn định hơn).

Loại thiết bị kỹ thuật điện có kim ngạch xuất khẩu cao nhất là dây và cáp điện với kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt 53,64 tỉ USD. Năm 2006, con số này đạt 61,22 tỉ USD. Đây là một trong những sản phẩm có tiềm năng phát triển trên thị trường thế giới.

Theo số liệu của ITC, hiện nay, trên thế giới có 40 nước sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện. Các nước xuất khẩu dây và cáp điện lớn nhất thế giới bao gồm: Hoa Kỳ, Đức, Hồng Kông, Pháp, Italia, Hàn Quốc, Rumani, Anh và Úc. Giá trị xuất khẩu của nhóm sản phẩm này năm 2005 chiếm tới 42% tổng kim ngạch xuất khẩu dây và cáp điện trên thị trường thế giới.

Nếu phân theo châu lục thì Châu Âu là khu vực xuất khẩu dây và cáp điện lớn nhất thế giới (chiếm 44% tổng kim ngạch xuất khẩu dây và cáp điện thế giới), tiếp đến là Châu Mỹ (chiếm 28%), Châu Á (chiếm 25%) và Châu Phi (chiếm 3%).

### **3 - Tình hình nhập khẩu các sản phẩm cơ khí trên thị trường thế giới**

#### ***a/ Về kim ngạch nhập khẩu***

##### ***- Đối với nhóm máy động lực***

Để phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống, nhiều nước trên thế giới phải nhập khẩu máy động lực các loại. Theo thống kê của Liên hiệp quốc, tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu máy động lực thế giới giai đoạn 2002 - 2006 đạt mức trung bình 14,10%/năm. Năm 2005, kim ngạch nhập khẩu máy động lực trên thị trường thế giới đạt mức 255,59 tỉ USD. Riêng năm 2006, con số này đạt 287,135 tỉ USD.

**Bảng 1.9: NK máy động lực TG tính theo mặt hàng giai đoạn 2002 - 2006**

*Đơn vị: Triệu USD*

<b>HS 2002</b>	<b>Mặt hàng</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>Tốc độ tăng bq</b>
<b>8402</b>	Nồi hơi	1.741,2	1.645,7	1.911,9	2.241,6	2.583,0	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		-5,48	16,18	17,24	15,23	10,79
<b>8404</b>	Máy phụt sử dụng cho các loại nồi hơi	662,2	688,4	736,6	893,3	1.100,1	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		3,95	7,01	21,28	23,15	13,85
<b>8406</b>	Turbin hơi nước và turbin khí	2.648,9	2.383,2	3.104,1	4.074,8	5.107,4	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		-10,03	30,25	31,27	25,34	19,21
<b>8407</b>	Động cơ đốt trong kiểu piston	27.085,8	28.109,2	31.320,8	33.542,0	35.474,0	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		3,78	11,43	7,09	5,76	4,16
<b>8408</b>	Động cơ đốt trong	15.915,9	21.272,5	28.486,5	32.108,6	35.486,4	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		33,66	33,91	12,72	10,52	14,23
<b>8409</b>	Các bộ phận dùng cho ĐC đốt trong	27.147,0	33.273,7	39.335,8	43.723,5	47.553,7	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		22,57	18,22	11,15	8,76	15,18
<b>8410</b>	Turbin thủy lực	428,6	511,7	582,7	637,3	711,0	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		19,37	13,89	9,37	11,57	11,21
<b>8411</b>	Turbin phản lực	45.322,2	45.739,5	52.594,7	57.844,0	63.744,1	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		0,92	14,99	9,98	10,2	9,02
<b>8412</b>	Đ.cơ và mô-tơ khác	4.372,0	5.737,6	7.297,6	8.383,8	9.516,5	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		31,23	27,19	14,88	13,51	21,70
<b>8413</b>	Máy bơm/đẩy chất lỏng	19.582,0	24.549,7	29.277,8	31.332,2	33.995,4	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		25,37	19,26	7,02	8,5	15,04
<b>8414</b>	Bơm không khí, bơm chân không, máy nén và quạt KK	24.875,7	30.295,0	38.193,5	40.813,7	43.891,1	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		21,79	26,07	6,86	7,54	9,05
	<b>Thế giới</b>	169.781	194.206	232.842	255.594	287.135	
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		14,39	19,89	9,77	12,34	14,10

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Các loại máy động lực có mức tăng trưởng nhập khẩu cao nhất là: Động cơ đốt trong (HS 8408), các sản phẩm động cơ đốt trong và mô tơ khác (HS 8412). Đây là những sản phẩm mà các nước đang phát triển nhập khẩu với số lượng khá lớn để phục vụ nhu cầu tiêu dùng và phát triển kinh tế trong nước. Các loại máy động lực nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng cao khác là: Bơm không khí, bơm chân không, máy nén và quạt không khí (HS 8414).

*- Đối với các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp*

Thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, nhiều nước đã tăng cường nhập khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Năm 2006, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp trên thị trường thế giới đạt trên 57 tỷ USD. Đây là nhóm sản phẩm cơ khí có tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu cao (đạt 8,15%/năm giai đoạn 2002 - 2006). Các nước đang phát triển là thị trường nhập khẩu tiềm năng đối với nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp nhằm phục vụ nhu cầu cơ khí hóa nông nghiệp, nông thôn của họ.

Trong nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp, máy ép, máy nghiền và các loại máy khác dùng trong chế biến rau quả (HS 8435) có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao nhất. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu trung bình giai đoạn 2002 - 2006 của loại sản phẩm này đạt 87,82%/năm với kim ngạch nhập khẩu năm 2004 đạt 1,14 tỉ USD, năm 2005 đạt 255 triệu USD và năm 2006 đạt 260 triệu USD. Tiếp đến là sản phẩm máy kéo (HS 8701) có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu trung bình giai đoạn 2002 - 2006 đạt 8,87%/năm. Loại sản phẩm có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất trong nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp là máy kéo (HS 8701) với kim ngạch nhập khẩu năm 2005 đạt 27.807,8 triệu USD và năm 2006 đạt 30.207,6 triệu USD.

**Bảng 1.10: Nhập khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp 2002 - 2006 theo sản phẩm**

*Đơn vị: Triệu USD*

HS 2002	Mặt hàng	2002	2003	2004	2005	2006	Tăng bq
8432	Máy nông nghiệp, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất	2.011,5	2.472,7	3.133,1	3.291,8	3.503,1	
	Tốc độ tăng (%)		22,93	26,70	5,07	6,42	8,61
8433	Máy thu hoạch/máy đập, làm sạch hoặc phân loại nông sản	6.443,9	8.165,4	9.435,4	10.580,8	12.011,3	
	Tốc độ tăng (%)		26,71	15,55	12,14	13,52	16,98
8434	Máy vắt sữa, máy chế biến sữa	872,8	1.046,3	1.220,0	1.216,6	1.259,9	
	Tốc độ tăng (%)		19,88	16,61	-0,28	3,56	9,94
8435	Máy ép, nghiền và các loại máy dùng trong chế biến rau quả	177,3	229,2	1.141,5	255,9	259,9	
	Tốc độ tăng (%)		29,32	397,97	-77,59	1,58	87,82
8436	Các loại máy khác dùng trong nông, lâm nghiệp	1.756,8	2.162,0	2.653,8	3.031,5	3.350,4	
	Tốc độ tăng (%)		23,06	22,75	14,23	10,52	17,64
8437	Máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại ngũ cốc	581,4	752,6	925,6	905,3	922,8	
	Tốc độ tăng (%)		29,44	22,99	-2,19	1,93	13,04
8438	Máy chế biến dùng cho công nghiệp thực phẩm	4.218,2	5.090,3	6.350,7	6.507,0	6.739,3	
	Tốc độ tăng (%)		27,79	17,82	2,46	3,57	12,91
8478	Máy chế biến hay đóng gói thuốc lá	720,5	965,3	1.091,1	957,0	901,0	
	Tốc độ tăng (%)		33,98	13,03	-12,29	-5,58	4,03
8701	Máy kéo	16.244,6	19.946,1	26.723,6	27.807,8	30.207,6	
	Tốc độ tăng (%)		22,79	33,98	4,06	8,63	8,87
	<b>Thế giới</b>	33.027,0	41.130,0	52.674,7	54.553,7	57.014,1	
			24,53	28,07	3,57	4,51	8,15

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Tiếp sau máy kéo là máy thu hoạch hoặc máy đập, máy làm sạch/phân loại nông sản (HS 8433) với kim ngạch nhập khẩu năm 2005 đạt 10,58 tỷ USD, năm 2006 đạt 12,01 tỷ USD và tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2002 - 2006 đạt 16,98%/năm.

*- Đối với thiết bị kỹ thuật điện*

Là một trong những nhóm sản phẩm có vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa của các nước đang phát triển, kim ngạch nhập khẩu thiết bị kỹ thuật điện năm 2006 của thế giới đạt 188.247 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân giai đoạn 2002 - 2006 của nhóm sản phẩm này đạt 6,95%/năm. Đây là nhóm các sản phẩm được các nước đang

phát triển nhập khẩu với khối lượng lớn để sản xuất các sản phẩm thay thế nhập khẩu.

**Bảng 1.11: NK thiết bị kỹ thuật điện TG theo mặt hàng 2002 - 2006**

Đơn vị tính: Triệu USD

HS 2002	Mặt hàng	2002	2003	2004	2005	2006	Tăng bq
8501	Đg.cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy)	19.840,5	22.627,7	26.031,6	28.108,4	30371,1	
	Tốc độ tăng (%)		14,05	15,04	7,98	8,05	7,52
8502	Tổ máy phát điện	6.766,1	6.816,8	8.312,1	9.777,8	11489,9	
	Tốc độ tăng (%)		0,75	21,94	17,63	7,5	7,55
8503	Các bộ phận dùng cho 8501 và 8502	6.695,6	8.055,3	9.620,7	10.436,4	11431,0	
	Tốc độ tăng (%)		20,31	19,43	8,48	9,53	14,44
8504	Biến thế điện và cuộn cảm	31.724,4	36.010,4	43.806,0	47.496,8	51657,5	
	Tốc độ tăng (%)		13,51	21,65	8,43	8,76	13,09
8507	Ắc quy điện	10.154,6	12.640,1	16.116,5	18.024,9	20303,2	
	Tốc độ tăng (%)		24,48	27,50	11,84	12,64	19,12
8508	Thiết bị cơ điện gia dụng điều khiển bằng tay hay mô tơ điện	6.284,7	7.230,0	8.504,8	9.234,1	1004,7	
	Tốc độ tăng (%)		15,04	17,63	8,57	7,56	7,79
8509	Thiết bị cơ điện gia dụng có lắp động cơ	7.329,5	8.794,6	10.073,1	10.713,5	11715,2	
	Tốc độ tăng (%)		19,99	14,54	6,36	9,35	12,56
8511	Máy phát điện	45.322,2	9.198,5	10.498,4	11.272,2	12152,6	
	Tốc độ tăng (%)		-79,70	14,13	7,37	7,81	-14,44
8533	Điện trở	5.221,2	5.776,6	7.100,4	7.032,3	7404,3	
	Tốc độ tăng (%)		10,64	22,92	-0,96	5,29	9,47
8544	Dây và cáp điện	36.330,9	41.045,5	49.652,7	54.089,2	51.817	
	Tốc độ tăng (%)		12,98	20,97	8,94	9,58	10,54
	<b>Thế giới</b>	175.669,6	158.195,6	189.716,2	206.185,6	188.247	
			-9,95	19,93	8,68	9,13	6,95

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Loại thiết bị kỹ thuật điện có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao nhất là ắc quy điện (HS 8507) với tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân giai đoạn 2002 - 2006 đạt 19,12%/năm. Tiếp đến là các sản phẩm dùng cho động cơ điện và tổ máy phát điện (HS 8503) có tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu trung bình giai đoạn 2002 - 2006 đạt 14,44%/năm.

Nếu xét về kim ngạch nhập khẩu, dây và cáp điện (HS 8544) có kim ngạch nhập khẩu cao nhất đạt 51,817 tỉ USD năm 2006 và tốc độ tăng trưởng 14,3%/năm trong giai đoạn 2002 - 2006. Tiếp đến là động cơ điện và máy phát điện (HS 8501) với kim ngạch nhập khẩu đạt 30,37 tỉ USD, tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu đạt 5,72%/năm giai đoạn 2002 - 2006. Riêng máy phát

điện các loại hiện thị trường đã tương đối bão hòa, mức tăng trưởng không đáng kể.

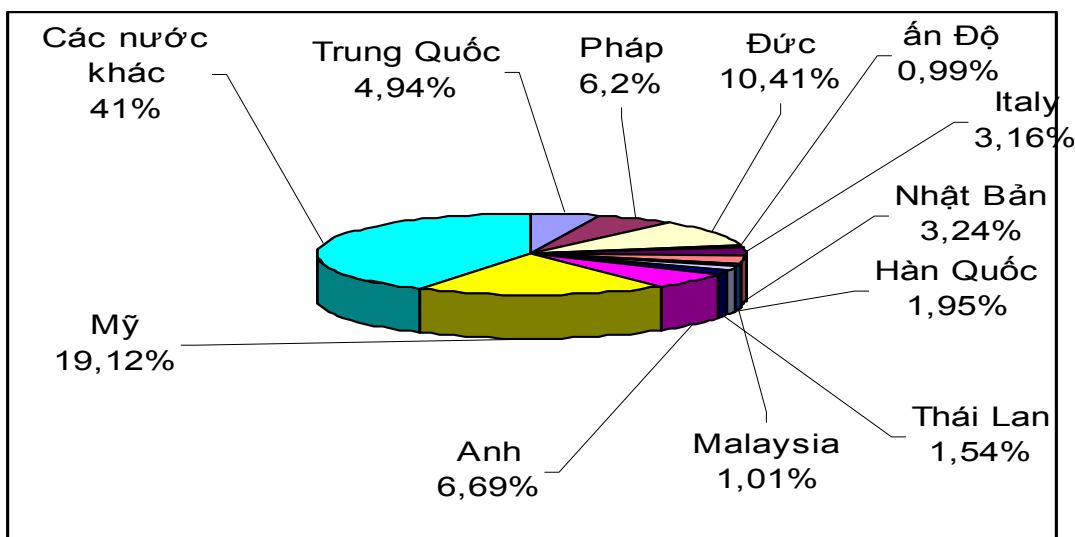
### ***b/ Các nước nhập khẩu chính đối với các sản phẩm cơ khí thế giới***

*- Đối với nhóm sản phẩm máy động lực*

Thị trường nhập khẩu máy động lực là một trong những thị trường có tốc độ tăng trưởng cao. Năm 2006, kim ngạch nhập khẩu máy động lực thế giới đạt 280,57 tỷ USD. Các nước phát triển vừa là nước xuất khẩu đồng thời cũng là những nước nhập khẩu máy động lực lớn trên thế giới.

Hoa Kỳ là nước nhập khẩu máy động lực lớn nhất thế giới với thị phần nhập khẩu chiếm 19,12%. Tiếp đến là Đức và Anh với thị phần nhập khẩu máy động lực lần lượt là 10,41% và 6,69%.

**Đồ thị 1.4: Thị phần NK máy động lực trên thị trường TG năm 2006**



*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Các nước đang phát triển có vai trò không lớn trên thị trường nhập khẩu máy động lực thế giới. Kim ngạch nhập khẩu máy động lực năm 2006 của Trung quốc chỉ chiếm 4,94% tổng kim ngạch nhập khẩu máy động lực thế giới. Con số này của Ấn Độ là 0,99%, Malaixia là 1,01% và Thái Lan là 1,54%...



**Bảng 1.12: Nhập khẩu máy động lực thế giới theo thị trường 2002 - 2006**

(Toàn bộ các sản phẩm có mã HS 2002: 8402, 8404, 8406, 8407, 8408, 8409, 8410, 8411, 8412, 8413, 8414)

Đơn vị: Triệu USD

	2002		2003		2004		2005		2006	
	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)
<b>Trung Quốc</b>	5.748,6	3,39	7.762,9	4,00	10.678,5	4,59	12.164,3	4,76	13.856,8	4,94
<b>Pháp</b>	11.637,0	6,85	12.760,2	6,57	13.661,3	5,87	15.416,8	6,03	17.397,9	6,20
<b>Đức</b>	17.534,0	10,33	21.979,8	11,32	25.731,2	11,05	27.409,1	10,72	29.196,4	10,41
<b>Ấn Độ</b>	0,0	0,00	972,0	0,50	1.309,5	0,56	1.903,9	0,74	2.768,1	0,99
<b>Italy</b>	5.677,2	3,34	7.136,7	3,67	7.738,3	3,32	8.289,4	3,24	8.879,7	3,16
<b>Nhật Bản</b>	5.635,5	3,32	5.838,8	3,01	6.635,4	2,85	7.762,6	3,04	9.081,3	3,24
<b>Malaysia</b>	1.809,9	1,07	1.405,3	0,72	1.852,8	0,80	2.294,1	0,90	2.840,5	1,01
<b>Hàn Quốc</b>	3.704,3	2,18	3.762,4	1,94	4.529,1	1,95	4.972,7	1,95	5.459,7	1,95
<b>Thái Lan</b>	1.687,1	0,99	2.025,1	1,04	2.177,1	0,93	3.063,3	1,20	4.310,2	1,54
<b>Anh</b>	12.749,5	7,51	13.542,9	6,97	15.137,5	6,50	16.861,0	6,60	18.780,7	6,69
<b>Mỹ</b>	35.523,8	20,92	35.038,2	18,04	39.045,3	16,77	45.771,0	17,91	53.655,2	19,12
<b>Các nước khác</b>	68.074,4	40,10	81.982,0	42,22	104.346,0	44,81	109.686,5	42,91	115.300,3	40,75
<b>Thế giới</b>	169.781,4	100,0	194.206,2	100,0	232.842,0	100,0	255.594,7	100,00	280.570,7	100,0

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

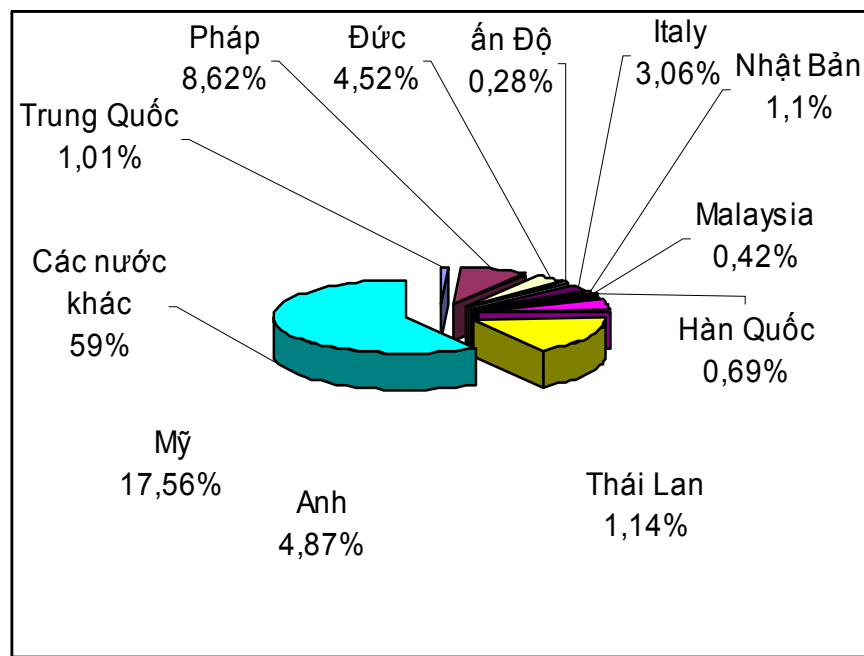
Nhìn chung, các nước phát triển có xu hướng giảm nhập khẩu máy động lực và các nước đang phát triển có xu hướng tăng nhập khẩu các mặt hàng thuộc nhóm này.

Thị phần nhập khẩu máy động lực của Hoa Kỳ năm 2002 là 20,92%, đến năm 2006, con số này chỉ còn 19,12%. Nhập khẩu máy động lực của Anh giảm từ 7,51% năm 2002 xuống còn 6,69% vào năm 2006. Nhập khẩu máy động lực của Pháp giảm từ 6,85% năm 2002 xuống còn 6,20% vào năm 2006. Trong khi đó, nhập khẩu máy động lực của Trung Quốc tăng từ 3,39% năm 2002 lên 4,94% năm 2006 và sẽ còn tiếp tục tăng trong thời gian tới. Các nước đang phát triển khác có thị phần nhập khẩu máy động lực tăng, tuy nhiên quy mô nhập khẩu vẫn còn nhiều hạn chế.

*- Đối với nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp*

Các nước phát triển vẫn là những nước nhập khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm ngư nghiệp lớn trên thế giới. Hoa Kỳ vẫn là nước nhập khẩu sản phẩm này lớn nhất thế giới với kim ngạch nhập khẩu năm 2006 đạt 9,91 tỉ USD chiếm 17,56% kim ngạch nhập khẩu nhóm sản phẩm này của thế giới. Tiếp đến là Pháp với kim ngạch nhập khẩu năm 2006 đạt 4,86 tỉ USD (chiếm 8,62% kim ngạch nhập khẩu thế giới), đứng thứ 3 là Đức với kim ngạch nhập khẩu năm 2006 đạt 2,56 tỉ USD (chiếm 4,52% kim ngạch nhập khẩu thế giới).

**Đồ thị 1.5: Thị phần nhập khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp thế giới năm 2006**



*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Các nước đang phát triển cũng nhập khẩu khối lượng lớn các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp. Tuy nhiên, cùng với nền nông nghiệp chưa phát triển và chưa được chuyên môn hóa cao thì thị phần nhập khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của khu vực này còn hạn chế. Kim ngạch nhập khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc chỉ chiếm 1,01% thị phần thế giới, Ấn Độ chỉ chiếm 0,28% thị phần, Malaixia chiếm 0,42% thị phần và Thái Lan chiếm 1,14% thị phần... Nguyên nhân của vấn đề nêu trên một phần do nhu cầu tiêu dùng của các nước đang phát triển còn nhiều hạn chế, mặt khác, các nước này đang theo đuổi chiến lược sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu nên giá trị của các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp nhập khẩu không lớn.

**Bảng 1.13: Nhập khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp theo thị trường 2002 - 2006**

(Các sản phẩm có mã HS 2002: 8432 , 8433 , 8434, 8435, 8436, 8437, 8438 8478, 8701)

Đơn vị: Triệu USD

	2002		2003		2004		2005		2006	
	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)
<b>Trung Quốc</b>	459,7	1,39	701,9	1,71	784,1	1,49	670,4	1,23	573,2	1,01
<b>Pháp</b>	3.187,7	9,65	3.782,9	9,20	4.084,9	7,75	4.459,8	8,17	4.869,1	8,62
<b>Đức</b>	2.351,3	7,12	2.732,2	6,64	3.467,8	6,58	2.977,2	5,46	2.556,0	4,52
<b>Ấn Độ</b>	0,0	0,00	54,9	0,13	90,5	0,17	118,8	0,22	155,9	0,28
<b>Italy</b>	1.351,0	4,09	1.719,6	4,18	1.941,4	3,69	1.831,9	3,36	1.728,6	3,06
<b>Nhật Bản</b>	467,4	1,42	565,2	1,37	629,2	1,19	625,1	1,15	621,0	1,10
<b>Malaysia</b>	136,3	0,41	159,1	0,39	245,5	0,47	242,7	0,44	239,9	0,42
<b>Hàn Quốc</b>	374,4	1,13	404,2	0,98	398,6	0,76	395,1	0,72	391,6	0,69
<b>Thái Lan</b>	233,2	0,71	256,7	0,62	290,0	0,55	431,7	0,79	642,6	1,14
<b>Anh</b>	1.748,4	5,29	2.079,2	5,06	2.490,4	4,73	2.618,7	4,80	2.753,6	4,87
<b>Mỹ</b>	5.142,4	15,57	5.590,1	13,59	7.707,9	14,63	8.744,0	16,03	9.919,4	17,56
<b>Các nước khác</b>	17.558,2	53,22	23.084,0	56,13	30.544,5	57,72	31.438,5	57,63	32.358,7	56,73
<b>Thế giới</b>	<b>33.027,0</b>	<b>100,00</b>	<b>41.130,0</b>	<b>100,0</b>	<b>52.674,7</b>	<b>100,0</b>	<b>54.553,7</b>	<b>100,00</b>	<b>56.499,7</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

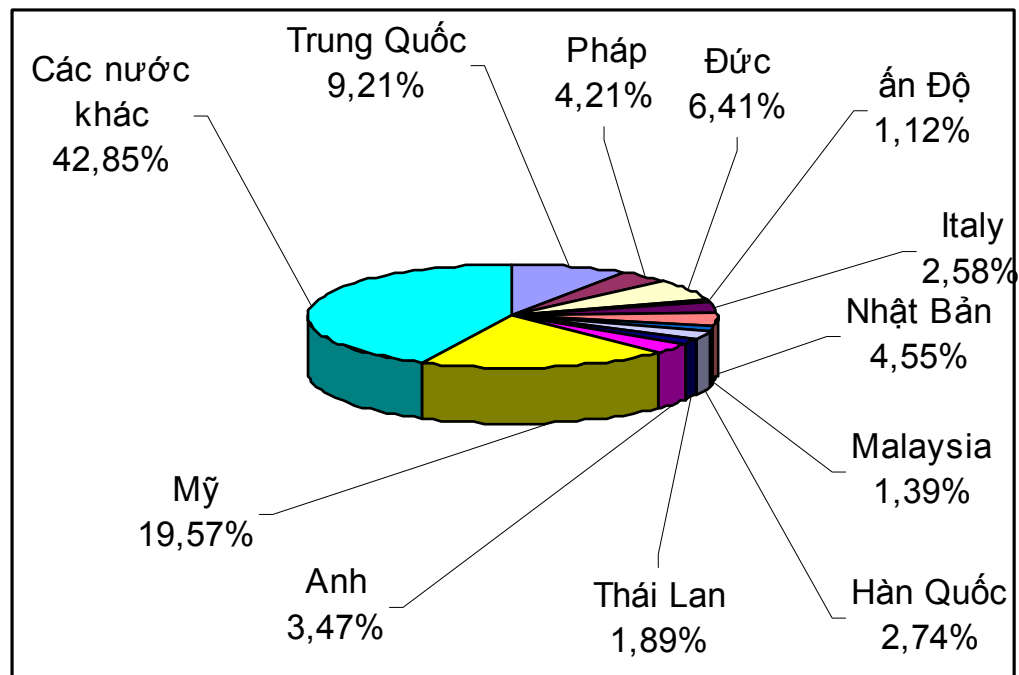
Nhìn chung, ngoại trừ Hoa Kỳ có thị phần nhập khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp tăng từ 15,57% năm 2002 lên 17,56% năm 2006 còn hầu hết các nước phát triển có xu hướng giảm nhập khẩu nhóm sản phẩm này do thị trường thế giới đã tương đối bão hòa (Pháp giảm thị phần nhập khẩu đối với nhóm sản phẩm nêu trên từ 9,65% năm 2002 xuống còn 8,62% năm 2006, Đức giảm từ 7,12% năm 2002 xuống còn 4,52% vào năm 2006). Mặt khác, thị phần của nhiều nước đang phát triển cũng đang tăng lên và mở ra nhiều cơ hội cho các nước đang phát triển khác vì các nước này ngoài việc theo đuổi chiến lược sản xuất thay thế nhập khẩu đối với các sản

phẩm cơ khí phục vụ nông lâm ngư nghiệp họ còn theo đuổi chiến lược sản xuất để xuất khẩu sang thị trường các nước đang phát triển khác.

- *Nhóm thiết bị kỹ thuật điện*

Thiết bị kỹ thuật điện là các sản phẩm cần thiết đối với mọi nền kinh tế nên hầu hết các nước đều tiêu dùng các loại sản phẩm thuộc nhóm này. Do tính chất đa dạng của sản phẩm nên không có nước nào có thể tự sản xuất được tất cả các sản phẩm để đáp ứng yêu cầu tiêu thụ nội địa. Vì vậy, ngay cả những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu một số thiết bị kỹ thuật điện cũng phải nhập khẩu các loại thiết bị điện khác mà họ chưa sản xuất được để phục vụ nhu cầu trong nước.

**Đồ thị 1.6: Thị phần nhập khẩu dây và cáp điện thế giới năm 2006**



*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Các nước nhập khẩu thiết bị kỹ thuật điện lớn là: Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản... Ngoài ra, một số nước thuộc nhóm nước công nghiệp mới như Hàn Quốc và những nước đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ như Trung Quốc hàng năm cũng nhập khẩu một khối lượng lớn thiết bị kỹ thuật điện từ các nước khác.

**Bảng 1.14 : NK thiết bị kỹ thuật điện TG theo thị trường 2002 - 2006**

(Các sản phẩm có mã HS 2002: 8501, 8502, 8503, 8504, 8507, 8508, 8509, 8511, 8533, 8544)

*Đơn vị: Triệu USD*

	2002		2003		2004		2005		2006	
	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)
<b>Trung Quốc</b>	8.824,8	5,02	11.442,9	7,23	15.887,5	8,37	18.103,0	8,78	20.627,4	9,21
<b>Pháp</b>	5.653,9	3,22	6.741,7	4,26	7.761,4	4,09	8.559,2	4,15	9.439,0	4,21
<b>Đức</b>	11.791,5	6,71	14.221,3	8,99	17.135,8	9,03	15.688,5	7,61	14.363,4	6,41
<b>Ấn Độ</b>	1,0	0,00	837,6	0,53	1.255,3	0,66	1.775,6	0,86	2.511,6	1,12
<b>Italy</b>	3.543,6	2,02	4.398,1	2,78	5.014,0	2,64	5.388,5	2,61	5.791,0	2,58
<b>Nhật Bản</b>	6.732,0	3,83	7.672,0	4,85	8.683,9	4,58	9.412,0	4,56	10.201,1	4,55
<b>Malaysia</b>	2.321,0	1,32	2.157,6	1,36	2.576,9	1,36	2.834,7	1,37	3.118,3	1,39
<b>Hàn Quốc</b>	3.022,8	1,72	3.529,0	2,23	4.218,1	2,22	5.089,3	2,47	6.140,4	2,74
<b>Thái Lan</b>	1.850,9	1,05	1.922,5	1,22	2.151,9	1,13	3.020,4	1,46	4.239,4	1,89
<b>Anh</b>	5.437,5	3,10	6.158,9	3,89	7.419,1	3,91	7.596,3	3,68	7.777,7	3,47
<b>Mỹ</b>	29.661,9	16,89	30.377,1	19,20	34.013,1	17,93	38.618,4	18,73	43.847,2	19,57
<b>Các nước khác</b>	96.828,7	55,12	68.737,0	43,46	83.599,1	44,08	90.099,6	43,72	97.105,6	42,86
<b>Thế giới</b>	175.669,6	100,0	158.195,6	100,0	189.716,2	100,0	206.185,6	100,00	224.084,7	100

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Phân tích bảng số liệu trên cho thấy: Xu hướng nhập khẩu thiết bị điện ngày càng tập trung hơn. Trong vòng 5 năm, nhập khẩu của 11 nước nghiên cứu đã tăng từ 44,88% thị phần nhập khẩu thiết bị điện của thế giới lên 56,28%. Đa số các nước nghiên cứu đều tăng nhập khẩu thiết bị kỹ thuật điện

và đây là cơ hội để các nước đang phát triển có thể đầu tư đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu nhóm sản phẩm này.

### **III- KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

Để thúc đẩy phát triển việc tăng nhanh kim ngạch và chủng loại các sản phẩm cơ khí xuất khẩu của Việt Nam, việc nghiên cứu kinh nghiệm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn của các nước khác trên thế giới để tìm bài học là hết sức quan trọng và cần thiết.

Với điều kiện, phạm vi cụ thể và giới hạn về tài liệu nghiên cứu, Đề tài tập trung nghiên cứu kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện của Malaysia và Hàn Quốc và kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc.

#### **1 - Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị điện của Malaysia**

Malaysia là nước có ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện nói chung ra đời và phát triển từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX. Ở giai đoạn đầu khi mới được hình thành, ngành sản xuất thiết bị điện của Malaysia chủ yếu sản xuất theo định hướng của Chính phủ nhằm mục đích thay thế nhập khẩu đối với các sản phẩm gồm: Thiết bị điện dân dụng, máy móc công cụ điện, dây điện, cáp điện...

Một điểm cần chú ý là ở giai đoạn này, ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện của Malaysia phát triển chủ yếu dựa trên cơ sở liên doanh với các đối tác nước ngoài. Chỉ trong một thời gian ngắn, ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện ở Malaysia đã có những bước phát triển rất mạnh mẽ và vượt ra khỏi mục tiêu ban đầu là sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu.

Hiện nay, tại Malaysia, các thiết bị điện được chia thành 4 nhóm chính gồm: Các thiết bị điện gia dụng, dây điện và cáp điện, các thiết bị điện công nghiệp và các dụng cụ điện. Như vậy, ở Malaysia, chiến lược phát triển sản xuất thiết bị điện được xác định rất rõ ràng cho từng nhóm hàng cụ thể. Trong đó, lĩnh vực sản xuất dây điện và cáp điện được xác định là một trong 4 nhánh phát triển trọng tâm trong ngành sản xuất thiết bị điện của Malaysia.

Mặt khác, hoạt động quản lý chất lượng đối với các thiết bị kỹ thuật điện của Malaysia được thực hiện rất nghiêm túc và có tính chuyên nghiệp cao. Mọi sản phẩm điện xuất khẩu của Malaysia đều phải đáp ứng những tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng gồm ISO 9002, ISO 14.000, International Electrical Commission...

Ngoài ra, các thiết bị kỹ thuật điện của Malaysia xuất khẩu sang thị trường các nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU) còn phải đáp ứng tiêu chuẩn EMC (Electromagnetic Comptibility) và đối với các sản phẩm xuất khẩu sang Hoa Kỳ còn phải đáp ứng tiêu chuẩn UL (Underwriter Laboratories).

Hay nói cách khác, chất lượng sản phẩm xuất khẩu đang được coi là vấn đề có tính chiến lược của Malaysia trong việc phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm điện của mình.

Ngoài yếu tố chất lượng sản phẩm, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất các thiết bị điện xuất khẩu của Malaysia cũng là vấn đề được Chính phủ nước này quan tâm.

Chỉ tính trong giai đoạn 1996 - 2005, đã có 355 dự án FDI được Chính phủ Malaysia cấp giấy phép hoạt động sản xuất thiết bị điện và tới nay đã có 238 dự án đang trong quá trình sản xuất và xuất khẩu. Riêng trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện, hiện Malaixia có 185 doanh nghiệp FDI đang hoạt động vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước vừa phục vụ cho hoạt động xuất khẩu.

Hiện tại, Malaysia cùng với Việt Nam đang đứng trong nhóm nước trung bình của thế giới về xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện với kim ngạch năm 2005 đạt khoảng 550 triệu USD, cao hơn khoảng 100 triệu USD so với quy mô xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam. Tuy nhiên, Malaysia được đánh giá là một trong những nước sản xuất và xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện tiềm năng với nhiều ưu thế nổi bật.

Một đặc điểm cũng rất đáng lưu ý trong ngành sản xuất dây điện và cáp điện của Malaysia là hầu hết các sản phẩm (ngoại trừ dây cáp bọc đồng) đều nhằm phục vụ cho hoạt động truyền tải điện trong nước. Đây là một trong những lý do lý giải tại sao Malaysia chưa nằm trong nhóm các nước dẫn đầu

trên thế giới về kim ngạch xuất khẩu dây điện và cáp điện mặc dù ngành công nghiệp này của Malaysia phát triển tương đối mạnh.

Riêng đối với loại dây cáp bọc đồng, ở Malaysia chủ yếu do các doanh nghiệp FDI sản xuất theo định hướng xuất khẩu rõ ràng. Một trong những nhà máy hiện đại nhất trên thế giới về sản xuất loại sản phẩm này là nhà máy của Tập đoàn Elektrisola đang được đặt tại Bentong - Malaysia.

Hiện tại, Chính phủ Malaysia đang có các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị điện. Theo đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện nói chung được hưởng một trong hai hình thức ưu đãi về thuế như sau:

- Hình thức PS (ưu tiên cho các lĩnh vực sản xuất tiên phong): Miễn 70% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 5 năm đầu đi vào hoạt động (riêng đối với khu vực hành lang bán đảo phía Đông Malaysia, khu Sabah và khu Sarawak là 85%);

- Hình thức ITA (hỗ trợ thuế đầu tư): Miễn 60% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với những khoản chi đã được kiểm toán (riêng đối với các doanh nghiệp kinh doanh tại hành lang bán đảo phía Đông Malaysia, khu Sabah và khu Sarawak, con số này là 80%).

Để thúc đẩy phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện, trong những năm tới, sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp Malaysia là rất lớn do nước này không có lợi thế về giá nhân công rẻ như các nước khác trong khu vực. Vì vậy, hướng ưu tiên trong ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện nói chung và sản xuất dây điện và cáp điện nói riêng của Malaysia là nâng cao khả năng cạnh tranh về chất lượng hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng trong các sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là thông qua các hoạt động nghiên cứu và phát triển của các doanh nghiệp trong nước...

## **2 - Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu dây điện và cáp điện của Hàn Quốc**

Trên thị trường dây cáp điện thế giới, Hàn Quốc được đánh giá là một trong những quốc gia khá thành công trong hoạt động sản xuất và xuất khẩu. Năm 2003, Hàn Quốc đứng thứ 15 thế giới về xuất khẩu dây điện và cáp điện



với kim ngạch xuất khẩu đạt trên 800 triệu USD. Năm 2004, Hàn Quốc đã vươn lên vị trí thứ 7 thế giới với kim ngạch xuất khẩu đạt gần 1,1 triệu USD.

Tại Hàn Quốc, Hiệp hội các nhà sản xuất ngành điện (KOEMA- Korea Electrical Manufactures Association) là tổ chức đóng vai trò quan trọng được thành lập theo Luật Phát triển công nghiệp của Hàn Quốc và đóng vai trò là người xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện (trong đó bao gồm các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện).

Với 170 thành viên, trong những năm qua, KOEMA đã hoạt động rất hiệu quả trong việc hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu mặt hàng dây điện, cáp điện cho các doanh nghiệp Hàn Quốc thông qua một số các hoạt động như:

- Tổ chức Hội chợ quốc tế Seoul thường niên chuyên đề về sản phẩm ngành điện (Seoul Internatioal Electric Fair - SIEF) với sự bảo trợ của Bộ Công thương và Năng lượng Hàn Quốc, Cục Quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ Hàn Quốc và Tập đoàn Điện lực Hàn Quốc. Đây là hội chợ rất có uy tín và quan trọng không chỉ đối với các nhà sản xuất và xuất khẩu dây điện, cáp điện của Hàn Quốc mà còn là một sự kiện lớn trong thị trường sản xuất và xuất khẩu dây điện, cáp điện của thế giới.

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác trao đổi công nghệ và thông tin thị trường về mặt hàng dây và cáp điện cũng như các thiết bị kỹ thuật điện khác. Đến nay, KOEMA đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với nhiều tập đoàn sản xuất, kinh doanh thiết bị kỹ thuật điện lớn trên thế giới.

- Thúc đẩy hoạt động hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, quản lý chất lượng, phát triển công nghệ và tổ chức hoạt động xúc tiến xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện trên phạm vi cả nước.

Trong những năm gần đây, Hàn Quốc tập trung sản xuất và xuất khẩu nhóm sản phẩm dây điện và cáp điện dùng cho ngành công nghiệp ô tô, gồm các loại cáp đồng trục, bộ dây đánh lửa và các loại dây dẫn điện dùng cho điện áp không quá 80V... Đây là nhóm mặt hàng có giá trị xuất khẩu chiếm khoảng 1/2 tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện của Hàn

Quốc và là nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao nhất trong các chủng loại dây điện và cáp điện của nước này.

Ngược lại, Hàn Quốc là nước không tập trung quá nhiều vào phát triển sản xuất và xuất khẩu mặt hàng cáp quang. Những năm gần đây, giá trị xuất khẩu mặt hàng cáp quang của Hàn Quốc chỉ đạt khoảng trên dưới 50 triệu USD/năm (chiếm khoảng 6% kim ngạch xuất khẩu dây điện cáp điện của nước này) và có mức tăng trưởng không đáng kể.

### **3 - Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến của Trung Quốc**

Đầu những năm 60 của thế kỷ trước, Trung Quốc đã xác định: "Lối thoát cơ bản của nông nghiệp là cơ giới hoá". Đến nay, trong đường lối chung về phát triển nông nghiệp, Đảng và Chính phủ Trung Quốc vẫn coi cơ giới hoá là then chốt, là nhân tố đầu tiên của hiện đại hoá nông nghiệp và coi nhiệm vụ "đẩy mạnh cơ giới hoá nông nghiệp" là trọng tâm phát triển.

Thực hiện chính sách cải cách mở cửa kinh tế, nhất là từ đầu những năm 90 của thế kỷ 20 đến nay, hoạt động cơ giới hoá nông nghiệp Trung Quốc đã có những bước tiến mới, cải thiện điều kiện sản xuất, nâng cao sức sản xuất ở nông thôn, tăng hiệu quả nông nghiệp và thu nhập của nông dân, thúc đẩy sự chuyển đổi nền nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại. Kết quả đạt được là tổng trang bị về cơ giới nông nghiệp không ngừng tăng cao, số lượng máy kéo có 14,46 triệu chiếc (trong đó máy kéo vừa và lớn là 900 ngàn chiếc), máy liên hợp gặt đập là 310 ngàn chiếc, ô tô 3 bánh và 4 bánh cỡ nhỏ dùng vận chuyển ở nông thôn trên 18 triệu chiếc...

Với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cơ giới hoá nông nghiệp cùng với sự gia tăng nhanh của vốn đầu tư (cả vốn trong nước và vốn FDI),

sản lượng và giá trị các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc tăng lên nhanh chóng, không chỉ đáp ứng đủ nhu cầu trong nước mà còn giành một phần cho xuất khẩu.

**Bảng 1.15: Xuất khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc giai đoạn 2002 - 2006**

(Các sản phẩm có mã HS 2002 là: 8432 , 8433 , 8434, 8435, 8436, 8437, 8438 8478, 8701)

*Đơn vị tính: Triệu USD*

	2002		2003		2004		2005		2006	
	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)	Trị giá	Thị phần (%)
Trung Quốc	331,2	0,88	510,3	1,11	640,2	1,09	960,5	1,49	1.141	2,30
Thế giới	37.794,6	100	45.977,8	100	58.520,8	100	64.312,4	100	70.677	100

*Nguồn: UN Comtrade statistic 2005 và tính toán của nhóm tác giả*

Bảng số liệu trên cho thấy, kim ngạch xuất khẩu và thị phần của các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc tăng khá nhanh trong giai đoạn 2002 - 2006. Năm 2002, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc đạt 331,2 triệu USD, chiếm 0,88% kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp toàn thế giới. Các con số tương ứng năm 2005 là 960,5 triệu USD và 1,49% và năm 2006 là 1.141 triệu USD và 2,3%,

Thị trường xuất khẩu chính của các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc là các nước sản xuất nông nghiệp ở châu Á, châu Phi và một số nước châu Mỹ.

Các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp xuất khẩu của Trung Quốc chủ yếu là: Máy nông nghiệp, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất, máy thu hoạch hoặc máy đập, làm sạch hoặc phân loại nông sản, máy vắt sữa

và máy chế biến sữa, máy ép, nghiền và các loại dùng trong chế biến rau quả, máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại ngũ cốc, máy chế biến dùng cho công nghiệp thực phẩm, máy kéo, máy bơm và một số loại máy phục vụ sản xuất nông nghiệp khác.

Nhìn chung, với chính sách đa dạng hoá loại hình, đa dạng hoá cấp độ chất lượng và giá cả, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc (đặc biệt là các loại máy phục vụ sản xuất nông nghiệp có công suất vừa và nhỏ) đã được xuất khẩu đến nhiều quốc gia trên thế giới.

#### **4 - Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Thông qua việc nghiên cứu kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn của Malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, một số bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam là:

- Việc phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và ba nhóm sản phẩm lựa chọn nói riêng cần phải có định hướng chiến lược và kế hoạch rõ ràng trong kế hoạch phát triển ngành công nghiệp và kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Kinh nghiệm về việc định hướng phát triển sớm ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện của Malaysia đã đưa đến cho họ những thành công trong việc phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị điện của nước này.

Bên cạnh định hướng phát triển ngành, việc định hướng phát triển mặt hàng cụ thể cho phù hợp với lợi thế của doanh nghiệp và quốc gia là hết sức quan trọng. Nhờ vào việc tập trung sản xuất và xuất khẩu nhóm dây điện và cáp điện dùng cho ngành sản xuất ô tô nên kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này hàng năm chiếm tới 50% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện của Hàn Quốc. Ngược lại, Hàn Quốc không tập trung vào sản xuất và xuất khẩu mặt hàng cáp quang nên kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này chỉ chiếm 5 - 6% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện của nước này.

- Để thực hiện mục tiêu phát triển sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn, bên cạnh những ưu đãi để phát triển mặt hàng, Chính phủ cần có các chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư từ mọi nguồn vốn để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu ở các vùng miền trong nước theo hướng ưu đãi ở mức độ cao hơn cho các doanh nghiệp tổ chức hoạt động sản xuất kinh

doanh ở những tỉnh, vùng, khu vực có kinh tế kém phát triển. Malaysia là nước đã khá thành công khi thực hiện chính sách này.

- Kinh nghiệm về việc tổ chức và phát huy vai trò của Hiệp hội ngành hàng

Hiệp hội ngành hàng của nhóm các sản phẩm cơ khí lựa chọn cần được tổ chức và hoạt động theo định hướng rõ ràng, mang tính chuyên nghiệp cao và thực sự xuất phát từ lợi ích của các doanh nghiệp. Hiệp hội doanh nghiệp phải là người tham mưu, định hướng cho doanh nghiệp trong việc phát triển công nghệ, tìm kiếm và mở rộng thị trường...

Hiệp hội các nhà sản xuất ngành điện (KOEMA) của Hàn Quốc được đánh giá cao trong vai trò là người xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện nói chung và sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện nói riêng.

- Kinh nghiệm về công tác quản lý Nhà nước đối với việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí.

Là ngành sản xuất quan trọng trong sự phát triển kinh tế của các quốc gia, hoạt động của ngành cơ khí nói chung cần được sự quan tâm thích đáng của Chính phủ và của các cơ quan quản lý Nhà nước. Việc nhận thức đúng đắn vai trò của ngành cơ khí trong từng giai đoạn phát triển cụ thể để có hướng đầu tư phát triển thích đáng là hết sức quan trọng và cần thiết.

Theo kinh nghiệm của Malaysia, ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, Chính phủ đã định hướng cho doanh nghiệp cơ khí sản xuất sản phẩm thuộc nhóm thiết bị điện nhằm mục đích thay thế nhập khẩu và chủ yếu dựa trên cơ sở liên doanh với các đối tác nước ngoài. Ở giai đoạn sau đó, khi ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện ở Malaysia đã phát triển mạnh mẽ và lượng hàng hoá sản xuất ra không chỉ phục vụ các ngành kinh tế trong nước và tiêu dùng của dân cư mà còn giành một phần lớn cho xuất khẩu.

Mặt khác, ở Malaysia, chiến lược phát triển sản xuất thiết bị điện được xác định rất rõ ràng cho từng nhóm hàng cụ thể (bao gồm 4 loại cơ bản là: Các thiết bị điện gia dụng, dây điện và cáp điện, các thiết bị điện công nghiệp và các dụng cụ điện). Đây là những nhóm sản phẩm cơ khí mà nước này có tiềm năng và lợi thế trong sản xuất và xuất khẩu.

Ngoài ra, Chính phủ Malaysia cũng dùng các biện pháp kinh tế (thuế) để khuyến khích phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí ở các

vùng, khu vực trong nước có kinh tế kém phát triển hơn để tạo sự phát triển đồng đều giữa các vùng kinh tế trong nước.

Đây là bài học quý đối với Việt Nam trong việc định hướng phát triển kinh tế vùng và ngành một cách phù hợp.

## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ**

### **CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001 - 2006**

#### **I - MỘT SỐ NÉT VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MÁY ĐỘNG LỰC, CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ PHỤC VỤ NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN Ở VIỆT NAM**

Theo đánh giá của Bộ Công nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp của ngành cơ khí năm 2005 đạt 91.709 tỷ đồng (giá so sánh 1994), tăng 27,2% so với 2004 và tăng 222,5% so với năm 2001, chiếm 22% giá trị sản xuất công nghiệp và tự trang bị được 36% nhu cầu thị trường trong nước. Các nhóm sản phẩm: Máy động lực, máy nông nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện... đã có đóng góp đáng kể trong việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và từng bước tiếp cận thị trường nước ngoài.

Hiện cả nước có khoảng 53.000 cơ sở sản xuất cơ khí, thu hút trên 500.000 lao động, chiếm gần 12% lao động công nghiệp. Các doanh nghiệp cơ khí chủ yếu tập trung tại các thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng... Vùng đồng bằng Bắc Bộ và vùng Đông Nam Bộ chiếm gần 90% giá trị sản xuất công nghiệp ngành cơ khí cả nước. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cơ khí so với toàn ngành công nghiệp đã tăng từ 8% lên 11,2%.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2001 - 2006, công nghiệp cơ khí Việt Nam đã đạt được thành quả bước đầu đáng ghi nhận. Một số sản phẩm cơ khí ngoài việc đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển của các ngành công nghiệp như: Điện lực, xi măng, mía đường, giấy và bột giấy, phân bón, chế biến thực phẩm... còn trở thành mặt hàng xuất khẩu mới.

- *Đối với ngành chế tạo máy động lực:* Hiện tại, ngành chế tạo máy động lực Việt Nam có thể sản xuất tới 30.000 máy/năm, đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu thị trường trong nước. Sản phẩm đã có tính năng cao hơn các loại động cơ thể hệ cũ và hơn hẳn động cơ cùng loại của Trung Quốc, dần chiếm lại thị phần nội địa về máy động lực đang bị hàng nhập lậu giá rẻ Trung Quốc lấn át. Sản phẩm đã được xuất khẩu đi nhiều nước.

- *Ngành sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp* đã sản xuất được các loại bơm tiêu ứng đến 36.000m<sup>3</sup>/h, các loại thiết bị dùng trong công nghiệp mía đường, công suất từ 1.000 - 8.000 tấn mía cây/ngày, các dây chuyền sản xuất cao su mủ khô đến 6.000 tấn/năm, dây chuyền thiết bị xay xát gạo công suất đến 50 tấn lúa/ca, các máy xay xát nhỏ ở nông thôn, thiết bị sơ chế cà phê theo phương pháp ướt, công suất 0,75 - 3 tấn/h, các thiết bị cưa xẻ chế biến gỗ, các thiết bị chế biến chè, các máy canh tác nhỏ cho nông thôn, góp phần đưa mức độ cơ giới hoá khâu làm đất tính bình quân cả nước đã đạt trên 35%. Đặc biệt các sản phẩm cơ khí nhỏ đã tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường nội địa, phục vụ đắc lực chủ trương công nghiệp hoá nông nghiệp ở Việt Nam .

- *Ngành cơ khí chế tạo thiết bị kỹ thuật điện* đã sản xuất nhiều sản phẩm đa dạng và nhiều chủng loại từ các động cơ xoay chiều 1 pha, 3 pha có công suất đến 1.000KW và điện áp đến 6 KV, máy biến áp có dung lượng và điện áp khác nhau, dây và cáp điện, thiết bị thuỷ điện nhỏ (tuốc bin, máy phát) đến các loại khởi động từ, cầu dao, cầu chì, áp - tô - mát, máy biến dòng, đồng hồ đo điện, bảng điện hạ thế và cao thế...

**Bảng 2.1. Tình hình sản xuất một số sản phẩm cơ khí chủ yếu của Việt Nam**

	Đơn vị tính	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Nông cụ cầm tay	Nghìn cái	15.918	20.639	21.752	20.756	21.549	22.421
Xe cải tiến	Cái	13.705	12.944	11.696	18.257	19.435	20.523
Máy bơm nông nghiệp	Cái	3.496	3.578	7.787	10.038	11.440	11.672
Đầu máy bơm nước	Nghìn cái	208	304	761	460	555	576
Bơm thuốc trừ sâu	Nghìn cái	70,4	52,4	51,7	52,7	54	55,3
Máy kéo và xe vận chuyển	Cái	1.932	3.052	7.889	8.607	9.415	9.871
Máy tuốt lúa có đg cơ	Cái	11.877	12.997	10.021	17.571	18.853	18.935
Máy tuốt lúa khg có đ.cơ	Cái	7.061	12.094	6.722	10.903	11.605	12.406
Máy xay xát	Cái	12.484	13.433	10.112	5.749	6.480	6.857
Máy công cụ	Cái	4.121	6.821	8.666	5.831	7.769	7.920
Động cơ diesel	Cái	30.329	107.433	184.418	182.443	145.450	152.521
Động cơ điện	Cái	45.855	64.085	95.779	132.320	134.445	135.843
Máy biến thế	Cái	13.535	18.633	33.364	50.146	45.541	46.876
Dây điện	Triệu mét	146,5	429,7	1.150,6	1.031,9	1.136,2	1.214,5

*Nguồn: Niên giám thống kê 2006, Tổng cục Thống kê.*

Từ nhiều năm nay, các công ty sản xuất trong ngành đã thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp thiết bị để phát triển sản xuất phục vụ tiêu dùng và xuất

khẩu. Điển hình là Công ty Máy kéo - Máy nông nghiệp Hà Đông (tỉnh Hà Tây) đã đầu tư 15,1 tỷ VNĐ cải tạo các dây chuyền thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất trong đó có dây chuyền sơn sấy hiện đại, nâng cao đáng kể năng lực và trình độ sản xuất, chất lượng máy kéo Bông Sen. Từ chỗ sản xuất máy kéo cỡ nhỏ 2 bánh (BS 8 đến BS 15), đến nay, Công ty này đã sản xuất hàng loạt máy kéo nhỏ 4 bánh cỡ 20 CV (BS 20) và 30 CV (BS 30) có năng suất cao hơn, đa năng hơn, liên hợp với cày chảo 3 lưỡi, phay đất 1,3m bánh lồng để làm đất, máy rạch hàng, vun luống, bơm nước, rơ - moóc vận chuyển... và còn dùng để kéo máy xay xát, tuốt lúa, phát điện...

Công ty Phụ tùng 1 (Thị xã Sông Công - Thái Nguyên) đã đầu tư dây chuyền đúc somi, nâng cấp dây chuyền sản xuất bánh răng và xử lý nhiệt luyện, mở rộng thị trường sản xuất hộp số thủy phục vụ đánh bắt hải sản xa bờ, máy sục khí phục vụ nuôi tôm...

Công ty chế tạo động cơ (VINAPPRO) và Công ty Máy nông nghiệp miền Nam (VIKYNO) tại Thành phố Biên Hoà (Tỉnh Đồng Nai) là 2 công ty sản xuất động cơ diesel cỡ nhỏ theo chuyển giao công nghệ của 2 hãng YANMAR và KUBOTA nổi tiếng của Nhật Bản. Trong giai đoạn đầu, các doanh nghiệp này chỉ thực hiện việc lắp ráp các bộ linh kiện nhập CKD, nhưng đến nay đã nâng dần tỷ lệ nội địa hoá lên tới trên 80%.

Công ty Diesel Sông Công đang có dự án đầu tư công nghệ hiện đại cho sản xuất động cơ diesel 100 - 230 CV, với tổng mức đầu tư tới gần 610 tỷ VNĐ. Dự kiến đến năm 2010, Công ty Diesel Sông Công sẽ tiếp tục đầu tư thiết bị để sản xuất động cơ diesel đến 400 CV sử dụng cho các máy kéo cỡ lớn và tàu đánh bắt hải sản xa bờ.

Ngoài các doanh nghiệp lớn kể trên, các công ty tư nhân sản xuất máy nông nghiệp cũng đang có xu hướng phát triển. Nếu như trong lĩnh vực sản xuất máy động lực và thiết bị điện, các DNNN chiếm tỷ trọng chủ yếu thì trong lĩnh vực sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp, các doanh nghiệp ngoài Nhà nước lại chiếm tỷ trọng đáng kể (xem Phụ lục 1).

Đứng đầu ngành sản xuất thiết bị kỹ thuật điện là Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện (VEC) đã sản xuất nhiều sản phẩm đa dạng và nhiều chủng loại, đạt các tiêu chuẩn TCVN, IEC và tương đương, được sử dụng rộng rãi trên lưới điện quốc gia như: Các loại máy biến áp (MBA) phân phối, MBA truyền tải có công suất đến 250 MVA, điện áp đến 220 KV và đã nghiên cứu- thiết kế xong MBA 500 KV; Các loại cáp nhôm trần tải điện A, AC, tiết diện từ 16 ÷ 600 mm<sup>2</sup>; Các loại cáp chống sét; Tủ điện hạ thế và trung thế; Tủ tự động ARV hợp bộ với MBA 110 - 220KV; Thiết bị thủy điện nhỏ trọn bộ từ 1 - 10.000 KW; Các loại dây đồng dẹt, đồng lá, đồng thanh...



Đặc biệt, sản phẩm máy biến áp, dây cáp nhôm, dây đồng dẹt và đồng lá, đồng thanh đã được cấp chứng chỉ ISO 9001. Phòng thí nghiệm điện cao áp do doanh nghiệp này quản lý đã được cấp chứng chỉ công nhận là Phòng thí nghiệm hợp chuẩn Vilas - 065.

Về chế tạo động cơ điện: Công ty chế tạo Điện cơ (có 5 máy tiện công nghệ cao) và Công ty Máy điện Việt Nam - Hunggari với 2 trung tâm gia công đứng, 1 trung tâm gia công ngang công nghệ cao (có 6 máy tiện công nghệ cao) đã sản xuất được các loại động cơ lớn công suất đến 2,5 MW và sửa chữa, phục hồi động cơ điện đến công suất 6,5 MW.

Về máy biến áp, Công ty sản xuất thiết bị điện Đông Anh đã và đang sản xuất máy biến áp 220 KV, công suất 125 MVA và 250 MVA.

Tuy nhiên, với sản lượng điện ngày càng tăng (trung bình tăng 14,5%/năm từ 1993 đến nay) thì ngành sản xuất thiết bị điện Việt Nam phải gia tăng nhanh sản lượng sản xuất mới đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng trong nước. Đặc biệt, chúng ta chưa sản xuất được một số thiết bị điện như: Máy phát điện công suất lớn (công suất trên 1 MW) hoặc các động cơ điện nhỏ và siêu nhỏ, có độ chính xác cao (bao gồm cả động cơ công suất dưới 10W, sử dụng điện thế thấp), được dùng rộng rãi trong các thiết bị cơ điện tử, thiết bị tự động hoá, các đồ điện tử cao cấp đòi hỏi kích cỡ nhỏ đến siêu nhỏ mà ngành sản xuất thiết bị điện hiện đại không thể thiếu các sản phẩm trên.

## **II. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU MÁY ĐỘNG LỰC, CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ PHỤC VỤ NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN Ở VIỆT NAM**

Khác với trước đây, hiện nay, nhiều mặt hàng cơ khí do các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất ra không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở trong nước mà còn xuất khẩu được sang nhiều thị trường khác trên thế giới, kể cả thị trường của các nước phát triển.

### **2.1. Đối với máy động lực**

#### ***2.1.1. Kim ngạch, cơ cấu và thị trường xuất khẩu***

Trong những năm qua, nhiều sản phẩm máy động lực của Việt Nam đã có những kết quả bước đầu trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài. Một số sản phẩm đã đạt kim ngạch vài chục triệu USD như: Các loại bơm không khí, máy nén và quạt không khí (HS 8414); các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong (HS 8409) hay các loại động cơ và mô tơ (HS 8412)...

Một số sản phẩm có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu khá cao như các loại động cơ và mô tơ (HS 8412) với kim ngạch xuất khẩu năm 2006 đạt 17,36

triệu USD, tăng gần 110 lần so với kim ngạch xuất khẩu 162 ngàn USD của năm 2001; kim ngạch xuất khẩu các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong (HS 8409) năm 2006 đạt 25,21 triệu USD, tăng 28,8 lần so với kim ngạch xuất khẩu 865 ngàn USD của năm 2001; kim ngạch xuất khẩu động cơ đốt trong kiểu piston (HS 8407) với kim ngạch xuất khẩu năm 2006 đạt 13,907 triệu USD, tăng 37 lần so với kim ngạch xuất khẩu 345 ngàn USD của năm 2001...Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm máy động lực của Việt Nam còn đang ở mức thấp, chưa có sự tăng trưởng ổn định qua các năm.

**Bảng 2.2. Xuất khẩu một số sản phẩm máy động lực của Việt Nam thời kỳ 2001 - 2006**

Đơn vị tính: 1.000 USD

HS 2002	Sản phẩm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
<u>8402</u>	Nồi hơi	287	490	200	8.500	1.051	1.150
<u>8404</u>	Máy phụ trợ sử dụng với các loại nồi hơi	643			2.191	336	451
<u>8406</u>	Turbin hơi nước và turbin khí	1.911	3.541	11	27	2.370	2.545
8407	Động cơ đốt trong kiểu piston	345	45	138	2.761	12.896	13.072
<u>8408</u>	Động cơ đốt trong	567	849	978	499	746	763
<u>8409</u>	Các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong	856	527	2.181	11.883	24.704	25.210
<u>8410</u>	Turbin thủy lực	14		8	1	50	57
<u>8411</u>	Turbin phản lực	1.820	6.885	5.927	8.748	2.291	2.356
<u>8412</u>	Động cơ và mô tơ khác	162	142	2.310	18.768	17.665	17.364
<u>8413</u>	Bơm chất lỏng, máy đẩy chất lỏng	3.557	5.456	4.321	5.984	8.101	9.018
<u>8414</u>	Bơm không khí, bơm chân không, máy nén và quạt không khí	50.467	68.179	69.033	70.143	57.627	63.128

*Nguồn : Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>1</sup>*

*và tính toán của nhóm tác giả*

Thị trường xuất khẩu các sản phẩm máy động lực của Việt Nam ban đầu chủ yếu là các nước trong khu vực ASEAN, sau đó mở rộng dần sang Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan... Một số sản phẩm đã được xuất khẩu sang

<sup>1</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

các nước phát triển như: Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ, NiuDilân, Australia...(xem Phụ lục 2).

Thị trường các nước phát triển đã chiếm tỷ trọng chủ yếu trong xuất khẩu một số loại máy động lực như: Australia chiếm tới 92% kim ngạch xuất khẩu turbin phản lực của Việt Nam (HS 8411) và 98% kim ngạch xuất khẩu động cơ và mô tơ (HS 8412) trong năm 2006; Nhật Bản chiếm 58% kim ngạch xuất khẩu bơm chất lỏng (HS 8413) và 26% kim ngạch xuất khẩu bơm không khí, máy nén và quạt không khí (HS 8414)...trong năm 2006.

### ***2.1.2. Thực trạng năng lực cạnh tranh xuất khẩu của nhóm hàng máy động lực Việt Nam***

Theo kết quả nghiên cứu ở trên, một số sản phẩm máy động lực của Việt Nam đã đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và bước đầu xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu của nhóm hàng này đang bị hạn chế do tác động của nhiều nhân tố, đặc biệt là về giá cả.

Một ví dụ cụ thể là: Đối với sản phẩm là động cơ nhỏ hơn 30 CV, chất lượng của động cơ sản xuất tại Việt Nam tốt hơn động cơ cùng loại của Trung Quốc và được bán ra thị trường với giá bán cao hơn. Số liệu dưới đây cho thấy sự chênh lệch về giá cả của loại sản phẩm trên:

	Do Việt Nam SX	Do Trung Quốc SX
- Động cơ diêzen 15 CV	3,6 triệu đồng	2,7 triệu đồng
- Động cơ diêzen 8 CV	2,5 triệu đồng	1,7 triệu đồng

Mặt khác, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm máy động lực của Việt Nam vẫn chiếm vị trí rất khiêm tốn trên thị trường thế giới. Có thể thấy điều đó qua so sánh tỷ trọng xuất khẩu của Việt nam trên thị trường thế giới với Trung Quốc và Thái Lan, những nước lân cận có điều kiện công nghệ, kỹ thuật không quá chênh lệch với Việt Nam (Xem Bảng 2.3).

Tuy nhiên, có thể thấy, trong giai đoạn 2001 - 2005, mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đối với nhóm máy động lực của Việt Nam cao hơn đáng kể so với Trung Quốc và Thái Lan. Vì vậy, vị trí của Việt Nam trên thị trường thế giới về nhóm hàng này có triển vọng được cải thiện.

**Bảng 2.3. So sánh khả năng xuất khẩu của một số sản phẩm máy động lực của Việt Nam với Trung Quốc và Thái Lan trên thị trường thế giới**

HS 2002	Sản phẩm	Kim ngạch XK 2005 (1.000USD)	Tg trưởng XK 2001-2005 (%)	Tỷ trọng trong XK thế giới (%)	Thứ hạng trong XK thế giới	Tăng trưởng KNNKTg thế giới 01-05 (%)
<b>8407</b>	<b>Động cơ đốt trong</b>					
	Việt Nam	<u>12.896</u>	245	0	38	6
	Trung Quốc	790.809	55	2	9	6
	Thái Lan	639.376	-19	1	11	6
<b>8409</b>	<b>Các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong</b>					
	Việt Nam	<u>24.704</u>	134	0	48	16
	Trung Quốc	755.568	32	1	11	16
	Thái Lan	490.121	61	1	18	16
<b>8411</b>	<b>Turbin phản lực</b>					
	Việt Nam	<u>2.291</u>	8	0	75	5
	Trung Quốc	336.314	28	0	22	5
	Thái Lan	107.764	1	0	33	5
<b>8412</b>	<b>Đg. cò và mô tô khác</b>					
	Việt Nam	<u>17.5</u>	474	0	38	20
	Trung Quốc	197.515	37	2	10	20
	Thái Lan	19.906	26	0	37	20
<b>8413</b>	<b>Bơm/đẩy chất lỏng</b>					
	Việt Nam	<u>8,101</u>	20		56	15
	Trung Quốc	1.333.043	40	4	7	15

	Thái Lan	184.187	45	0	25	15
--	----------	---------	----	---	----	----

*Nguồn : Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>2</sup>  
và tính toán của nhóm tác giả*

## **2.2. Đối với các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến**

### ***2.2.1. Kim ngạch, cơ cấu và thị trường xuất khẩu***

Theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), một số sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến chất lượng cao của Việt Nam đã bước đầu tiếp cận được thị trường nước ngoài như: Máy làm đất, máy xay xát và các giàn thiết bị xay xát công suất 24 tấn/ngày, máy tuyển chọn và phân loại ngũ cốc... được các đối tác quốc tế tin dùng và đánh giá cao. (Bảng 2.4)

Tuy số lượng và giá trị các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến xuất khẩu chưa cao nhưng điều này là một minh chứng lớn cho khả năng chế tạo các sản phẩm cơ khí có hàm lượng công nghệ và sức cạnh tranh cao, tạo tiền đề rất quan trọng để hội nhập khu vực và thế giới của các sản phẩm cơ khí nông nghiệp Việt Nam.

Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu khá phong phú, từ các loại thiết bị hỗ trợ cho sản xuất nông, lâm nghiệp (HS 8432) đến các thiết bị thu hoạch, chế biến nông, lâm sản (HS 8433, 8436, 8437) và thiết bị dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm (HS 8434, 8435, 8438)...

Thị trường xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến được mở rộng từ các nước ASEAN sang Hàn Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ... Đến nay, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm,

<sup>2</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

ngư nghiệp và công nghiệp chế biến của Việt Nam đã xuất hiện trên thị trường các nước Trung Cận Đông, Châu Phi, Trung Mỹ...(xem Phụ lục 3).

**Bảng 2.4. Xuất khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam 2001 - 2006**

Đơn vị tính: 1.000 USD

HS 2002	Sản phẩm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
<u>8432</u>	Máy nông nghiệp, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất	33	40	84	58	165	173
<u>8433</u>	Máy thu hoạch hoặc máy đập, làm sạch hoặc phân loại nông sản	854	931	662	602	759	956
<u>8434</u>	Máy vắt sữa và máy chế biến sữa			15			
<u>8435</u>	Máy ép, nghiền và các loại dùng trong chế biến rau quả		334			75	83
<u>8436</u>	Các loại máy khác dùng trong nông, lâm nghiệp	321	390	497	672	624	657
<u>8437</u>	Máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại ngũ cốc	1.265	666	1.933	1.508	1.667	1.685
<u>8438</u>	Máy chế biến dùng cho công nghiệp thực phẩm	702	338	303	307	324	354
<u>8478</u>	Máy chế biến/ đóng gói thuốc lá	258				36	42
<u>8701</u>	Máy kéo	1.234	4.642	4.222	4.725	7.725	7.840

*Nguồn : Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>3</sup>*

*và tính toán của nhóm tác giả*

Theo đánh giá của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM), khả năng xuất khẩu máy phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam sang Hoa Kỳ là rất lớn, đặc biệt tập trung vào 2 dòng sản phẩm chính là máy cắt cỏ và dàn xới. Với việc xuất khẩu sang Hoa Kỳ, VEAM đã mở ra một thị trường mới với tiềm năng, sức tiêu thụ lớn và hơn nữa là khẳng

<sup>3</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

định khả năng cạnh tranh của các sản phẩm cơ khí sản xuất trong nước không thua kém các sản phẩm cùng loại của các nước khác.

### **2.2.2. Thực trạng năng lực cạnh tranh xuất khẩu của nhóm hàng cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến**

Đối tượng khách hàng của nhóm sản phẩm này là nông dân, sức mua không cao dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm rất khó khăn. Bên cạnh đó, do địa hình các vùng khác nhau và đặc biệt là tập quán canh tác khác nhau nên mỗi khách hàng đều có yêu cầu riêng đối với mỗi sản phẩm về công suất máy, về yêu cầu chất lượng, về chế độ bảo hành và cung cấp phụ tùng thay thế...

Vì vậy, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam khá đa dạng về chủng loại nhưng số lượng tiêu thụ ít nên rất khó khăn trong việc tổ chức chuyên môn hóa, khó đầu tư trang bị hiện đại.

Bên cạnh khó khăn nêu trên, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã buộc các sản phẩm cơ khí Việt Nam phải đối mặt với áp lực cạnh tranh về giá rất lớn từ các sản phẩm giá rẻ của Trung Quốc và hàng đã qua sử dụng được nhập khẩu từ các nước phát triển. Các sản phẩm của Trung Quốc do được trợ giá xuất khẩu hoặc được nhập lậu vào Việt Nam không rõ nguồn gốc xuất xứ nên thường có giá thấp hơn nhiều so với sản phẩm của Việt Nam.

**Bảng 2.5. So sánh vị trí của sản phẩm máy kéo phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của VN với Trung Quốc và Thái Lan trên thị trường thế giới**

HS 2002	Sản phẩm	Kim ngạch xuất khẩu 2005 (1.000USD)	Tăng trưởng xuất khẩu 2001-2005, %	Thứ hạng trong xuất khẩu thế giới	Tăng trưởng KNNK thế giới 2001-2005 (%)
<b>8701</b>	<b>Máy kéo</b>				
	Việt Nam	7.725	45	48	21
	Trung Quốc	289.554	46	16	21
	Thái Lan	32.821	34	32	21

*Nguồn : Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>4</sup>*

*và tính toán của nhóm tác giả*

So sánh vị trí của các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam trên thị trường thế giới với sản phẩm xuất khẩu của Trung Quốc và Thái Lan có thể thấy sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở vị trí khiêm tốn. Tuy nhiên, khác với nhóm máy động lực, ít có sản phẩm cơ khí phục vụ

<sup>4</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam trong nhóm các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu (thống kê danh mục các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn của mỗi nước) trùng với sản phẩm xuất khẩu của Thái Lan và Trung Quốc. Đây cũng là một cơ hội để Việt Nam có thể phát triển xuất khẩu các sản phẩm này, không phải đối đầu với sức ép cạnh tranh trực tiếp của các sản phẩm cùng loại.

Theo đánh giá của Bộ Công nghiệp, các sản phẩm máy nông nghiệp như máy bơm, máy chế biến nông sản, máy công cụ thuộc nhóm các sản phẩm có năng lực cạnh tranh trung bình và tiếp tục duy trì được hoặc có khả năng tăng năng lực cạnh tranh trong những năm tới.

## **2.3 - Đối với thiết bị kỹ thuật điện**

### **2.3.1. Kim ngạch, cơ cấu và thị trường xuất khẩu**

Các sản phẩm thuộc nhóm thiết bị kỹ thuật điện (bao gồm cả dây và cáp điện) ngày càng đáp ứng tốt hơn cho thị trường nội địa và có kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh trên thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới.

Dây và cáp điện đang nổi lên là mặt hàng xuất khẩu đầy tiềm năng của Việt Nam. Mặt hàng dây điện và cáp điện có khả năng gia tăng xuất khẩu rất lớn do xu hướng đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài vào sản xuất mặt hàng này khá mạnh mẽ.

Riêng năm 2005, giá trị xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện Việt Nam ước đạt khoảng 500 triệu USD, tăng gần 34% so với năm 2004. Tính chung giai đoạn 2001 - 2005, xuất khẩu mặt hàng này đạt xấp xỉ 1,5 tỷ USD với tốc độ tăng bình quân gần 35%/năm.

Dự kiến kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện cả nước tăng trung bình khoảng 31%/năm trong giai đoạn 2006 -2010 và đạt hơn 2 tỷ USD vào năm 2010. Trong số đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện Việt Nam sang Nhật Bản sẽ đạt trên 800 triệu USD, sang Australia sẽ đạt trên 60 triệu USD.

Hiện tại, ở Việt Nam có khoảng trên 100 doanh nghiệp tham gia sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện. Trong số đó, nhiều công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài để đầu tư sản xuất và xuất khẩu mặt hàng với qui mô lớn và dây chuyền công nghệ hiện đại như: Cty cổ phần dây và cáp điện Taya Việt Nam, Furukawa Automotive Parts Việt Nam, Sumi



- Hanel, LG - Vina... Khối các doanh nghiệp trong nước cũng đã xuất hiện nhiều doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện với qui mô lớn, đặc biệt là Công ty dây và cáp điện Việt Nam.

Tuy nhiên, xuất khẩu của nhóm hàng này chủ yếu vẫn do các doanh nghiệp FDI thực hiện, nhất là các công ty có vốn đầu tư từ Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc như LG-Vina, Sumi - Hanel, ABB, TAKAOKA, Alpha Nam, E- Hin ... Kim ngạch xuất khẩu dây và cáp điện của Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không đáng kể trong giá trị xuất khẩu chung của toàn ngành.

**Bảng 2.6. Xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện của Việt Nam 2001 - 2006**

Đơn vị tính : 1000 USD

HS 2002	Sản phẩm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
<u>8501</u>	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy)	68.184	74.928	112.037	156.362	190.724	232.637
<u>8502</u>	Tổ máy phát điện	242	23.112	333	715	1.643	1.807
<u>8503</u>	Các bộ phận dùng cho 8501 và 8502	7.860	7.112	11.391	13.745	19.159	20.116
<u>8504</u>	Biến thế điện và cuộn cảm	38.383	45.317	54.287	79.092	105.886	111.180
<u>8507</u>	Ắc quy điện	12.049	15.591	19.671	18.961	23.004	24.154
<u>8508</u>	Thiết bị cơ điện điều khiển bằng tay hay mô tơ điện		36		78	44	46
<u>8509</u>	Thiết bị cơ điện gia dụng có lắp động cơ	854	397	1.406	47	572	603
<u>8511</u>	Máy phát điện	1.313	1.750	2.389	3.329	4.311	4.526
<u>8533</u>	Điện trở	926	2.204	2.071	4.306	6.335	6.651
<u>8544</u>	Dây, cáp điện	175.670	211.751	287.082	376.448	488.568	495.321

*Nguồn : Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>5</sup>*

*và tính toán của nhóm tác giả*

<sup>5</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

Thị trường xuất khẩu dây điện và cáp điện chủ yếu của Việt Nam là Nhật Bản (chiếm 90%), Hàn Quốc, Australia, Hồng Kông và các nước thành viên khác của ASEAN. Tuy nhiên, các thị trường nhập khẩu có khả năng tăng trưởng cao là Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Mêhicô và Pháp...

Ngoài dây điện và cáp điện, Việt Nam đã xuất khẩu được một số thiết bị điện như: Động cơ điện và máy phát điện, sản phẩm điện dân dụng, ắc quy điện... Một số sản phẩm đã đạt kim ngạch xuất khẩu trên 100 triệu USD với tốc độ tăng trưởng cao như: Động cơ điện và máy phát điện (HS 8501) với kim ngạch năm 2006 đạt 232,63 triệu USD, tăng 2,8 lần so với 68 triệu USD của năm 2001; Biến thế điện và cuộn cảm (HS 8504) đạt kim ngạch xuất khẩu 111,29 triệu USD, tăng 2,7 lần so với 38 triệu USD của năm 2001.

Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam đối với nhiều nhóm sản phẩm thiết bị điện như: Dây điện và cáp điện, động cơ điện, biến thế điện, thiết bị cơ điện...Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đang dần được tăng lên ở các thị trường khác như: Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Hồng Kông, Hoa Kỳ ...(xem Phụ lục 4).

### ***2.3.2. Thực trạng năng lực cạnh tranh xuất khẩu của nhóm hàng thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam***

So với các nhóm sản phẩm cơ khí khác, nhóm sản phẩm thiết bị điện của Việt Nam có năng lực cạnh tranh cao hơn, một phần do lĩnh vực này đã thu hút được sự tham gia của nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với công nghệ tiên tiến. Các doanh nghiệp FDI đang tích cực khai thác những lợi thế của ngành sản xuất này như: Nhu cầu tiêu dùng nội địa ngày càng cao, nhất là nhu cầu cho sự phát triển của ngành Điện lực Việt Nam, giá nhân công rẻ cộng với trình độ tay nghề cơ khí khéo léo của công nhân Việt Nam, nhiều nguyên liệu đầu vào trong nước đã sản xuất được như dây đồng, nhựa bọc cáp nên giá cả sản phẩm có khả năng cạnh tranh tốt.

Mặt khác, các doanh nghiệp FDI đã đầu tư công nghệ tương đối hiện đại của EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan vào sản xuất nên sản phẩm có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn IEC (Ủy ban Điện Quốc tế); nhiều chủng loại mẫu mã đẹp, càng tăng tính cạnh tranh của nhóm hàng thiết bị điện Việt Nam trên thị trường nội địa cũng như thị trường khu vực.

### **Bảng 2.7. So sánh vị trí của một số sản phẩm thiết bị điện của Việt Nam với Trung Quốc và Thái Lan trên thị trường thế giới**

HS 2002	Sản phẩm	Kim ngạch XK 2005 (1.000USD)	Tăng trưởng xuất khẩu 2001 - 2005 (%)	Tỷ trọng trong XK thế giới (%)	Thứ hạng trong XK thế giới	T.trưởng KNNK thế giới 2001- 2005 (%)
<b>8501</b>	<b>Động cơ điện và máy phát điện</b>					
	Việt Nam	190.724	29	0	28	11
	Trung Quốc	3.407.128	16	12	2	11
	Thái Lan	693.256	6	2	9	11
<b>8502</b>	<b>Tổ máy phát điện</b>					
	Việt Nam	1.643	49	0	53	7
	Trung Quốc	1.003.380	98	9	3	7
<b>8503</b>	<b>Các bộ phận dùng cho 8501 và 8502</b>					
	Việt Nam	19.159	28	0	36	14
	Thái Lan	174.835	45	1	19	14
<b>8504</b>	<b>Biến thế điện và cuộn cảm</b>					
	Việt Nam	105.886	29	0	38	10
	Trung Quốc	8.517.659	25	18	1	10
	Thái Lan	745.249	-8	1	16	10
<b>8507</b>	<b>Ắc quy điện</b>					
	Việt Nam	23.004	14	0	41	16
	Trung Quốc	4.224.731	44	23	1	16
	Thái Lan	639.376	-19	1	11	16
<b>8511</b>	<b>Máy phát điện</b>					
	Việt Nam	4.311	31	0	53	12
	Trung Quốc	370.177	34	3	8	12
	Thái Lan	164.656	20	1	15	12
<b>8533</b>	<b>Điện trở</b>					
	Việt Nam	6.335	58	0	38	8

	Trung Quốc	535.769	24	8	4	8
	Thái Lan	65.159	-18	1	24	8
<b>8544</b>	<b>Dây điện, cáp điện</b>					
	Việt Nam	488.568	30	0	28	10
	Trung Quốc	4.839.206	31	9	3	10
	Thái Lan	664.732	3	1	23	10

*Nguồn : Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>6</sup>  
và tính toán của nhóm tác giả*

Phân tích vị trí của Việt Nam trên thị trường thiết bị kỹ thuật điện thế giới có thể thấy: Nếu so với Trung Quốc, thị phần và tốc độ tăng trưởng của thiết bị kỹ thuật điện xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn hạn chế, nhưng so với Thái Lan, tuy nhiều loại thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam có thị phần nhỏ hơn và thứ hạng thua xa Thái Lan nhưng lại có tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều.

Theo số liệu của Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật Điện Việt Nam (VEC), hiện có khoảng 150 doanh nghiệp đang kinh doanh sản xuất thiết bị điện, dây điện, cáp điện. Các doanh nghiệp tư nhân cũng như các doanh nghiệp Nhà nước sản xuất trong lĩnh vực này khá năng động và nhanh nhạy trong việc nắm bắt nhu cầu thị trường, kể cả thị trường nội địa và thị trường thế giới. Ngay từ năm 1999, VEC đã có một chiến lược đầu tư phát triển sản xuất và nâng cao kỹ thuật công nghệ rõ ràng cho từng nhóm sản phẩm của các đơn vị thành viên. Nhờ vậy, sản phẩm của VEC hiện đã đáp ứng tới 70% nhu cầu thị trường trong nước và có tốc độ tăng trưởng từ 24% đến 55%. Tuy kim ngạch xuất khẩu chưa cao nhưng các sản phẩm xuất khẩu của Tổng công ty hầu hết đã đạt được tiêu chuẩn của IEC.

Mặc dầu vậy, các doanh nghiệp sản xuất thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam đang gặp phải một số bất lợi trong cạnh tranh với các doanh nghiệp FDI. Cụ thể là:

- Các doanh nghiệp trong nước bị hạn chế về vốn nên không thể đầu tư dây chuyền máy móc, công nghệ sản xuất đồng bộ mà chỉ có thể đầu tư đổi mới từng phần, từng công đoạn, nên tính đồng bộ của sản xuất kém, chất lượng sản phẩm không cao.

<sup>6</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

- Một số vật tư đầu vào để sản xuất thiết bị kỹ thuật điện còn phải nhập khẩu nên ảnh hưởng tới giá thành sản xuất, một số vật tư trong nước đã sản xuất được như: Dây đồng, nhựa... thì chất lượng chưa cao, chưa ổn định nên ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh.

- Chính sách thuế của Nhà nước đối với một số vật tư đầu vào để sản xuất thiết bị kỹ thuật điện hiện đang ở mức cao, sản phẩm trong nước còn bị hàng lậu trốn thuế cạnh tranh không bình đẳng...

Theo đánh giá của Bộ Công nghiệp, nhóm sản phẩm thiết bị kỹ thuật điện như: Máy biến áp, dây và cáp điện...thuộc nhóm sản phẩm có năng lực cạnh tranh cao. Ngược lại, giá cả một số sản phẩm còn kém cạnh tranh (Đối với các loại động cơ điện, máy biến áp 1 pha..., giá sản xuất trong nước thấp hơn từ 12 - 14% giá sản phẩm nhập khẩu nhưng giá dây và cáp điện cao hơn giá nhập khẩu...).

### **III - THỰC TRẠNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ NÓI CHUNG VÀ 3 NHÓM SẢN PHẨM LỰA CHỌN NÊU TRÊN CỦA VIỆT NAM**

#### **3.1 - Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu**

Chính sách quan trọng, mở đường cho ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng khó khăn kéo dài trong nhiều năm là Quyết định số 29/1998/QĐ-TTg ngày 09/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ dành một khoản vốn tín dụng ưu đãi trung và dài hạn của Nhà nước để đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cho một số sản phẩm cơ khí như: Xe đạp, quạt điện, máy động lực nhỏ, máy công cụ... với lãi suất vay 7%/năm và cấp 50% vốn lưu động định mức.

Tiếp theo, các Quyết định số 37/2000/QĐ - TTg ngày 24/03/2000, Quyết định số 117/2000/QĐ - TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách và cơ chế tín dụng tài chính cho các dự án phát triển một số sản phẩm cơ khí, theo đó những doanh nghiệp cơ khí được Nhà nước hỗ trợ vốn ngân sách xây dựng cơ sở hạ tầng; phân nhà xưởng và mua sắm thiết bị được vay vốn tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển với lãi suất 3,5%/năm, thời hạn vay 12 năm, trong đó có 2 năm ân hạn và được cấp đủ 50% vốn lưu động định mức; Nghị quyết số 111/2000/NQ- CP ngày 31/7/2000; Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 cho các doanh nghiệp cơ khí được xây dựng đề án sản xuất những sản phẩm cơ khí quan trọng để xét cho vay ưu đãi 3%/năm từ quỹ hỗ trợ phát triển (thời hạn 12 năm, trong đó có 2 năm ân hạn, 5 năm đầu không phải trả lãi vay)...

Bộ Công nghiệp đã ban hành Thông tư số 03/2000/TT-BCN ngày 31/05/2000 của Bộ Công nghiệp về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 37/2000/QĐ-TTg ngày 24/03/2000 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp trọng điểm cũng như Quyết định số 67/2000/QĐ-BCN ký ngày 20/11/2000 nêu kèm các danh mục sản phẩm cơ khí được hưởng ưu đãi đầu tư. Đây là những quyết định và nghị quyết rất quan trọng có tác dụng vực dậy và phát triển công nghiệp cơ khí.

- Nhằm tiếp tục chính sách sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh và khả năng hội nhập của doanh nghiệp Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3, Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 08/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước và các Tổng công ty Nhà nước. Theo đó, trong ngành cơ khí sẽ có các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn, những doanh nghiệp cổ phần hoá với cổ phần của Nhà nước trên 50% hoặc cổ phần đặc biệt hoặc cổ phần thấp hơn 50%, hoặc không có cổ phần. Những doanh nghiệp cơ khí không cổ phần hoá được sẽ được chuyển sở hữu cho người lao động hoặc bán doanh nghiệp. Những doanh nghiệp thua lỗ kéo dài sẽ được sát nhập, giải thể. Đối với ngành cơ khí, các chính sách trên sẽ giúp ngành đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp, phát huy sức sáng tạo của các chủ sở hữu mới để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, khả năng hội nhập của các doanh nghiệp còn tồn tại sau sắp xếp.

- Trên cơ sở Luật Công nghệ, Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), các Quyết định 362/TTg và 363 /TTg ngày 30/6/1996 về các Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước, Quyết định 68/1998/QĐ-TTg ngày 27/3/1998 về việc thành lập các doanh nghiệp Nhà nước trong các cơ sở nghiên cứu đã có tác động mạnh tới ngành cơ khí, đặc biệt các chương trình tự động hoá, vật liệu mới, công nghệ thông tin... Chương trình tự động hoá đã giúp các doanh nghiệp cơ khí tiếp cận với việc bắt đầu sử dụng robot, thiết kế và chế tạo tự động (CAD/CAM), các linh kiện cấu kiện tự động hoá thay cho nhập ngoại... Chương trình vật liệu mới giúp các doanh nghiệp cơ khí giảm chi phí vật tư đầu vào khi mua các vật liệu mới cao cấp (thép hợp kim, vật liệu composit, nam châm đất hiếm...) do các vật liệu này bắt đầu được sản xuất ở trong nước. Chương trình công nghệ thông tin với các nội dung chủ yếu về hạ tầng công nghệ, nhân lực thực hiện phần cứng - phần mềm, thương mại điện tử, chính phủ điện tử... đã bắt đầu phổ biến trong các doanh nghiệp cơ khí. Mặc dầu vậy, phần đào tạo nhân lực phần mềm, thương mại điện tử, quản lý giao dịch tài chính bằng điện tử còn rất hạn chế.

Việc cho phép thành lập các doanh nghiệp Nhà nước trong các Viện nghiên cứu cơ khí đã phát huy sáng tạo, khuyến khích ứng dụng sáng tạo của các nhà khoa học, công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Ngày 26/12/2002, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020, trong đó khẳng định cơ khí là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước. Mục tiêu được đề ra trong QĐ 186/2002 là:

- Tập trung phát triển ngành cơ khí một cách có hiệu quả, bền vững trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực trong nước kết hợp với nguồn lực bên ngoài. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành cơ khí một cách có tổ chức, phân công và hợp tác hợp lý, đồng thời tiếp tục đổi mới, sắp xếp phát triển và củng cố doanh nghiệp Nhà nước về cơ khí đủ mạnh để giữ vai trò nòng cốt, là lực lượng chủ lực của ngành.

- Tập trung phát triển một số chuyên ngành, sản phẩm cơ khí trọng điểm nhằm khai thác, phát huy tốt nhất tiềm năng (tài nguyên, nguồn nhân lực) để đáp ứng các yêu cầu cơ bản của công cuộc phát triển đất nước, bao gồm: Thiết bị toàn bộ, máy động lực, cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, máy công cụ, cơ khí xây dựng, cơ khí đóng tàu, thiết bị kỹ thuật điện - điện tử, cơ khí ô tô - cơ khí giao thông vận tải.

*Đối với nhóm Máy động lực, mục tiêu đặt ra là:*

+ Phát triển ngành chế tạo máy động lực trở thành lĩnh vực công nghiệp mạnh của Việt Nam, thông qua các chương trình, dự án đầu tư chiều sâu, hiện đại hoá thiết bị và công nghệ, nâng cao năng lực chế tạo máy động lực, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Đến năm 2010 đáp ứng 60 - 70% nhu cầu trong nước về máy động lực cỡ trung và cỡ nhỏ, sản xuất được động cơ thủy 400 mã lực trở lên với tỷ lệ nội địa hóa 35 - 40%.

*Đối với nhóm Máy kéo và máy nông nghiệp, mục tiêu đặt ra là:*

+ Máy kéo: Đầu tư sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu trong nước về máy kéo 2 bánh có công suất 6 - 8 - 12 mã lực. Sản xuất máy kéo 4 bánh có công suất 18 - 20 - 25 mã lực, từng bước sản xuất máy kéo 4 bánh công suất tới 30 mã lực. Đến năm 2010 sản xuất được máy kéo 4 bánh cỡ trung công suất 50 - 80 mã lực.

+ Máy nông nghiệp: Tập trung đầu tư, xây dựng chuyên ngành chế tạo máy nông nghiệp đủ mạnh, bao gồm máy canh tác, máy chế biến và thiết bị

bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, từng bước xuất khẩu. Khuyến khích các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, cơ khí các địa phương tham gia chế tạo thiết bị máy móc phục vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến một cách có tổ chức, phân công và hợp tác hợp lý với các doanh nghiệp cơ khí trong và ngoài địa phương.

*Đối với nhóm Thiết bị kỹ thuật điện, mục tiêu đặt ra là:* Xây dựng ngành sản xuất thiết bị điện hiện đại, đến năm 2020 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực về công nghiệp thiết bị điện và vật liệu điện. Đầu tư mới, đầu tư chiều sâu thiết bị điện với công nghệ tiên tiến để nhanh chóng nâng cao năng lực chế tạo thiết bị điện, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng phần lớn nhu cầu trong nước, thay thế các thiết bị nhập khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra thị trường khu vực và thế giới. Trước mắt cần đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất của các cơ sở hiện có để có thể sản xuất được các loại máy biến áp lớn đến 125 MVA, điện áp 220 KV, các thiết bị phân phối, truyền dẫn cho ngành điện lực, thiết bị áp lực và các thiết bị điện khác cho ngành công nghiệp và dân dụng.

Quyết định 186/2002 cũng đề ra một số chủ trương, chính sách và giải pháp hỗ trợ ngành cơ khí phát triển, trong đó nổi bật là:

- Chính sách thị trường: Nhà nước ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm cơ khí trọng điểm làm căn cứ để kiểm tra chất lượng sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu. Thực hiện bảo hộ có điều kiện và có thời hạn đối với một số sản phẩm cơ khí trong nước và ban hành các chính sách nhằm khuyến khích, tăng khả năng tiêu thụ các sản phẩm cơ khí trong nước.

- Chính sách tạo vốn cho ngành cơ khí: Nhà nước có cơ chế hỗ trợ về vay vốn lưu động cho các nhà sản xuất thiết bị cơ khí, các công trình chế tạo thiết bị toàn bộ cần vốn lớn, chu kỳ sản xuất dài. Các dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí trọng điểm được vay vốn theo Nghị quyết số 11/NQ- CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ với mức lãi suất tín dụng 3%/năm, thời hạn vay 12 năm, 02 năm đầu không phải trả lãi và bắt đầu trả nợ vào năm thứ năm hoặc được bù chênh lệch lãi suất nếu các doanh nghiệp vay vốn thương mại. Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp cơ khí, kể cả bán cổ phần cho người nước ngoài, để tạo vốn đầu tư mới và đa dạng hóa nguồn vốn. Nhà nước có chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư sản xuất phụ tùng, linh kiện theo hướng nâng cao khả năng chuyên môn hóa, hợp tác hóa trong toàn ngành cơ khí.

- Chính sách thuế: Miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu và linh kiện, bộ phận của sản phẩm cơ khí trọng điểm để phục vụ sản xuất trong nước.



Miễn hoặc giảm thuế có thời hạn cho các sản phẩm cơ khí mới lần đầu sản xuất ở Việt Nam.

- Chính sách đầu tư cho nghiên cứu và phát triển: Đối với các sản phẩm cơ khí trọng điểm, Nhà nước sẽ xem xét hỗ trợ vốn cho các dịch vụ kỹ thuật như thuê chuyên gia, mua thiết kế, mua công nghệ, chuyển giao công nghệ vượt quá khả năng của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sản xuất cơ khí được trích tối đa đến 2% doanh số bán ra cho nghiên cứu và phát triển.

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Nhà nước ưu tiên đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo ngành cơ khí và hỗ trợ kinh phí cử cán bộ, công nhân giỏi đi đào tạo và thực tập tại nước ngoài theo các chương trình, dự án được phê duyệt.

Quyết định 186/2002/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp cơ khí Việt Nam đã đem lại những chuyển biến tích cực trong ngành cơ khí. Các Tổng công ty lớn của Nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực máy động lực và máy nông nghiệp, chế tạo thiết bị kỹ thuật điện đã có định hướng để xác định chiến lược sản xuất kinh doanh và phát triển tăng năng lực sản xuất. Nhìn chung các doanh nghiệp cơ khí đã đạt được thành quả bước đầu và tăng trưởng trong sản xuất một số sản phẩm. Kết quả sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiếp tục tăng đã khẳng định chính sách và cơ chế đối với ngành cơ khí là tích cực.

### **3.2 - Cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu**

- Tháng 9/2002, Nhà nước đã thành lập Tổng cục quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có giao cơ quan này thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng Quỹ bảo hiểm tín dụng giành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, kể cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh, cung cấp dịch vụ máy móc làm đất, máy nông nghiệp.

Quỹ bảo hiểm xuất khẩu ngành hàng được thành lập năm 2002 từ nguồn đóng góp 1% doanh thu xuất khẩu của các doanh nghiệp hội viên Hiệp hội xuất khẩu đã tạo điều kiện hỗ trợ các hội viên xuất khẩu khi bị rủi ro trong quá trình sản xuất. Các chính sách tài chính mới này có thể thúc đẩy các cơ sở cơ khí nhỏ & vừa phát triển, đồng thời giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp làm hàng cơ khí xuất khẩu.

- Tìm kiếm thị trường cho hàng cơ khí xuất khẩu là việc làm cần thiết. Vì thiếu thông tin và công tác xúc tiến thương mại, khảo sát thị trường ít được quan tâm nên các doanh nghiệp cơ khí đều mong muốn tìm kiếm thị trường

xuất khẩu các mặt hàng cơ khí. Theo Quyết định số 1335/2003/QĐ-BTM ngày 22/10/2003, sản phẩm cơ khí là một trong 12 nhóm hàng thuộc Danh mục hàng hoá trọng điểm được ưu tiên xúc tiến xuất khẩu năm 2004. Sản phẩm cơ khí cũng thuộc danh mục hàng hoá trọng điểm của Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia năm 2005 theo Quyết định 1836/2004/QĐ - BTM. Các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm cơ khí đạt kim ngạch 2 triệu USD được xét duyệt là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.

- Hiệp hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam được Bộ Thương mại giao làm đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Mục tiêu của Chương trình là hỗ trợ các doanh nghiệp cơ khí trong nước có được nhiều thông tin như xây dựng Website để cung cấp thông tin quảng bá doanh nghiệp tại các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước; thành lập các đoàn của các Hiệp hội khảo sát thị trường quốc tế hợp tác sản xuất, xuất khẩu sản phẩm.

*Bên cạnh đó, cơ chế chính sách khuyến khích sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí vẫn tồn tại một số hạn chế sau:*

- Tuy các chính sách khoa học công nghệ bước đầu đã có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của ngành cơ khí nhưng hiệu quả chưa cao do số lượng các ứng dụng còn ít, chưa có tác dụng đột phá trong nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành cơ khí, nhất là khi các nước khu vực và trên thế giới đã ứng dụng được nhiều các thành tựu khoa học vào sản xuất cơ khí, Chính phủ và doanh nghiệp các nước và đã đầu tư lớn và hiệu quả hơn nhiều trong lĩnh vực này thể hiện qua việc xuất khẩu các máy móc tiên tiến có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ gốc sang Việt Nam.

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành cơ khí không được quan tâm đúng mức. Trong thời bao cấp, với định hướng chỉ đạo "cơ khí là then chốt" việc đào tạo công nhân cơ khí lành nghề, kỹ sư sau đại học... được chú trọng đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ của ngành cơ khí trong giai đoạn đó. Tuy nhiên sau đó, do khó khăn về tài chính và định hướng thay đổi nên việc đào tạo nhân lực cơ khí ít được quan tâm. Trong giai đoạn đổi mới hiện nay, công tác phát triển nhân lực ngành cơ khí đòi hỏi phải tăng cường đào tạo kiến thức về luật pháp kinh tế quốc tế để thực hiện các cam kết của hội nhập, tăng cường năng lực tiếp cận thị trường quốc tế, nguồn nhân lực ngành cơ khí còn chưa đáp ứng được yêu cầu về kiến thức chuyên môn cũng như năng lực kinh doanh, trình độ ngoại ngữ, để vừa sản xuất được các mặt hàng cơ khí tiên tiến,

độc đáo, có sức cạnh tranh và hàm lượng công nghệ cao, vừa có khả năng thích ứng được điều kiện của thị trường thế giới.

- Qua nhiều giai đoạn phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng việc phát triển công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên đến nay, ngành cơ khí phục vụ nông nghiệp mới chiếm khoảng 25% thị phần, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội.

Theo đánh giá chung, nguyên nhân của vấn đề nêu trên là do: Ngân sách UBND các tỉnh còn hạn hẹp nên hỗ trợ nông dân với số lượng rất hạn chế so với nhu cầu thực tế; Thiếu một chính sách đồng bộ ở tất cả các địa phương; Thủ tục vay vốn và giải ngân tại ngân hàng còn nhiều khó khăn. Nhiều tỉnh không quy định rõ đây là một chương trình vay vốn độc lập với các chương trình vay vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp khác cho nên rất nhiều nông dân đã vay vốn ở các dự án trước không có cơ hội vay vốn ở chương trình hỗ trợ mua máy nông nghiệp.

#### **IV- ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ CỤ THỂ ĐỐI VỚI 3 NHÓM SẢN PHẨM LỰA CHỌN**

##### **4.1. Những kết quả đạt được**

- Trong 5 năm 2001 - 2005, ngành cơ khí Việt nam đã có những bước tiến đáng kể với tốc độ tăng trưởng bình quân gần 30%/năm. Hầu hết các nhóm sản phẩm cơ khí, trong đó cơ máy động lực, thiết bị cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện... đã có sự phát triển đi lên kể cả trong việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Nhiều doanh nghiệp cơ khí đã mạnh dạn đầu tư, triển khai xây dựng các nhà máy mới, mở rộng quy mô và tăng công suất các nhà máy hiện có, đầu tư sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao.

- Các loại sản phẩm cơ khí chế tạo đang từng bước có khả năng cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Các nhóm sản phẩm cơ khí trọng điểm như: Thiết bị đồng bộ, phụ tùng công nghiệp, đóng, sửa chữa tàu thủy, lắp ráp ô tô, chế tạo máy động lực và máy nông nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện... đều đi lên từ nội lực bằng những đơn hàng chế tạo phục vụ cho nhu cầu trong nước và từng bước tiếp cận thị trường nước ngoài.

Nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, hiện thực hoá theo hướng phát triển mới, thể hiện qua các chính sách cho vay vốn, cơ chế bán trả góp cho nông dân sản phẩm động cơ diesel, sản phẩm máy móc tư liệu thiết yếu phục vụ canh tác, chế biến nông

sản, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, cơ chế đối với một số dự án thuộc ngành cơ khí, sản phẩm công nghiệp trọng điểm theo hướng bù lãi suất hoặc hỗ trợ lãi suất để đề xuất Chính phủ ban hành chính sách và thực hiện chương trình công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn của Bộ Công nghiệp.

Các sản phẩm cơ khí đã từng bước lấy lại thị phần bị chiếm lĩnh bởi hàng ngoại cùng loại có chất lượng thấp nhưng giá rẻ do cạnh tranh không lành mạnh (bán phá giá hoặc gian lận thương mại) nhập vào Việt Nam từ nhiều nguồn. Các sản phẩm máy cày 2 bánh, 4 bánh, máy phay đất, máy gặt lúa, máy bơm nước, xe vận chuyển nông thôn có kiểu dáng và tính năng sử dụng phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của ngành nông nghiệp, các dây chuyền thiết bị chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản đều có mức tăng trưởng khả quan phù hợp với yêu cầu và đặc điểm ngành nông nghiệp Việt Nam, góp phần đẩy nhanh tiến trình cơ giới hóa nông nghiệp, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Các sản phẩm cơ khí chất lượng cao đã bước đầu xuất khẩu ra nước ngoài, được các đối tác quốc tế tin dùng và đánh giá cao. Thị trường xuất khẩu mở rộng từ các nước trong khu vực ASEAN sang Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản... Các sản phẩm cơ khí đã bước đầu tiếp cận thị trường các nước Trung Cận Đông, Châu Phi, Trung Mỹ... Kim ngạch xuất khẩu của nhiều sản phẩm đã đạt được vài chục đến vài trăm triệu USD và ổn định qua các năm.

#### **4.2. Những tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động xuất khẩu của ngành cơ khí Việt Nam nói chung và 3 nhóm sản phẩm lựa chọn còn có những hạn chế sau:

- Năng lực cạnh tranh xuất khẩu của sản phẩm còn thấp. Kết quả điều tra cho thấy, tiền lương bình quân của lao động trong ngành cơ khí ở Việt Nam cao hơn so với cùng chỉ tiêu của Trung Quốc trong 5 năm gần đây. Tiền lương của lao động Việt Nam chỉ bằng khoảng một nửa mức lương của lao động Indonexia trong 4 năm qua, nhưng hiện nay đã cao hơn khoảng 20%. Năng suất lao động tính theo USD của Việt Nam thấp hơn đáng kể so với của Indonexia, Thái Lan và thấp hơn nhiều so với ở Malaixia, Hàn Quốc, Đài Loan... Vì vậy, sức cạnh tranh về chi phí trong ngành là thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực.

- Về công nghệ chế tạo các sản phẩm cơ khí

Nhìn chung, các loại hình công nghệ chế tạo của Việt Nam còn khá đơn giản và lạc hậu, thậm chí tụt hậu khoảng 2 - 3 thế hệ so với các nước khác trong khu vực, 95% là các thiết bị lẻ, không đồng bộ, không có chuyển giao công nghệ, phần lớn đã hết khấu hao. Trong khi đó, đầu tư cho cơ khí nhỏ bé lại phân tán, dàn trải, ít quan tâm đến đầu tư chiều sâu để đổi mới trang thiết bị và công nghệ nên các sản phẩm cơ khí mẫu mã chưa đa dạng, chất lượng còn thấp, giá thành cao, sức cạnh tranh kém so với các nước trong khu vực.

Khâu tạo phôi - một khâu rất quan trọng trong công nghiệp cơ khí hiện nay còn rất lạc hậu, các cơ sở sản xuất vẫn sử dụng công nghệ đúc bằng khuôn cát, chất lượng vật đúc thấp, tỷ lệ phế phẩm cao (có nơi tới 30%) lượng dư gia công lớn. Công nghệ tạo phôi bằng phương pháp biến dạng dẻo kim loại ở trạng thái nóng (cán, rèn, rập) cũng là khâu rất yếu kém, lạc hậu chưa được quan tâm đầy đủ, đúng mức; Khâu nhiệt luyện và xử lý chất lượng bề mặt các sản phẩm cơ khí còn yếu. Hiện nay ngành cơ khí chưa có một cơ sở nhiệt luyện tiên tiến nào làm trung tâm để khắc phục tồn tại trên.

Khâu gia công kim loại bằng cắt gọt là khâu mà trong sản xuất vẫn sử dụng phương pháp công nghệ cũ, cổ điển, thực hiện trên các thiết bị đã già cỗi, lạc hậu, kém chính xác. Vì vậy, khả năng gia công cơ khí chính xác của cơ khí Việt Nam chưa vượt quá cấp chính xác 2 (theo tiêu chuẩn cũ).

- Công tác nghiên cứu phục vụ cho phát triển ngành cơ khí còn yếu. Công tác tư vấn thiết kế, công nghệ, thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu đã hạn chế đến khả năng làm chủ việc chế tạo các sản phẩm cơ khí phức tạp.

Trang thiết bị kỹ thuật của các viện nghiên cứu phần nhiều đã lạc hậu, không đáp ứng được công việc nghiên cứu phát triển. Tại các đơn vị sản xuất trực tiếp, hoạt động khoa học chủ yếu là phát huy sáng kiến nhằm cải tiến, hợp lý hoá dây chuyền công nghệ hiện có. Hoạt động chuyển giao công nghệ cơ khí chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc thiết bị và triển khai các dự án FDI và hiện đang tập trung trong lĩnh vực lắp ráp ô tô, xe máy, sản xuất thiết bị điện, chưa thu hút được đầu tư vào các nhóm sản phẩm cơ khí khác.

- Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật tuy đông nhưng còn bất cập về mặt kiến thức, thiếu cán bộ đầu đàn thực sự, công tác đào tạo chưa được quan tâm

đúng mức, số người học nghề và đại học ngành cơ khí ngày một giảm sút, dẫn đến tình trạng thiếu thợ giỏi có tay nghề cao.

Mặt khác, hạ tầng cơ sở của các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành còn yếu kém, trang thiết bị phần lớn đã quá lạc hậu, thiếu đồng bộ, các chính sách đối với cán bộ khoa học kỹ thuật còn chưa thỏa đáng cũng phần nào hạn chế nhiệt tình và tính năng động, sáng tạo của các nhà khoa học.

- Trình độ quản lý và tổ chức sản xuất còn yếu kém, lạc hậu, không theo kịp tiến trình đổi mới nền kinh tế. Tổ chức còn khép kín, thiếu chuyên môn hoá, mức độ hợp tác hoá còn thấp, tư tưởng bao cấp, trông chờ vào sự bảo hộ của Nhà nước trong nhiều doanh nghiệp còn khá nặng nề. Việc tổ chức sắp xếp lại ngành Cơ khí cả nước đã được đặt ra nhưng chưa thực hiện tốt; công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực này còn phân tán và bị buông lỏng.

- Chưa tích cực tổ chức thị trường trong nước để tạo điều kiện cho sản xuất cơ khí phát triển, trong khi đó các doanh nghiệp cơ khí chưa thực sự chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, năng lực marketing còn yếu kém. Các doanh nghiệp cơ khí của ta mới chỉ biết làm ra sản phẩm, còn làm tiếp thị bán sản phẩm thì còn rất hạn chế.

- Các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí chưa được chuẩn bị tốt cho hội nhập. Trở thành thành viên WTO, mọi chế độ bảo hộ, trợ cấp của Chính phủ và thuế sẽ giảm thiểu dần hoặc bị dỡ bỏ, chỉ còn lại các rào cản kỹ thuật. Nhưng đến nay chúng ta chưa có các rào cản kỹ thuật hợp pháp đủ mạnh, đủ hiệu lực để bảo vệ các sản phẩm cơ khí trọng điểm. Trước hết, đó là các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản cần thiết để ngăn không cho du nhập các sản phẩm có trình độ kỹ thuật và chất lượng thấp. Thêm vào đó chúng ta chưa có đầy đủ các phương tiện để kiểm định sự hợp chuẩn với các sản phẩm cơ khí.

Cam kết bỏ hàng rào phi thuế tạo điều kiện cho hàng nước ngoài dễ dàng thâm nhập vào Việt Nam hợp pháp và nhiều hơn, đồng thời hàng Việt Nam cũng dễ dàng thâm nhập vào thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, các sản phẩm cơ khí của Việt Nam còn hạn chế về mẫu mã, chất lượng, giá cả còn kém cạnh tranh; bán hàng và thị trường quốc tế còn hạn hẹp. Hàng cơ khí nước ngoài được tâm lý ưa chuộng hàng ngoại của người Việt Nam ủng hộ,

hơn nữa đã phát triển lâu năm hơn (đã hết khấu hao), giá rẻ hơn, chất lượng mẫu mã tốt hơn... nên càng dễ dàng xâm nhập thị trường trong nước.

Sự quản lý thị trường kém hiệu lực, lỏng lẻo đang diễn ra đối với các sản phẩm cơ khí. Do chưa có đầy đủ các phương tiện, thiết bị kiểm tra cùng trình độ của cán bộ quản lý thị trường yếu nên nhiều sản phẩm cơ khí không đạt tiêu chuẩn, hàng lậu, hàng giả vẫn được lưu thông trên thị trường.

- Ngành cơ khí còn thiếu các Hiệp hội chuyên ngành để tập hợp, phối hợp lực lượng phân công chuyên môn hoá, hợp tác hoá làm tăng sức mạnh cạnh tranh. Bên cạnh việc hỗ trợ sản xuất, các Hiệp hội chuyên ngành có thể đóng vai trò tích cực trong việc marketing cho các doanh nghiệp thành viên cũng như đóng vai trò quan trọng trong việc đối phó, giải quyết các tranh chấp thương mại.

### **4.3. Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra**

- Từ năm 2000 trở lại đây, Chính phủ đã ban hành các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phát triển ngành công nghiệp cơ khí. Các chính sách đó bước đầu đã làm ngành công nghiệp cơ khí hồi phục. Tuy nhiên, việc tổ chức sản xuất vẫn còn manh mún, chưa đạt quy mô lớn, các doanh nghiệp cơ khí chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa, nhiều doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp quốc doanh đã thành công, song nhiều doanh nghiệp đã không thành công trong sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí.

Như vậy, nguyên nhân dẫn đến kết quả xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng một phần không nhỏ là do ngành cơ khí chưa được tổ chức sản xuất và xuất khẩu theo quy mô lớn, hiện đại theo hướng hội nhập.

- Nguyên liệu đầu vào của ngành cơ khí Việt Nam hầu hết phải nhập khẩu từ nước ngoài. Đây là lý do khiến giá thành sản xuất và giá xuất khẩu đối với các sản phẩm cơ khí Việt Nam so với các sản phẩm cùng loại của các nước khác còn đang ở mức cao, khả năng cạnh tranh về giá thấp.

- Trên thị trường xuất khẩu, sản phẩm cơ khí Việt Nam phần lớn chưa có thương hiệu riêng và chưa chiếm giữ thị phần đáng kể nên chưa tạo được uy tín trên thị trường nước ngoài và sẽ khó khăn hơn nhiều khi tham gia vào thị trường thế giới.

- Nguồn nhân lực cho sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam còn nhiều bất cập cả về kỹ thuật lẫn kiến thức và khả năng thích ứng

nhanh với những biến động của kinh tế thị trường. Đây là vấn đề lớn cần phải giải quyết nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành cơ khí trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Để nâng cao tính khả thi của Quyết định 186/2002, Chính phủ cho phép các dự án sản xuất các sản phẩm được quy định trong Chương trình cơ khí trọng điểm được vay vốn theo Nghị quyết số 11/NQ - CP ngày 31/7/2000 với mức lãi suất tín dụng 3%/năm, thời hạn vay 12 năm, thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển; hai năm đầu không phải trả lãi và bắt đầu trả nợ vào năm thứ 5 hoặc được bù chênh lệch lãi suất nếu các doanh nghiệp vay vốn thương mại, theo đó có 50 dự án thuộc danh mục dự án cơ khí trọng điểm được hưởng ưu đãi vay vốn theo Quyết định 186.

Tuy nhiên, khi triển khai được một thời gian thì Chương trình này lại gặp phải khó khăn bởi Nghị định 106/2004/CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ. Theo Nghị định này đối tượng được vay vốn ưu đãi bị thu hẹp từ 50 xuống còn 14 đối tượng và rất nhiều dự án của Chương trình cơ khí trọng điểm đã bị vướng Nghị định 106, không được vay vốn ưu đãi trong số 50 dự án cơ khí trọng điểm chỉ còn 24 dự án được vay vốn ưu đãi. Nhưng với thời gian trả nợ ngắn (12 năm) phải có vốn đối ứng tới 30%, trong khi tổng mức đầu tư cho từng dự án đòi hỏi số tiền rất lớn, nhiều doanh nghiệp đã không đáp ứng được yêu cầu này, ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình cơ khí trọng điểm.

- Tính đặc thù của ngành cơ khí là cần vốn lớn, nhưng quay vòng vốn lại chậm nên ít phù hợp với mục tiêu thương mại hiện đại (thu lợi tối đa trong thời gian ngắn nhất), do đó ít được các doanh nghiệp, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm. Mặc dù tổng đầu tư nước ngoài (FDI) vào ngành cơ khí khá lớn, nhưng có đến 50% số vốn tập trung vào ngành lắp ráp ô tô, xe máy, còn lại là thiết bị điện... Tổng đầu tư trong nước vào cơ khí cũng thấp hơn nhiều so với các ngành hàng khác.

Do không được quan tâm đầu tư, đặc biệt đối với các máy móc trực tiếp phục vụ chế tạo sản xuất nên trang thiết bị của ngành cơ khí, kể cả những những Tổng công ty lớn cũng rất lạc hậu. Điều này gây hạn chế rất lớn cho doanh nghiệp trong việc tạo ra các sản phẩm cơ khí mới và hiện đại nhằm cung cấp ra thị trường.



### CHƯƠNG 3

## NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2015

### I - BỐI CẢNH VÀ DỰ BÁO KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM

#### 1.1 - Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến khả năng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam

##### *1.1.1 - Bối cảnh quốc tế*

Cũng như các ngành công nghiệp khác, công nghiệp cơ khí của Việt Nam đang phát triển và lớn mạnh trong bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi, đặc biệt thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu. Cụ thể là:

- Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế đang mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam. Hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, cam kết thực hiện tự do hoá thương mại là cơ hội để hàng hoá Việt Nam nói chung và các sản phẩm cơ khí nói riêng có cơ hội được lưu thông tự do trên thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam có thể đi tắt, đón đầu để tiếp cận nhanh chóng với khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ và hợp tác khoa học kỹ thuật để sản xuất các sản phẩm cơ khí đáp ứng yêu cầu của thị trường mà không phải tốn thời gian, lao động và trí tuệ để nghiên cứu sản xuất tại chỗ.

Thực tế trong những năm gần đây cho thấy, nền công nghiệp cơ khí chế tạo thế giới đã và đang lớn mạnh nhanh chóng, có cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ chế tạo ở trình độ cao, thị trường toàn cầu đã được các tập đoàn công nghiệp cơ khí đa quốc gia lớn mạnh chiếm giữ. Đây vừa là thuận lợi, vừa là thách thức khi các doanh nghiệp và sản phẩm cơ khí Việt Nam phải đương đầu cạnh tranh bình đẳng với các tập đoàn, các doanh nghiệp cơ khí hàng đầu thế giới.

- Thế giới đang diễn ra xu thế chuyển dịch sản xuất các sản phẩm cơ khí công kênh, tiêu tốn nhiều năng lượng, lao động, vật tư từ các nước công nghiệp tiên tiến sang các nước thứ ba.

Là nước đang phát triển ở Đông Nam Á và ở Châu Á, Việt Nam có nhiều cơ hội để đón nhận chuyển giao sản xuất từ các nước nói trên với điều kiện phải có đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật có tay nghề giỏi và việc thực thi Luật sở hữu trí tuệ được cải thiện.

- Bên cạnh cơ hội tiếp cận khoa học công nghệ hiện đại do hội nhập đem lại, việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO đang mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói riêng nhiều cơ hội mới hết sức to lớn để phát triển thị trường tiêu thụ.

Việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại lớn nhất thế giới này đã giúp cho các sản phẩm cơ khí của Việt Nam được cạnh tranh bình đẳng trên thị trường khu vực và thế giới, không phải chịu ảnh hưởng của các rào cản về thuế khi thâm nhập vào thị trường các nước nhập khẩu là các thành viên khác của WTO. Tuy nhiên, để chen chân được vào các thị trường nhập khẩu các sản phẩm cơ khí lớn trên thế giới còn phụ thuộc rất lớn vào năng lực marketing đối với các sản phẩm cơ khí của Việt Nam.

- Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ và toàn diện trong mọi lĩnh vực, lao động trong các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu cơ khí của Việt Nam có nhiều cơ hội để được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, ngoại ngữ và trình độ quản lý theo các chương trình hợp tác về đào tạo của khu vực và quốc tế để trở thành các kỹ sư cơ khí, các nhà khoa học giỏi, các chuyên gia đầu ngành cho lĩnh vực cơ khí chế tạo. Ngoài ra, thông qua sự hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất cơ khí của các nước, các doanh nghiệp Việt Nam cũng có cơ hội để học hỏi về vấn đề tổ chức sản xuất, tổ chức thị trường và phát triển xuất khẩu thông qua việc hợp tác đào tạo...

Nói cách khác, các cam kết cắt giảm thuế quan nhập khẩu trong ASEAN và các cam kết thực hiện các quy định của WTO là cơ sở quan trọng để các sản phẩm cơ khí Việt Nam (đặc biệt là 3 nhóm sản phẩm lựa chọn) có cơ hội để cạnh tranh bình đẳng trên thị trường khu vực và quốc tế, tránh được những thua thiệt do không được hưởng các ưu đãi mà ASEAN, APEC, WTO... giành cho doanh nghiệp của các nước đang phát triển hoặc chậm phát triển.

Hơn thế, việc tham gia các tổ chức và các Hiệp định thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết về hội nhập sẽ giúp cho các doanh nghiệp cơ khí

Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế có cơ hội để liên kết hợp tác và tham gia vào các mắt xích, dây chuyền sản xuất của các tập đoàn cơ khí lớn mạnh trên thế giới để có thị trường xuất khẩu và tiếp cận công nghệ hiện đại.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế đem lại, để thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan nhập khẩu đối với các sản phẩm cơ khí theo cam kết của Việt Nam nhằm hoàn thành AFTA và cam kết gia nhập WTO, các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam cũng buộc phải cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp, tập đoàn cơ khí lớn khi tham gia thị trường thế giới.

Đây là thách thức lớn mà ngành cơ khí nói chung và các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam nói chung phải nhận thức rõ và có những giải pháp thích hợp để vượt qua.

### ***1.1.2 - Bối cảnh trong nước***

Thực hiện đường lối “Đổi mới” của Đảng, nền kinh tế Việt Nam đang có những bước phát triển nhanh, mạnh trên cơ sở phát triển toàn diện của mọi ngành kinh tế.

Trong những năm gần đây, ngành cơ khí Việt Nam được đánh giá là ngành có những biến đổi mạnh về chất. Bên cạnh việc sản xuất phục vụ tốt nhu cầu tiêu thụ trong nước, nhiều sản phẩm cơ khí của Việt Nam đã có mặt ở thị trường các nước khác trên thế giới.

Có được kết quả nêu trên, một mặt do nỗ lực của doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí, nhưng mặt khác, ngành cơ khí đang được phát triển trong bối cảnh trong nước khá thuận lợi.

- Phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí diễn ra trong điều kiện cả nước đang thực hiện đường lối CNH, HĐH đất nước của Đảng và Chính phủ. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để ngành cơ khí phát triển, giữ vững vai trò là “ngành công nghiệp then chốt” trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, trong nền kinh tế tri thức.

Từ nhiều năm nay, thực hiện công cuộc CNH, HĐH đất nước, Việt Nam đã xác định vai trò “nền tảng” của công nghiệp cơ khí trong việc phát triển nông nghiệp nông thôn, phát triển các ngành kinh tế khác và trong việc đảm bảo an ninh quốc phòng.

Đây là trách nhiệm nhưng cũng là cơ hội thuận lợi để ngành công nghiệp cơ khí phát triển mạnh trong điều kiện Việt Nam đang từng bước chuyển sang kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí được thực hiện khi Chính phủ xác định rõ vị trí, vai trò của ngành cơ khí trong phát triển kinh tế của cả nước và đã ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí.

Đây là vấn đề hết sức quan trọng nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam.

Văn bản quan trọng nhất để hướng dẫn hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam là *Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020* ban hành ngày 26/12/2002 theo Quyết định số 186/2002/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp theo đó, Chính phủ cũng ban hành một loạt các Quyết định, thông tư, chỉ thị nhằm cụ thể hóa các quy định ghi trong Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020, đặc biệt là các văn bản có liên quan đến việc đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm cơ khí ra nước ngoài. Như vậy, các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam được tiến hành các hoạt động của mình trong một hành lang pháp lý tương đối thuận lợi.

- Việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đang được tiến hành với sự góp mặt của nhiều doanh nghiệp, tập đoàn sản xuất cơ khí lớn của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Chủ trương thu hút vốn FDI cho ngành sản xuất cơ khí là hết sức đúng đắn nhằm tăng nhanh lượng vốn đầu tư cho toàn ngành, đồng thời giúp các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam có cơ hội để hợp tác sản xuất, trao đổi kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm quản lý với các doanh nghiệp của các nước có công nghiệp cơ khí phát triển.

Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam có những bước nhảy vọt quan trọng về công nghệ sản xuất, tạo ra các sản phẩm cơ khí có năng lực cạnh tranh cao, có khả năng thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường.

- Phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam được thực hiện trong bối cảnh Việt Nam vừa trở thành thành viên chính thức của WTO. Khi đó, các sản phẩm cơ khí của Việt Nam được tự do thâm nhập vào thị trường của các nước thành viên khác của WTO mà không phải chịu thuế nhập khẩu. Vấn đề đặt ra là các sản phẩm cơ khí của Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn về môi trường của nước nhập khẩu.

Đây là những thách thức lớn mà các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam phải vượt qua, nếu không thì sẽ bị thất bại ngay cả trên thị trường trong nước lẫn thị trường nước ngoài.

Nhìn chung, bối cảnh mới trong nước và quốc tế hiện nay đang rất thuận lợi cho phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam. Việc nhận thức rõ những cơ hội và thách thức trong điều kiện mới để có những giải pháp thích hợp nhằm tận dụng thời cơ phát triển sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam là hết sức quan trọng và cần thiết.

## **1.2 - Dự báo khả năng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam thời kỳ đến năm 2015**

Căn cứ vào Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn đến 2020 và quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí là để góp phần thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế theo định hướng xuất khẩu nhằm đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu và góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam đạt 72,5 tỷ USD vào năm 2010 (mức tăng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 17,5%/năm) và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2010 và 2020, cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, ngành cơ khí sẽ có những bước phát triển mới.

Để ngành cơ khí Việt Nam có thể xuất khẩu đạt 30% giá trị sản lượng vào năm 2010, dự báo tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của cả nước sẽ đạt mức tăng trưởng bình quân 17,5%/năm giai đoạn 2006 - 2010. Con số này được dự báo là 15% cho giai đoạn 2011 - 2015.

*Trong giai đoạn 2006 - 2010*, các doanh nghiệp sẽ tập trung xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam có lợi thế như: Máy chế biến nông, lâm, thủy sản, cơ khí đóng tàu, chế tạo thiết bị, lắp ráp cơ điện tử...

*Đến giai đoạn 2011 - 2015*, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ xuất khẩu những các sản phẩm cơ khí có trình độ công nghệ cao hơn như: Động cơ các loại, máy phát điện, biến thế điện, các loại nồi hơi, các loại máy phục vụ sản xuất và chế biến nông, lâm, thủy sản công nghệ cao...

Như vậy, căn cứ vào Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn đến 2020 và Đề án phát triển xuất khẩu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 156/2006/QĐ- TTg ngày 30/06/2006, và tính

toán của nhóm tác giả, kim ngạch xuất khẩu của 3 nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn trong thời kỳ đến 2015 được dự báo như sau:

**Bảng 3.1: Dự báo kim ngạch xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn của Việt Nam giai đoạn đến 2010 và 2015**

*Đơn vị: 1.000 USD*

Sản phẩm	T. độ tăng 01 - 05 (%)	2006	2007	2008	2009	2010	T.độ tăng 06-10 (%)	2011	2012	2013	2014	2015	T.độ tăng 11 -15 (%)
Nhóm máy động lực	22,94	150.208	176.495	207.381	243.673	286.316	17,5	329.263	378653	435.451	500.767	575.884	15
Nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp	27,23	13.365	15.704	18.452	21.682	25.476	17,5	29.298	33.692	38.747	44.558	51..242	15
Nhóm thiết bị điện	28,81	987.289	1.160.060	1.363.307	1.601.610	1.881.890	17,5	2.164.180	2.488.810	2.862.130	3.291.450	3.785.170	15

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả*

Riêng mặt hàng dây và cáp điện, dự báo kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng khoảng 31%/năm trong giai đoạn 2006 - 2010 và đạt hơn 2 tỷ USD vào năm 2010. Đây là mặt hàng được dự báo có mức tăng trưởng xuất khẩu cao cho cả thời kỳ 2006 - 2010 (31%), trong khi mức tăng trung bình hàng năm thời kỳ 2001 - 2005 đạt 35%.

Dự báo thị trường xuất khẩu chủ yếu đối với mặt hàng dây điện và cáp điện Việt Nam là Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Hồng Kông và các nước thành viên khác của ASEAN. Trong số đó, thị trường Nhật Bản được dự kiến có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 800 triệu USD, thị trường Australia dự kiến đạt trên 60 triệu USD vào năm 2010. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng có thể tập trung khai thác các thị trường Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Mexico và Pháp...là các nước nhập khẩu dây và cáp điện lớn nhất thế giới hiện nay.

## **II - QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM ĐẾN 2015**

### **2.1 - Quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015**

*Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020* được phê duyệt tại Quyết định số 186/2002/QĐ - TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 12 năm 2002 đã xác định cơ khí là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước. Vì vậy, chúng ta cần tập trung phát triển ngành cơ khí một cách có hiệu quả, bền vững trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực trong nước, kết hợp với nguồn lực bên ngoài. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành cơ khí một cách có tổ chức, phân công và hợp tác hợp lý để tự sản xuất được máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng, tập trung phát triển một số chuyên ngành, sản phẩm cơ khí trọng điểm nhằm khai thác, phát huy tốt nhất tiềm năng (tài nguyên, nguồn nhân lực) để đáp ứng các yêu cầu cơ bản của công cuộc phát triển đất nước.

Thực hiện chủ trương trên, những năm gần đây, nhiều mặt hàng cơ khí do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất ra không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở trong nước mà còn được xuất khẩu với kim ngạch khá lớn sang nhiều thị



trường trên thế giới. Các sản phẩm cơ khí xuất khẩu với chất lượng cao đã bước đầu được các đối tác quốc tế tin dùng và đánh giá cao. Thị trường xuất khẩu mở rộng từ các nước trong khu vực ASEAN sang Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.... Các sản phẩm cơ khí đã bước đầu tiếp cận thị trường các nước Trung Cận Đông, Châu Phi, Trung Mỹ...Kim ngạch xuất khẩu hàng năm của nhiều sản phẩm đã đạt được vài chục đến vài trăm triệu USD.

Để tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam sang thị trường nước ngoài, trên cơ sở quan điểm phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, một số quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015 cần được quán triệt như sau:

*- Phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí cần có sự lựa chọn đối với những sản phẩm/nhóm sản phẩm trong nước có tiềm năng sản xuất, có thị trường tiêu thụ tương đối ổn định.*

Những năm gần đây, khi sản xuất cơ khí về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước, để tiếp tục phát triển và mở rộng sản xuất, các doanh nghiệp đã tìm cách đưa các sản phẩm của mình ra tiêu thụ ở các thị trường nước ngoài. Lúc đầu là các sản phẩm cơ khí có công nghệ đơn giản như: Máy tuốt lúa dùng cơ, máy cày, máy bừa..., sau đến các sản phẩm cơ khí chế tạo với công nghệ phức tạp, đòi hỏi độ chính xác cao, giá trị xuất khẩu lớn như: Động cơ các loại, máy phát điện, máy nông nghiệp phục vụ việc làm đất, máy chế biến quả, máy liên hợp gặt đập và phân loại ngũ cốc...

Như vậy, việc đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam sang thị trường nước ngoài là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế theo định hướng xuất khẩu, là góp phần cùng các ngành khác nâng cao kim ngạch xuất khẩu của cả nước, mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế của hàng hoá và doanh nghiệp Việt Nam.

Riêng đối với các nhóm sản phẩm lựa chọn (những sản phẩm được coi là có tiềm năng phát triển sản xuất, bước đầu đã và đang chiếm giữ thị phần trên một số thị trường) cũng có số lượng và chủng loại sản phẩm xuất khẩu

còn ít, kim ngạch xuất khẩu chưa cao. Vì vậy, đa dạng hoá mặt hàng cơ khí xuất khẩu đang là vấn đề cần được ngành cơ khí và các doanh nghiệp quan tâm.

*- Phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí cần được thực hiện theo hướng đa dạng hoá các phương thức xuất khẩu*

Đa dạng hoá phương thức xuất khẩu là một trong những vấn đề quan trọng để phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam hiện nay. Ngoài việc chủ động tìm kiếm thị trường và bạn hàng, để các sản phẩm cơ khí Việt Nam có thể thâm nhập mạnh vào thị trường nước ngoài, các doanh nghiệp cần năng động, sáng tạo trong việc lựa chọn phương thức xuất khẩu thông qua việc cung cấp sản phẩm trung gian cho các Tập đoàn cơ khí nước ngoài hoặc các công ty đa quốc gia (lợi dụng khả năng có thể sản xuất các chi tiết, bộ phận riêng biệt và khả năng có thể lắp lẫn của sản phẩm cơ khí).

Mặt khác, cần đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, những mặt hàng chế biến, chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao.

*- Phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí cần được thực hiện trên các thị trường trọng điểm, có khả năng tiêu thụ các nhóm sản phẩm lựa chọn một cách lâu dài và có dung lượng thị trường lớn*

Thực tế cho thấy, một số lượng không nhỏ máy động lực và máy nông nghiệp của Việt Nam đã được chấp nhận trên thị trường các nước: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Iraq, Srilanka, các nước châu Phi, các nước Nam Mỹ...với giá trị tới chục triệu USD.

Trong tương lai, các sản phẩm cơ khí của Việt Nam sẽ được xuất khẩu sang nhiều nước khác trên thế giới. Sự mở rộng thị trường của các sản phẩm cơ khí Việt Nam sẽ là cơ sở để mở rộng thị trường cho các thiết bị, phụ tùng có liên quan, thậm chí cho cả các sản phẩm khác ngoài sản phẩm cơ khí. Cùng với việc góp phần làm tăng nhanh kim ngạch và đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu của cả nước, các sản phẩm cơ khí Việt Nam đã xuất hiện và được

chấp nhận trên thị trường thế giới sẽ góp phần mở rộng phạm vi thị trường cho hàng xuất khẩu Việt Nam.

*- Phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam cần được thực hiện theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm cơ khí xuất khẩu và cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn.*

Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp ngành cơ khí cần được thực hiện một cách toàn diện cả về năng lực cạnh tranh về giá, năng lực cạnh tranh về khả năng thiết kế, năng lực cạnh tranh về khả năng tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm...

Nói tóm lại, quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015 được xác định phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế theo định hướng xuất khẩu, phù hợp với định hướng phát triển xuất khẩu hàng hoá và Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn đến năm 2020. Đây sẽ là căn cứ quan trọng cho việc định hướng phát triển sản xuất, định hướng phát triển thị trường đối với các sản phẩm cơ khí của Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2010, 2015 và những năm tiếp theo.

## **2.2 - Định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015**

### **2.2.1 - Định hướng thị trường**

*+ Đối với mặt hàng máy động lực*

- Chú trọng xuất khẩu sang thị trường ASEAN, vì đây là các thị trường có doanh thu từ xuất khẩu đạt mức khá cao (7 - 18 triệu USD trong giai đoạn 2000 - 2005) với các sản phẩm chủ yếu là: Động cơ đốt trong kiểu piston, các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong, bơm không khí, bơm chân không, máy nén và quạt không khí...

- Tăng cường xuất khẩu sang các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Australia...với các sản phẩm chủ yếu là: Nồi hơi và máy phụ trợ sử dụng cùng các loại nồi hơi, turbin phản lực, các loại động cơ và mô tơ...

- Thâm nhập hiệu quả vào thị trường các nước Mỹ la tinh, Nam Phi, Srilanca, Iraq...

+ *Đối với nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến*

- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến sang thị trường Trung Quốc, Hoa Kỳ với các sản phẩm chủ yếu là máy thu hoạch, máy đập, máy làm sạch hoặc phân loại nông sản, máy kéo, máy nông, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất...

- Chú ý phát triển xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, xây dựng thị trường này trở thành thị trường mới tiềm năng, có sức tiêu thụ lớn với các mặt hàng chủ yếu là: Máy cắt cỏ, dàn xới đất...

- Giữ vững thị phần tiêu thụ các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến sang các nước Thái Lan, Ấn Độ, Malaysia, Philippin, Australia...

+ *Đối với nhóm mặt hàng thiết bị kỹ thuật điện*

- Tăng cường xuất khẩu vào các thị trường trọng điểm đối với các loại dây và cáp điện ở châu Á như: Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapor, Philippin, Ấn Độ, Thái Lan... Các mặt hàng chủ yếu có thể xuất khẩu sang khu vực thị trường này là: Bộ dây đánh lửa và các bộ dây khác sử dụng cho xe cộ, máy bay, tàu thủy (HS. 854430), các loại dây điện dùng cho điện áp không quá 80V có gắn đầu nối (HS. 854441), các loại dây điện dùng cho điện áp lớn hơn 80V nhưng không quá 1.000V có gắn đầu nối (HS. 854451), các loại cáp quang (HS. 854470)...

- Khai thác triệt để các thị trường châu Âu như: Pháp, Đức, Anh, Phần Lan, Thụy Sĩ, Hungary, Hà Lan, Bồ Đào Nha... với các mặt hàng: Cuộn dây điện bằng nhôm (HS. 854419), cuộn dây điện bằng đồng (HS. 854411), các loại dây dẫn điện dùng cho điện áp trên 1.000V (HS. 854451), cáp đồng trục và các loại dây điện đồng trục khác (HS. 854420)...

- Thâm nhập mở rộng thị trường sang khu vực châu Mỹ (Mexico, Hoa Kỳ...), châu Phi (Nam Phi, Nigeria), châu Đại Dương (Australia, New Zealand) với các mặt hàng như: Các loại cáp quang (HS. 854470), bộ dây đánh lửa và

các bộ dây khác sử dụng cho xe cộ, máy bay, tàu thuỷ (HS. 854430), cuộn dây điện bằng nhôm (HS. 854419), cuộn dây điện bằng đồng (HS. 854411)...

### **2.2.2 - Định hướng về chất lượng và chủng loại sản phẩm**

Đối với các sản phẩm cơ khí xuất khẩu, yêu cầu về chất lượng và chủng loại sản phẩm được định hướng như sau:

- Các sản phẩm cơ khí xuất khẩu của Việt Nam cần đảm bảo các tiêu chuẩn về kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường và các quy định của các nước nhập khẩu. Đây là định hướng quan trọng nhằm giúp cho các sản phẩm cơ khí Việt Nam đạt chất lượng cao và có thể thâm nhập hiệu quả, giữ vững thị phần và được tiêu thụ ổn định trên các thị trường các nước nhập khẩu chủ yếu.

- Từng bước tăng tỷ lệ nội địa hoá đối với các sản phẩm cơ khí xuất khẩu, tăng cường đầu tư kỹ thuật, công nghệ để đa dạng hoá các sản phẩm có giá thành thấp, chất lượng cao để có thể cạnh tranh về giá trên thị trường khu vực và quốc tế.

- Tăng cường phân công, hợp tác nhằm chuyên môn hoá sản xuất và tiêu thụ đối với những nhóm sản phẩm chủ yếu, những mặt hàng trọng điểm, tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cơ khí với các doanh nghiệp, tập đoàn cơ khí lớn trên thế giới.

- Phát triển đa ngành để đa dạng hoá các sản phẩm cơ khí trên thị trường khu vực và thế giới, xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm cơ khí Việt Nam (đặc biệt là 3 nhóm sản phẩm lựa chọn) trên thị trường nước ngoài.

- Nhanh chóng đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao, vừa đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, thay thế thiết bị nhập khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra thị trường khu vực và thế giới.

### **2.2.3 - Định hướng về giá xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam đến 2015**

Như đã đề cập ở Chương 2, giá xuất khẩu của các sản phẩm cơ khí nói chung và của các sản phẩm cơ khí lựa chọn nói riêng của Việt Nam so với các sản phẩm cùng loại trên thế giới (đặc biệt là của Trung Quốc) đang ở mức cao. Đây là một trong những lý do khiến năng lực cạnh tranh của các sản phẩm cơ khí Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới đang ở mức thấp.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh (đặc biệt là năng lực cạnh tranh về giá xuất khẩu) của các sản phẩm cơ khí lựa chọn trên thị trường thế giới, trong giai đoạn từ nay đến năm 2015, các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn cần sử dụng tổng thể các biện pháp để các sản phẩm cơ khí đưa ra thị trường có mức giá cạnh tranh. Cụ thể là:

- Giảm giá thành sản xuất các sản phẩm cơ khí lựa chọn trên cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước (Hiện nay nguyên liệu để sản xuất chủ yếu phải nhập khẩu nên giá thành sản phẩm tương đối cao).

- Tăng cường đầu tư từ mọi nguồn vốn để đổi mới thiết bị, công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm công nghệ cao, đáp ứng những đòi hỏi của thị trường và khách hàng, có khả năng sản xuất và xuất khẩu với khối lượng lớn, với giá cạnh tranh.

- Giảm đến mức thấp nhất giá của các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu như: Chi phí giao nhận, vận tải, chi phí marketing và xúc tiến thương mại... để giảm giá xuất khẩu hàng hóa, tăng khả năng cạnh tranh về giá của các sản phẩm cơ khí Việt Nam so với các nước khác, đặc biệt là Trung Quốc...

### **III - CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU MÁY ĐỘNG LỰC, CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ PHỤC VỤ NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẾN 2015**

#### **3.1 - Nhóm các giải pháp đối với Chính phủ và các Bộ, Ngành có liên quan**

##### ***3.1.1 - Giải pháp về việc quy hoạch và tổ chức lại hệ thống các doanh nghiệp sản xuất đối với 3 nhóm sản phẩm lựa chọn theo hướng phát triển sản xuất để phục vụ xuất khẩu***

Trong quá trình thực hiện đường lối Đổi mới kinh tế của Đảng, các doanh nghiệp thuộc ngành cơ khí Việt Nam đang đấu tranh mạnh mẽ để thích nghi với những biến động của kinh tế thị trường.

Khó khăn lớn nhất của ngành cơ khí chế tạo máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện là hầu hết các doanh nghiệp đang thuộc sở hữu Nhà nước, được hình thành và hoạt động từ lâu theo cơ chế đầu tư cũ, cơ sở vật chất nghèo nàn, khả năng hợp tác sản xuất yếu, cạnh tranh không hiệu quả.

Trước những đòi hỏi khi chuyển đổi sang kinh tế thị trường, giải pháp sống còn của các ngành cơ khí sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện...là phải đổi mới, tổ chức lại hệ thống doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ cần sớm tổ chức, sắp xếp lại khối các doanh nghiệp cơ khí thuộc sở hữu Nhà nước, tạo sức mạnh liên kết, hợp tác đầu tư sản xuất cho toàn ngành. Có như vậy, mọi doanh nghiệp sản xuất máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện thuộc mọi thành phần kinh tế mới được hoạt động bình đẳng theo Luật Doanh nghiệp và cùng tham gia cạnh tranh bình đẳng trên thị trường.

Mặt khác, để trong thời kỳ đến 2010 và 2015, ngành công nghiệp sản xuất máy động lực và máy nông nghiệp, sản xuất thiết bị kỹ thuật điện của Việt nam có đủ nội lực để sản xuất phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, Bộ Công nghiệp cần xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch đầu tư phát triển đối với từng nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn theo vùng lãnh thổ để định hướng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc mọi thành phần kinh tế trong cả nước. Có như vậy, việc đầu tư sẽ không bị trùng lặp, thiếu hiệu quả và không huy động được nguồn lực từ các thành phần kinh tế.

Ngoài ra, Chính phủ cũng cần tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, điều chỉnh cơ cấu tổ chức và hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, từng bước hình thành mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con, gắn với việc không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ và phát triển nguồn nhân lực.

Cụ thể, Bộ Công nghiệp cần triển khai xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển máy động lực và máy nông nghiệp, Chiến lược phát triển thiết bị kỹ thuật điện để tạo cơ sở cho các doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển sản xuất - kinh doanh phù hợp với điều kiện cụ thể của họ. Các Chiến lược phát triển cho từng nhóm hàng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá và xác định các phương án tổ chức nguồn nguyên liệu để cung ứng cho sản xuất nhằm đạt được mục tiêu đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trong thời kỳ chiến lược.

- Sắp xếp, tổ chức hệ thống sản xuất trong nước, bao gồm qui hoạch phát triển các đối tượng tham gia sản xuất (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài), định hướng cơ cấu sản phẩm cho từng mặt hàng trong nhóm sản phẩm lựa chọn.

- Xây dựng Chương trình xúc tiến xuất khẩu cụ thể cho các nhóm sản phẩm gắn với những thị trường xuất khẩu trọng tâm.

- Đề xuất cơ chế phối hợp, triển khai thực hiện chiến lược, bảo đảm sự tham gia một cách rộng rãi của các thành phần gồm các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, các cơ quan xúc tiến thương mại...

Nhìn chung, để phát triển sản xuất và xuất khẩu máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện, bên cạnh sự nỗ lực của các doanh nghiệp, sự trợ giúp của Chính phủ và các Bộ, Ngành có liên quan là hết sức cần thiết. Có như vậy, hoạt động của các doanh nghiệp mới được bảo đảm vừa phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế, vừa thích hợp với lộ trình cụ thể của Việt Nam trong quá trình hội nhập.

### ***3.1.2 - Giải pháp về việc tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển (R & D), đưa khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất các nhóm sản phẩm lựa chọn***

Từ nhiều năm nay, do hạn chế đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển nên năng lực công nghệ chế tạo của ngành cơ khí Việt Nam nói chung và 3 nhóm sản phẩm lựa chọn nói riêng chưa được cải thiện.

Điều này dẫn đến các sản phẩm cơ khí nói chung và 3 nhóm sản phẩm lựa chọn nói riêng chưa đạt hiệu quả cạnh tranh cao trên thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài.

Để tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao, được thị trường chấp nhận, Việt Nam cần đánh giá đúng vai trò của hoạt động này trong từng giai đoạn cụ thể, coi việc đầu tư hỗ trợ cho công tác nghiên cứu và phát triển là những hình thức trợ cấp không bị cấm theo quy định của WTO nhằm tạo lập môi trường thích hợp cho việc đổi mới công nghệ, ứng dụng rộng rãi công nghệ mới, công nghệ cao ở Việt Nam.

Biện pháp trước mắt là cần đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp các Viện nghiên cứu thành các Viện đầu ngành, vừa làm công tác nghiên cứu phát triển, đồng thời thực hiện hoạt động tư vấn thiết kế trong một số lĩnh vực cơ khí đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện tại, Bộ Công nghiệp đang trình Chính phủ phê duyệt cơ chế ưu đãi chung cho các dự án sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm. Theo đó, chính sách đầu tư cho nghiên cứu và phát triển được đề cập như sau:



- Nhà nước hỗ trợ tối thiểu 50% chi phí chuyển giao công nghệ, mua bản quyền thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài để sản xuất các sản phẩm cơ khí trọng điểm (3 nhóm sản phẩm lựa chọn đều nằm trong 8 nhóm sản phẩm cơ khí trọng điểm), ưu tiên xem xét hỗ trợ các dự án đầu tư công nghệ cao có xuất xứ từ các nước công nghệ nguồn trên thế giới.

- Các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm cơ khí trọng điểm được trích từ 2% đến 5% doanh số bán ra phục vụ cho công tác nghiên cứu và phát triển.

- Nhà nước ưu tiên hỗ trợ 50% kinh phí từ nguồn vốn ngân sách để đào tạo ở trong và ngoài nước đối với nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm, đặc biệt là các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí để phục vụ xuất khẩu.

***3.1.3 - Giải pháp về việc đổi mới và hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của 3 nhóm sản phẩm lựa chọn của Việt Nam trên thị trường quốc tế, đặc biệt là ở các thị trường mục tiêu thông qua việc khai thác lợi thế so sánh, giảm chi phí sản xuất, kinh doanh, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường***

Để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của 3 nhóm sản phẩm lựa chọn trên thị trường quốc tế trong điều kiện hội nhập và cạnh tranh có tính chất toàn cầu, Chính phủ cần nghiên cứu, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách và cơ chế có liên quan mà hiện được cho là “bất cập”, là không còn phù hợp. Cụ thể:

- Chính phủ cần cân đối đầu tư và tạo điều kiện cho ngành cơ khí chế tạo Việt Nam có đủ nguồn vốn để từng bước sản xuất được nguyên liệu đầu vào, đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm tạo ra các sản phẩm cơ khí xuất khẩu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và được thị trường thế giới chấp nhận.

Trên thực tế, các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam thường không có đủ nguồn vốn để thực hiện các hợp đồng cung cấp sản phẩm vì nhu cầu vốn cho ngành này là khá cao và thời gian thu hồi vốn chậm. Hiện tượng thiếu vốn đầu tư mua sắm nguyên liệu đầu vào và đổi mới công nghệ cho sản xuất các nhóm sản phẩm lựa chọn thời gian qua đã khiến các sản phẩm cơ khí được sản xuất ra có giá thành tương đối cao, chất lượng chưa đạt tiêu chuẩn quốc tế và thị phần trên thị trường thế giới còn ở mức thấp.

Chính vì vậy, Nhà nước cần có cơ chế linh hoạt đối với việc cho vay vốn sản xuất đối với các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm cơ khí xuất

khẩu. Nếu thời gian cho vay vốn lưu động được khống chế quá ngắn, các doanh nghiệp không thể quay vòng vốn để sản xuất được.

- Chính phủ cần tập trung đầu tư xây dựng một số nhà máy có năng lực luyện thép chế tạo máy, đáp ứng đủ nhu cầu tự chủ vật tư đầu vào cho sản xuất trong nước.

Mặt khác, các Bộ, Ngành, địa phương cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm cơ khí phát triển, có khả năng tạo các sản phẩm có tính năng tốt, chất lượng cao thông qua việc thực hiện định hướng “chuyên môn hoá sâu, hợp tác hoá rộng”, tránh đầu tư trùng lặp hoặc dàn trải, gây thiệt hại cho doanh nghiệp và nền kinh tế.

Hay nói cách khác, do đặc thù của 3 nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn là cơ cấu sản phẩm rất đa dạng, nhu cầu về quy mô và thời gian đầu tư vốn khác nhau do tính chất và mức độ phức tạp của công nghệ sản xuất quyết định. Vì vậy, Nhà nước cần huy động những nguồn vốn dành cho đầu tư trung hạn để đầu tư vào các dự án thuộc lĩnh vực này. Nguồn vốn huy động có thể thông qua việc thu hút đầu tư nước ngoài vào sản xuất máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện dưới hình thức 100% vốn FDI hoặc liên doanh. Đây là cơ hội tốt để ngành sản xuất máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện có thể nâng cao năng lực về vốn để sản xuất phục vụ xuất khẩu. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để Việt Nam tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất, khai thác thị trường sẵn có của các tập đoàn, các hãng sản xuất các sản phẩm cơ khí lớn trên thế giới.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần tập trung nguồn vốn trong nước để hỗ trợ cho một số khâu quan trọng như sản xuất cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần cho hoạt động xuất khẩu, đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển, công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, xúc tiến thương mại và nghiên cứu thị trường và có chính sách huy động các nguồn vốn khác từ trong dân thông qua hoạt động cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước.

- Nhà nước cần xem xét kỹ và có bước đi cho phù hợp với trình độ và đặc thù của ngành chế tạo máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện. Cụ thể, cần có các rào cản kỹ thuật cần thiết, đủ hiệu lực, đủ mạnh để bảo vệ sản xuất trong nước trước áp lực cạnh tranh của các hãng sản xuất các sản phẩm cơ khí lớn và có thương hiệu mạnh trên thế giới.

- Ngành công nghiệp nói chung và các ngành cơ khí cụ thể nói riêng cần nâng cao năng lực marketing, năng lực tiếp thị, quảng bá để bán sản phẩm ra nước ngoài. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, để xuất khẩu được nhiều sản phẩm cơ khí ra nước ngoài, vấn đề quan trọng nhất không phải là năng lực thiết kế, chế tạo mà là năng lực marketing đối với sản phẩm.

Hiện tại, các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu mới phát triển sản xuất ra các sản phẩm cơ khí để tiêu thụ trong nước. Số chủng loại trong 3 nhóm sản phẩm lựa chọn được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài chưa nhiều, số lượng cũng như giá trị của sản phẩm xuất khẩu chưa lớn và ổn định qua các năm. Để giải được bài toán nêu trên, Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp cơ khí nâng cao năng lực marketing, giúp họ nâng cao năng lực tiếp thị để xuất khẩu sản phẩm ra thị trường nước ngoài. Muốn vậy, Bộ Công nghiệp nên có những tổ chức, những bộ phận chuyên môn làm marketing xuất khẩu. Những bộ phận này có vai trò hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài, tìm hiểu tập quán tiêu dùng các sản phẩm thuộc 3 nhóm lựa chọn (tập quán canh tác, tập quán và khả năng sử dụng thiết bị kỹ thuật điện...) để cung ứng cho họ các sản phẩm phù hợp.

Bộ Công nghiệp cũng cần phối hợp với Bộ Thương mại xây dựng Chương trình xúc tiến xuất khẩu cụ thể cho các nhóm sản phẩm lựa chọn cho giai đoạn 2010 và 2015, gắn với những thị trường trọng tâm với mục tiêu đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu để không ngừng tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

Đối với máy động lực và các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện, thị trường xuất khẩu trọng điểm trong thời kỳ từ nay đến 2010 - 2015 chủ yếu vẫn là thị trường Trung Quốc, thị trường các nước ASEAN, một số nước châu Á khác và hướng tới thị trường Hoa Kỳ, các nước Nam Mỹ và Châu Phi. Vì vậy, Chính phủ và Bộ công nghiệp cần có những giải pháp hỗ trợ để các doanh nghiệp có thể khai thác được lợi thế về giá nhân công rẻ, đấu tranh giảm chi phí sản xuất, kinh doanh, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường.

### **3.2- Nhóm các giải pháp đối với các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện**

#### ***3.2.1 - Giải pháp về việc tăng cường đầu tư vốn vào sản xuất các sản phẩm thuộc 3 nhóm lựa chọn để phục vụ xuất khẩu vì cơ khí là ngành có nhu cầu đầu tư vốn lớn nhưng thời gian thu hồi vốn chậm***

Trong sản xuất hàng hoá, vốn đầu tư luôn được coi là yếu tố quan trọng hàng đầu. Có được nguồn vốn đầu tư đủ lớn và kịp thời, các doanh nghiệp mới có đủ điều kiện để mua sắm các yếu tố đầu vào, mua sắm thiết bị công nghệ và tổ chức sản xuất ổn định.

Cũng như các sản phẩm cơ khí khác, máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện đều là nhóm sản phẩm có nhu cầu đầu tư vốn lớn và thời gian thu hồi vốn lâu.

Để đáp ứng nhu cầu này, bên cạnh sự hỗ trợ của Nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu máy động lực, máy nông nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện cần chủ động trong việc tạo nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển của sản xuất và thị trường.

Các nguồn vốn mà các doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu các sản phẩm lựa chọn nói trên có thể huy động là:

- Các khoản vốn vay từ ngân hàng phục vụ phát triển sản xuất và xuất khẩu.
- Vốn vay từ quỹ hỗ trợ phát triển đối với các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm để xuất khẩu.
- Vốn huy động từ các nguồn khác do tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp (vốn từ cổ phần của Nhà nước, của các doanh nghiệp thành viên hoặc của các cá nhân).
- Vốn huy động được dựa trên cơ sở liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài để thu hút vốn FDI.
- Vốn từ ngân sách Nhà nước.

#### ***3.2.2 - Giải pháp về việc đưa khoa học, công nghệ hiện đại vào sản xuất để tạo nguồn hàng xuất khẩu đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế***

Đối với các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn, việc đổi mới công nghệ sản xuất đang được đặt ra như là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm tạo ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế phục vụ cho xuất khẩu.

Việc đổi mới công nghệ sản xuất đối với các nhóm sản phẩm nêu trên có thể được thực hiện thông qua việc thu hút các doanh nghiệp có vốn FDI vào các dự án sản xuất máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện ở Việt Nam, đặc biệt là các dự án có công nghệ hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển đối với các loại sản phẩm cơ khí đã nêu.

Ngoài ra, việc đổi mới công nghệ còn có thể được thực hiện thông qua việc nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao để phục vụ sản xuất trong nước nhằm tạo ra sản phẩm có đủ điều kiện xuất khẩu.

Một điều cần nhấn mạnh là việc hiện đại hoá công nghệ sản xuất các sản phẩm cơ khí luôn phải đảm bảo sản xuất được các sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng, về kỹ thuật đối với các thị trường xuất khẩu đã được định hướng tới năm 2010 và 2015.

- Doanh nghiệp cần tập trung đầu tư một số công nghệ hiện đại phục vụ cho từng sản phẩm hay nhóm sản phẩm để tránh đầu tư dàn trải, hiệu quả đầu tư thấp, cần lựa chọn và tăng cường đầu tư cho công nghệ và thiết bị tiên tiến để thiết kế, chế tạo sản phẩm mới.

Tuy nhiên, doanh nghiệp cần có lộ trình đổi mới công nghệ một cách phù hợp, tránh rủi ro trong đổi mới công nghệ, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Đưa hệ thống công nghệ thông tin hiện đại vào phục vụ hoạt động thiết kế, phục vụ sản xuất chế tạo và phục vụ hoạt động marketing để xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

- Ưu tiên phát triển hoạt động liên kết sản xuất - tiêu thụ - xuất khẩu sản phẩm cơ khí lựa chọn giữa các doanh nghiệp để thực hiện chuyên môn hoá sản xuất ở mức độ cao. Đây là giải pháp quan trọng để thông qua đó, mỗi doanh nghiệp chỉ tập trung đổi mới thiết bị và công nghệ cho công đoạn sản xuất mình phải chịu trách nhiệm mà vẫn tạo được sản phẩm cuối cùng có chất lượng cao.

### ***3.2.3 - Giải pháp về việc nâng cao năng lực về kỹ thuật và quản lý cho đội ngũ kỹ sư và cán bộ quản lý ở các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn***

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, con người là yếu tố quyết định đến sự thành công hay không thành công của doanh nghiệp. Trong tương lai,

khi tham gia sâu vào thị trường các sản phẩm cơ khí khu vực và quốc tế, nguồn nhân lực điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cần có đủ trình độ về kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng quản lý kinh tế hiện đại.

Để đáp ứng yêu cầu nêu trên, bên cạnh sự hỗ trợ của Nhà nước, các doanh nghiệp cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề thông qua việc đào tạo chuyên ngành, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao tay nghề... Đây sẽ là một khâu rất quan trọng nhằm tạo nên hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp.

Cụ thể là:

+ Thường xuyên cử cán bộ, công nhân tham gia các Dự án, Chương trình đào tạo do các Bộ, Ngành để nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý doanh nghiệp.

+ Mời các kỹ sư, chuyên gia cơ khí giỏi và nhiều kinh nghiệm ở trong và ngoài nước về tập huấn, phổ biến kiến thức và kinh nghiệm cho công nhân và cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp.

+ Thường xuyên tổ chức các đoàn cán bộ đi điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường ở nước ngoài để họ có cơ hội tiếp xúc với kỹ năng quản lý doanh nghiệp hiện đại

+ Tăng cường hợp tác liên kết và trao đổi chuyên gia kỹ thuật và chuyên gia quản lý với các doanh nghiệp, các tập đoàn cơ khí của các nước khác trên thế giới để tận dụng “chất xám” từ các chuyên gia nước ngoài và nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật và công nhân của doanh nghiệp.

### ***3.2.4 - Giải pháp về việc hợp tác, liên kết phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước***

Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam hiện đang có quy mô nhỏ, các công ty TNHH chiếm tỷ lệ đáng kể trong số các doanh nghiệp cơ khí trong cả nước. Hơn thế, họ chỉ có khả năng đảm nhận sản xuất một hoặc một số chi tiết, phụ tùng máy móc thiết bị do cơ sở vật chất kỹ thuật không đảm bảo và vốn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh bị hạn chế.

Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp cơ khí sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm lựa chọn là giải pháp cần thiết trong điều kiện hội nhập. Để nâng cao năng lực về vốn đầu tư, năng lực tiếp cận và chiếm giữ thị trường, năng lực sản xuất và xuất khẩu thiết bị toàn bộ...việc liên kết các doanh nghiệp cơ khí trong nước hoặc doanh nghiệp cơ khí trong nước với doanh nghiệp, tập đoàn cơ khí nước ngoài thành một doanh nghiệp, tập đoàn có quy mô lớn, có tiềm lực mạnh là rất cần thiết.

Thông qua sự liên kết này, các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam có thể hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất các sản phẩm cơ khí để tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu sang các nước khác. Đây là mô hình liên kết kinh tế được nhiều nước, nhiều tập đoàn trên thế giới áp dụng và đạt hiệu quả cao. Sự liên kết này sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp không chỉ trên thị trường quốc tế và ngay cả trên thị trường trong nước.

### ***3.2.5 - Giải pháp về việc thực hiện cải cách hành chính, tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp nhằm đảm bảo sản xuất và xuất khẩu có hiệu quả***

Tăng cường đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, phấn đấu đạt tiêu chuẩn chất lượng quản lý doanh nghiệp theo ISO 9000 - 2000 là nhằm nâng cao uy tín của doanh nghiệp cơ khí Việt Nam trên thị trường thế giới.

Tham gia thị trường các sản phẩm cơ khí thế giới hiện có sự góp mặt của rất nhiều công ty, tập đoàn lớn của Nhật, Mỹ, EU... Đây là các công ty, tập đoàn có sức mạnh trên thị trường nên họ cũng mong muốn và lựa chọn các đối tác đủ mạnh về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và năng lực quản lý để có thể làm ăn lâu dài và ổn định.

Nhiều doanh nghiệp của EU, Hoa Kỳ...chỉ tiến hành hợp tác với các đối tác đã được cấp chứng chỉ ISO 9000 - 2000 nên nếu không đạt tiêu chuẩn này thì doanh nghiệp Việt Nam sẽ bị bỏ lỡ rất nhiều cơ hội lớn trong buôn bán với các doanh nghiệp nước ngoài.

Trong thời gian tới, trước những yêu cầu cần đổi mới để hội nhập, các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam (đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm lựa chọn) cần thực hiện cải cách hành chính một

cách triệt để, nhanh chóng tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp nhằm đảm bảo sản xuất và xuất khẩu có hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp trên thị trường trong nước cũng như trên thị trường quốc tế.

### ***3.2.6 - Giải pháp về việc phát triển thị trường tiêu thụ đối với máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện***

Để đảm bảo khả năng phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và các sản phẩm cơ khí lựa chọn nói riêng, việc thâm nhập và phát triển thị trường tiêu thụ cho các nhóm sản phẩm lựa chọn là hết sức quan trọng.

Trong điều kiện cụ thể của Việt Nam hiện nay, khi mà nền kinh tế đang từng bước hội nhập vào nền kinh tế thế giới, việc tạo dựng, phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nói chung và sản phẩm cơ khí nói riêng có ý nghĩa sống còn đối với doanh nghiệp. Thị trường tiêu thụ được đề cập ở đây bao gồm cả thị trường trong nước lẫn thị trường nước ngoài. Khi nhu cầu tiêu thụ ở trong nước đã trở nên bão hoà thì thị trường tiêu thụ ở ngoài nước đóng vai trò quyết định đến khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Để phát triển thị trường tiêu thụ đối với máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện, các biện pháp chủ yếu cần được thực hiện là:

(1) Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại để sản xuất sản phẩm phù hợp phục vụ xuất khẩu;

(2) Xác định thị trường mục tiêu cho từng nhóm sản phẩm cụ thể;

(3) Mở rộng xuất khẩu sản phẩm sang thị trường tiềm năng (Thị trường cụ thể cho từng sản phẩm cụ thể).

(4) Chú trọng việc nâng cao chất lượng sản phẩm, chỉ đưa ra thị trường những sản phẩm cơ khí đáp ứng đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường và các tiêu chuẩn khác của từng thị trường cụ thể, nhất là tiêu chuẩn của các thị trường tiềm năng đối với các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn của Việt Nam.



### **3.3 - Nhóm giải pháp nhằm nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng và Hiệp hội doanh nghiệp trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn nêu trên ở Việt Nam**

Để thực hiện mục tiêu phát triển sản xuất và xuất khẩu sản phẩm nói chung, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, Ngành liên quan cùng với sự nỗ lực của bản thân mỗi doanh nghiệp, sự đóng góp của Hiệp hội ngành hàng và Hiệp hội doanh nghiệp là hết sức quan trọng. Đối với việc phát triển sản xuất và xuất khẩu máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện ở Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp cơ khí Việt Nam và Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam có vai trò hết sức to lớn.

#### ***3.3.1 - Đối với Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam***

Hiệp hội Doanh nghiệp cơ khí Việt Nam là một tổ chức tự nguyện, phi Chính phủ của các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân thuộc các thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực cơ khí trên lãnh thổ Việt Nam.

Mục đích chính của Hiệp hội cơ khí Việt Nam là:

- Hỗ trợ các doanh nghiệp cơ khí phát triển xuất khẩu và mở rộng thị trường nội địa; cung cấp thông tin thị trường và khách hàng cho các doanh nghiệp hội viên; phổ biến cho các hội viên những tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất và kỹ thuật kinh doanh đối với các sản phẩm cơ khí.

- Xác định phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh của các nhóm hàng cơ khí, các nội dung liên kết và hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cơ khí trên cơ sở tự nguyện của các thành viên.

- Bảo vệ quyền lợi của các hội viên trong hoạt động thương mại quốc tế và trong nước, thay mặt các hội viên trong các tranh tụng quốc tế. Phản ánh chọn lọc ý kiến của các hội viên về quy hoạch và các chính sách phát triển sản xuất - kinh doanh ngành hàng lên các cơ quan Chính phủ.

- Hợp tác với các tổ chức, các Hiệp hội cơ khí của các nước trong khu vực và quốc tế nhằm nâng cao vị thế và uy tín của các sản phẩm cơ khí nói chung và của máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam nói riêng trên thị trường thế giới.

Trong quá trình hoạt động, Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam đã hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp cơ khí về các mặt:

- Cung cấp thông tin về chính sách và pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam, cung cấp thông tin thị trường, thông tin về công nghệ mới và sản phẩm mới cho các doanh nghiệp hội viên.
- Đề xuất và góp ý kiến với Chính phủ trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí.
- Xây dựng, phát triển uy tín và hình ảnh của doanh nghiệp và sản phẩm cơ khí trên thị trường trong và ngoài nước.
- Tổ chức các đoàn khảo sát, tham quan, hội thảo quốc tế, tham gia hội chợ quốc tế hàng cơ khí và tổ chức hội chợ thương mại trong chương trình xúc tiến thương mại nhằm tiếp cận thị trường xuất khẩu.
- Phát triển quan hệ và tìm kiếm các nguồn tài chính từ các tổ chức quốc tế và trong nước.
- Đại diện và bảo vệ quyền lợi của các thành viên, hỗ trợ phát triển các quan hệ hợp tác kinh doanh và giải quyết tranh chấp giữa các thành viên
- Tư vấn cơ hội kinh doanh, tư vấn công nghệ và kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong Hiệp hội
- Tổ chức các khoá huấn luyện ngắn hạn cho cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý cho các doanh nghiệp hội viên.

Ngoài ra, Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam đã cùng nhiều Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí của nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Bungari, Tiệp Khắc, Ucraina, Liên bang Nga...thoả thuận hợp tác liên kết để phát triển sản xuất, xuất khẩu và tạo uy tín cho các sản phẩm cơ khí Việt Nam.

Tuy nhiên, để có những đóng góp hiệu quả hơn cho ngành cơ khí nói chung và cho việc đẩy mạnh xuất khẩu 3 nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn trước thách thức gia nhập WTO, Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam cần có các giải pháp cụ thể sau:

- Tập hợp, liên kết các doanh nghiệp ngành cơ khí thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, tạo ra sức mạnh trong sản xuất, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- Hiệp hội cần hỗ trợ cho từng doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện trong việc lựa chọn chiến lược phát triển, hình thức kinh doanh cụ thể để họ có thể nâng cao sức cạnh tranh và mở rộng thị trường.

- Hiệp hội cần tổ chức những chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cơ khí lựa chọn vào các thị trường trọng điểm, những chương trình tuyên truyền quảng bá, xây dựng thương hiệu đối với các doanh nghiệp thành viên nhằm giúp họ thâm nhập vào thị trường quốc tế. Những chương trình này nếu các doanh nghiệp tiến hành đơn lẻ sẽ khá tốn kém và hiệu quả không cao bằng khi họ là thành viên trong Hiệp hội.

Tuy nhiên, Hiệp hội cần tập trung nguồn lực vào những hoạt động xúc tiến ở tầm quốc gia, tổ chức các hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm, các chiến dịch xây dựng hình ảnh quốc gia, chiến lược phát triển và bảo vệ thương hiệu Việt Nam, các dự án hỗ trợ tái cơ cấu và chuyển giao công nghệ lớn...

- Hỗ trợ và tư vấn cho doanh nghiệp về thông tin thị trường và các quy định quốc tế có liên quan đến việc đưa các sản phẩm cơ khí lựa chọn thâm nhập vào các thị trường cụ thể.

Đây là giải pháp hữu hiệu để bảo vệ lợi ích của các doanh nghiệp hội viên khi gặp rào cản và tranh chấp trong thương mại quốc tế khi mà họ chưa thể tự mình thu thập, xử lý các nguồn thông tin trong nước và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xuất khẩu các sản phẩm cơ khí một cách hiệu quả.

- Hiệp hội cần tổ chức nghiên cứu phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, cung cấp phụ tùng, phụ kiện cho các doanh nghiệp ngành cơ khí cũng như các doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp khác.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo và nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ và năng lực quản lý cho cán bộ, trong việc tìm đối tác nước ngoài.

- Hiệp hội cần xúc tiến việc thành lập văn phòng đại diện tại những thị trường chính như: Trung Quốc, Hoa Kỳ... làm đầu mối xúc tiến thương mại, tìm kiếm cơ hội giao thương.

- Hiệp hội cần đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp rộng rãi các thành viên, mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp tục nâng cao vai trò đại diện cho các doanh nghiệp, làm đầu mối phối hợp hành động giữa các doanh nghiệp, thúc đẩy liên doanh, liên kết cùng có lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp trong chuyển giao bí quyết công nghệ và xử lý tốt mối quan hệ kinh tế giữa các hội viên.

### **3.3.2 - Đối với Hiệp hội các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**

Đối với các nước đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được đánh giá là có tiềm năng trở thành động lực chính cho tăng trưởng xuất khẩu bền vững.

Mặc dù còn nhiều hạn chế trong phát triển xuất khẩu do quy mô sản xuất nhỏ bé, còn hạn chế về vốn, thị trường, năng lực khoa học công nghệ và số lao động được đào tạo nhưng lợi thế chính của các DNNVV là sự nhạy cảm, mềm dẻo, linh hoạt, thích ứng nhanh với những biến động của thị trường. Các DNNVV đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn ở Việt Nam cũng có những lợi thế và khó khăn như các DNNVV khác trong cả nước, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO.

Để giúp các DNNVV hoạt động trong ngành cơ khí nói chung và các DNNVV sản xuất và xuất khẩu 3 nhóm sản phẩm lựa chọn vượt lên những thách thức cạnh tranh của thị trường khu vực và thế giới, Hiệp hội các DNNVV Việt Nam cần có các giải pháp cụ thể sau:

- Tăng cường hơn nữa vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với Nhà nước trong việc giải quyết những vấn đề liên quan tới chính sách đối với sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm lựa chọn, nhất là chính sách thu hút đầu tư và chính sách ưu đãi trong sản xuất nguyên liệu cho cơ khí chế tạo.

- Tập hợp các doanh nghiệp trong Hiệp hội tạo ra sức mạnh mới cả về lượng và chất so với từng doanh nghiệp nhỏ lẻ nhằm làm tăng thêm lợi nhuận trong hoạt động của họ.

- Hỗ trợ các hội viên phối hợp hành động trừng phạt khi có một đối tác nào đó vi phạm quy chế, tiến hành những hoạt động cạnh tranh không lành mạnh, không đúng quy định của WTO và làm ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, kiến thức về marketing sản phẩm và tiếp cận thị trường.

- Tăng cường tham gia đóng góp ý kiến với Bộ Công nghiệp trình Chính phủ phê duyệt thống nhất các quy tắc, tiêu chuẩn đối với các sản phẩm trong nhóm sản phẩm lựa chọn. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp có các biện pháp thích hợp để sản xuất ra các sản phẩm đủ tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng để xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

- Hiệp hội DNNVV cần tăng cường hơn nữa hoạt động đối ngoại, làm đầu mối để các nhà tài trợ quốc tế và các đối tượng khác có thể cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các doanh nghiệp ở các nước đang phát triển.

#### **IV - MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

##### ***4.1 - Một số kiến nghị với Chính phủ, các Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp và các Bộ, Ngành liên quan***

- Kiến nghị Chính phủ xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với từng mặt hàng thuộc nhóm các sản phẩm lựa chọn để dễ dàng và thuận lợi cho việc kiểm tra, giám định chất lượng sản phẩm khi xuất khẩu sang thị trường khu vực và thế giới.

- Chính phủ cần nhanh chóng xây dựng các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau đối với các sản phẩm thuộc 3 nhóm lựa chọn giữa Việt Nam và các nước ASEAN và một số nước khác để những sản phẩm này có cơ hội mở rộng và chiếm giữ thị phần trên thị trường khu vực và thế giới.

- Thời gian tới, Chính phủ cần tập trung đầu tư xây dựng một số nhà máy có khả năng luyện thép chế tạo máy nhằm cung ứng nguyên liệu đầu vào cho ngành cơ khí chế tạo. Thiếu nguồn nguyên liệu này, các doanh nghiệp ngành cơ khí không thể sản xuất đủ sản phẩm (thuộc các nhóm sản phẩm lựa

chọn) để đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời giành một phần cho xuất khẩu.

- Bộ Công nghiệp cần triển khai xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển máy động lực và máy nông nghiệp, Chiến lược phát triển thiết bị kỹ thuật điện để tạo cơ sở cho các doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển sản xuất - kinh doanh phù hợp với điều kiện cụ thể của họ, trong đó cần chú trọng đến vấn đề phát triển xuất khẩu sản phẩm.

- Bộ Công nghiệp cần phối hợp với Bộ Thương mại xây dựng Chương trình xúc tiến xuất khẩu cụ thể cho các nhóm sản phẩm lựa chọn cho giai đoạn 2010 và 2015, gắn với những thị trường trọng tâm với mục tiêu đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu để không ngừng tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

- Nhà nước cần xem xét để đưa ra lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế đối với các nhóm sản phẩm lựa chọn phù hợp với đặc thù của ngành chế tạo máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện để doanh nghiệp có thể hội nhập một cách hiệu quả vào thị trường khu vực và thế giới.

#### ***4.2 - Một số kiến nghị với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện***

- Tăng cường huy động vốn từ mọi nguồn lực để đầu tư sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện để xuất khẩu, không phân biệt nguồn vốn từ nước ngoài hay ở trong nước, kể cả vốn huy động từ dân cư do cổ phần hoá doanh nghiệp.

- Tăng cường hoạt động liên kết sản xuất - tiêu thụ - xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn giữa các doanh nghiệp để thực hiện chuyên môn hoá sản xuất ở mức độ cao.

- Cần đầu tư xây dựng hệ thống các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ cho ngành sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện nhằm sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh để xuất khẩu.

- Cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác cải cách hành chính trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, phấn đấu được cấp chứng chỉ ISO 9000, từng

bước tổ chức doanh nghiệp theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con để có thể tăng cường sức mạnh về vốn, về khoa học công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm ở nước ngoài.

#### ***4.3 - Một số kiến nghị với Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam và Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam***

- Tăng cường hơn nữa việc xây dựng, quảng bá hình ảnh của máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam trên thị trường nước ngoài, nhất là ở các thị trường được xác định là thị trường trọng điểm của từng loại sản phẩm đến năm 2010 và 2015.

- Tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cơ khí lựa chọn vào các thị trường trọng điểm, các chương trình tuyên truyền, quảng bá, xây dựng thương hiệu đối với các doanh nghiệp thành viên nhằm giúp họ thâm nhập hiệu quả vào thị trường quốc tế.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý để họ có thể tiếp nhận, sử dụng khoa học công nghệ hiện đại và thích ứng nhanh với những biến động của thị trường thế giới đối với các sản phẩm lựa chọn, nhất là khi Việt Nam đã gia nhập WTO.

#### ***4.4 - Với các tổ chức khoa học công nghệ có liên quan đến sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí nêu trên***

- Đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp các Viện nghiên cứu thành các Viện đầu ngành, vừa làm công tác nghiên cứu phát triển, đồng thời thực hiện hoạt động tư vấn thiết kế trong một số lĩnh vực cơ khí đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế hợp tác giữa các Viện với các công ty tư vấn, thiết kế công nghệ trong và ngoài nước, cơ chế chuyển giao công nghệ, hợp tác đào tạo...

- Các Viện nghiên cứu cần được đầu tư kinh phí để thuê chuyên gia tư vấn thiết kế để chế tạo ra các sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng nước ngoài.

- Có kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp các dự án đầu tư sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện, đặc biệt là các dự án đầu tư sản xuất để phục vụ xuất khẩu.

## KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, ngành cơ khí Việt Nam đã có nhiều khởi sắc. Chỉ tính riêng giai đoạn 1995 - 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành đạt 40%/năm, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm cơ khí cũng tăng nhanh và đạt mức 1 tỷ USD năm 2005 và mức trên 1 tỷ USD vào năm 2006.

Thực hiện Chiến lược phát triển ngành cơ khí đến năm 2010 và tầm nhìn đến 2020, ngành cơ khí phải phấn đấu đến năm 2010 đảm bảo đáp ứng 40 - 50% nhu cầu sản phẩm cơ khí của cả nước, trong đó xuất khẩu đạt 30% giá trị tổng sản lượng. Đây là mục tiêu rất lớn và để đạt mục tiêu trên, Chính phủ và các doanh nghiệp cơ khí đều phải vượt qua những thách thức không nhỏ, nhất là các thách thức của hội nhập và đổi mới kinh tế đất nước.

Trong số các sản phẩm cơ khí mà Việt Nam có khả năng sản xuất, lắp ráp, nhóm sản phẩm máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện được đánh giá là các nhóm sản phẩm có khả năng sản xuất và thâm nhập hiệu quả vào thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới.

Để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, từng bước tạo ra các sản phẩm có thương hiệu đáp ứng yêu cầu của thị trường thế giới, sự đóng góp của nhóm sản phẩm máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện là rất quan trọng.

Bám sát các mục tiêu, yêu cầu và nội dung nghiên cứu đã được phê duyệt, Ban chủ nhiệm đề tài đã hoàn thành được một số nhiệm vụ sau:

1/ Nghiên cứu, phân tích và khái quát được tình hình cung cầu các sản phẩm cơ khí trên thế giới, đặc biệt tập trung nghiên cứu tình hình sản xuất, cung ứng và tiêu thụ ở một số thị trường xuất nhập khẩu chính đối với nhóm sản phẩm máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện.

Đây là cơ sở quan trọng để nghiên cứu, phân tích khả năng tiếp cận và thâm nhập thị trường xuất khẩu của 3 nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn của Việt Nam trong thời gian tới.



2/ Nghiên cứu thực trạng xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện của Việt Nam giai đoạn 2001 - 2006 và các chính sách, cơ chế khuyến khích phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và 3 nhóm sản phẩm lựa chọn nói riêng của Việt Nam.

3/ Từ kết quả nghiên cứu kinh nghiệm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện của các nước trên thế giới và thực trạng phát triển các nhóm sản phẩm lựa chọn ở Việt Nam, đề tài đã tìm ra được những tồn tại, hạn chế và những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết để phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nêu trên ở nước ta trong thời kỳ đến năm 2010 và 2015.

4/ Trên cơ sở quan điểm và định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và nhóm máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện của Việt Nam nói riêng trong bối cảnh hội nhập, đề tài đã đưa ra dự báo về quy mô, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn vào các thị trường trọng điểm trong khu vực và trên thế giới giai đoạn đến 2010 và 2015.

Đồng thời, đề tài đã đề xuất được các nhóm giải pháp chính nhằm phát triển xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện của Việt Nam ở tầm vĩ mô như: Quy hoạch và tổ chức lại hệ thống các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu, tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu triển khai, đổi mới và hoàn thiện các chính sách có liên quan nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm cơ khí nói trên trên thị trường quốc tế.

5/ Bên cạnh các giải pháp vĩ mô, đề tài cũng đưa ra một số giải pháp đối với các doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn như: Tăng cường đầu tư vốn vào sản xuất để phục vụ xuất khẩu, đưa công nghệ hiện đại vào sản xuất để tạo nguồn hàng xuất khẩu đạt tiêu chuẩn quốc tế, hợp tác, liên kết sản xuất và xuất khẩu, tổ chức doanh nghiệp theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con nhằm đảm bảo sản xuất và xuất khẩu đạt hiệu quả cao.

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả đã cố gắng đáp ứng các mục tiêu đề tài đặt ra. Tuy nhiên, do hạn chế về nhiều mặt, kết quả nghiên cứu của đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết, chúng tôi kính mong được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các vị đại biểu...

Ban chủ nhiệm đề tài xin chân thành cảm ơn các cơ quan, các chuyên gia, các nhà khoa học, các đồng nghiệp đã giúp đỡ để chúng tôi hoàn thành việc nghiên cứu Đề tài.

### PHỤ LỤC 1. SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CHỦ YẾU

	ĐVT	2000	2002	2003	2004	2005
<b>Nông cụ cầm tay</b>	Nghìn cái	<b>15.918</b>	<b>20.639</b>	<b>21.752</b>	<b>20.756</b>	<b>21.549</b>
Nhà nước	"	8	4		71	75
Ngoài Nhà nước	"	15.910	20.635	21.713	20.685	21.474
ĐTNN	"			39		
<b>Xe cải tiến</b>	Cái	<b>13.705</b>	<b>12.944</b>	<b>11.696</b>	<b>18.257</b>	<b>19.435</b>
Nhà nước	"	560	484	163	403	460
Ngoài Nhà nước	"	13.145	12.460	11.533	17.854	18.975
<b>Máy bơm nông nghiệp</b>	Cái	<b>3.496</b>	<b>3.578</b>	<b>7.787</b>	<b>10.038</b>	<b>11.440</b>
Nhà nước	"	723	968	2.198	1.662	1.710
Ngoài Nhà nước	"	2.773	2.610	5.229	8.334	9.630
ĐTNN	"			360	42	100
<b>Đầu máy bơm nước</b>	Nghìn cái	<b>208</b>	<b>304</b>	<b>761</b>	<b>460</b>	<b>555</b>
Nhà nước	"	4	1	1	4	4
Ngoài Nhà nước	"	204	303	760	409	501
ĐTNN	"				47	49
<b>Bơm thuốc trừ sâu</b>	Nghìn cái	<b>70,4</b>	<b>52,4</b>	<b>51,7</b>	<b>52,7</b>	<b>54</b>
Nhà nước	"	69,5	50,9	50	51,1	52,3
Ngoài Nhà nước	"	0,9	1,5	1,7	1,6	1,7
<b>Máy kéo và xe vận</b>	Cái	<b>1.932</b>	<b>3.052</b>	<b>7.889</b>	<b>8.607</b>	<b>9.415</b>

<b>chuyển</b>						
Nhà nước	"	1.907	2.970	2.368	2.557	2.730
Ngoài Nhà nước	"	25	82	5521	6050	6685
<b>Máy tuốt lúa có động cơ</b>	<b>Cái</b>	<b>11.877</b>	<b>12.997</b>	<b>10.021</b>	<b>17.571</b>	<b>18.853</b>
Nhà nước	"	75			6.571	6.868
Ngoài Nhà nước	"	11.802	12.997	10.021	11.000	11.985
<b>Máy tuốt lúa không có động cơ</b>	<b>Cái</b>	<b>7.061</b>	<b>12.094</b>	<b>6.722</b>	<b>10.903</b>	<b>11.605</b>
Nhà nước	"	400	410	414	5.256	5.690
Ngoài Nhà nước	"	6.661	11.684	6.308	5.647	5.915
<b>Máy xay xát</b>	<b>Cái</b>	<b>12.484</b>	<b>13.433</b>	<b>10.112</b>	<b>5.749</b>	<b>6.480</b>
Nhà nước	"	12.444	12.847	783	259	335
Ngoài Nhà nước	"	40	586	7.843	5.490	6.145
ĐTNN	"			1.486		
<b>Động cơ diesel</b>	<b>Cái</b>	<b>30.329</b>	<b>107.433</b>	<b>184.418</b>	<b>182.443</b>	<b>145.450</b>
Nhà nước	"	25.477	27.265	23.102	30.853	26.000
Ngoài Nhà nước		4.050	76.208	156.717	148.323	115.700
ĐTNN	"	802	3.960	4.599	3.267	3.750
<b>Động cơ điện</b>	<b>Cái</b>	<b>45.855</b>	<b>64.085</b>	<b>95.779</b>	<b>132.320</b>	<b>134.445</b>
Nhà nước	"	45.132	63.066	69.871	86.029	86.000
Ngoài Nhà nước		723	1.019	20.708	33.760	35.420
ĐTNN	"			5.200	12.531	13.025
<b>Máy biến thế</b>	<b>Cái</b>	<b>13.535</b>	<b>18.633</b>	<b>33.364</b>	<b>50.146</b>	<b>45.541</b>
Nhà nước	"	10.772	15.972	16.427	17.503	11.100
Ngoài Nhà nước	"	2.168	1.307	15.578	31.599	33.621
ĐTNN	"	595	1.354	1.359	1.044	820
<b>Dây điện</b>	<b>Triệu mét</b>	<b>146,5</b>	<b>429,7</b>	<b>1150,6</b>	<b>1031,9</b>	<b>1136,2</b>

Nhà nước	"	144,5	201,6	223,8	214,5	227,1
Ngoài Nhà nước	"	2	226,2	355,5	221,5	267,8
ĐTNN	"		1,9	571,3	595,9	641,3

*Nguồn: Niên giám thống kê 2006*

**PHỤ LỤC 2. XUẤT KHẨU MÁY ĐỘNG LỰC THEO THỊ TRƯỜNG**

<b>HS 2002</b>		<b>2001</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>
<b>8402</b>	<b>Nồi hơi</b>	<b>287</b>	<b>490</b>	<b>200</b>	<b>8.500</b>	<b>1.051</b>
	<u>Brazil</u>	0	0	0	0	667
	<u>Australia</u>	38	0	0	475	174
	<u>Trung Quốc</u>	0	0	0	0	122
	<u>New Zealand</u>	0	0	0	0	48
	<u>Bulgaria</u>	0	0	0	0	36
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	0	0	220	4
	<u>Nhật Bản</u>	96	453	83	0	0
<b>8404</b>	<b>Máy phụ trợ sử dụng với các loại nồi hơi</b>	<b>643</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.191</b>	<b>336</b>
	<u>Australia</u>	46	0	0	3	336
	<u>Trung Quốc</u>	0	0	0	2.093	0
	<u>Malaysia</u>	551	0	0	0	0
	<u>Singapore</u>	46		0	95	0
<b>8406</b>	<b>Turbin hơi nước và turbin khí</b>	<b>1.911</b>	<b>3.541</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>2.370</b>
	<u>Nhật Bản</u>	0	0	0	0	2.358
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	0	0	0	12
	<u>Đài Loan</u>	0	3,451	0	0	0
	<u>Anh</u>	1,897	0	0	0	0
	<u>Indonesia</u>	0	0	10	27	0
<b>8407</b>	<b>Động cơ đốt trong kiểu piston</b>	<b>345</b>	<b>45</b>	<b>138</b>	<b>2.761</b>	<b>12.896</b>
	<u>Malaysia</u>	0	11	0	2.696	10.773
	<u>Philippines</u>	0	0	63		1.751
	<u>Trung Quốc</u>	1	0	0	0	166
	<u>Đài Loan</u>	0	1	6	57	131
	<u>Singapore</u>	0	10	26	7	75
<b>8408</b>	<b>Động cơ đốt trong</b>	<b>567</b>	<b>849</b>	<b>978</b>	<b>499</b>	<b>746</b>
	<u>Malaysia</u>	235	558	374	301	215
	<u>Pháp</u>	0	3	0	0	183
	<u>Philippines</u>	0	7	279		139
	<u>Thái Lan</u>	0		8	1	95
	<u>Singapore</u>	189	36	80	110	79

	<u>Indonesia</u>	118	6	26	28	28
<b>8409</b>	<b>Các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong</b>	<b>856</b>	<b>527</b>	<b>2.181</b>	<b>11.883</b>	<b>24.704</b>
	<u>Thái Lan</u>	35		161	3.593	10.232
	<u>Nhật Bản</u>	172	53	1.163	5.477	8.254
	<u>Hồng Kông</u>	42	0	0	12	2.544
	<u>Indonesia</u>	17	1	2	1.785	1.488
	<u>Đài Loan</u>	273	250	313	587	1.375
	<u>Malaysia</u>	0	8	215	245	472
	<u>Russian Federation</u>	0	0	0	0	121
	<u>Singapore</u>	298	174	226	114	120
	<u>Pháp</u>	0	0	0	11	76
	<u>Hàn Quốc</u>	19	21	28	13	18
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	20	0	22	3
<b>8410</b>	<b>Turbin thủy lực</b>	<b>14</b>		<b>8</b>	<b>1</b>	<b>50</b>
	<u>Singapore</u>	0	0	8	0	30
	<u>Iceland</u>	0	0	0	0	20
	<u>Thụy Điển</u>	14	0	0	1	0
<b>8411</b>	<b>Turbin phản lực</b>	<b>1.820</b>	<b>6.885</b>	<b>5.927</b>	<b>8.748</b>	<b>2.291</b>
	<u>Australia</u>	0	0	0	7	2.119
	<u>Switzerland</u>	0	0	0	0	46
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	0	0	0	36
	<u>Russian Federation</u>	0	29	3	21	25
	<u>Indonesia</u>	0	0	0	0	16
	<u>Hàn Quốc</u>	0	95	0	0	14
	<u>Thái Lan</u>	72		306	4	14
	<u>Anh</u>	311	2.347	2.491	0	13
	<u>Singapore</u>	70	275	2	76	5
	<u>Đức</u>	1.367	4.002	2.592	5.945	0
	<u>Nhật Bản</u>	0	86	461	2.667	0
<b>8412</b>	<b>Động cơ và mô tơ khác</b>	<b>162</b>	<b>142</b>	<b>2.310</b>	<b>18.768</b>	<b>17.665</b>
	<u>Australia</u>	2	0	0	0	17.407
	<u>Mêhicô</u>	0	0	0	2,551	153
	<u>Singapore</u>	3	58	2.198	1.180	42
	<u>Russian Federation</u>	0	2	0	117	35
	<u>Đài Loan</u>	0	0	1	0	28
	<u>New Zealand</u>	0	0	0	14.800	0

<b>8413</b>	<b>Bom chất lỏng, máy đẩy chất lỏng</b>	<b>3.557</b>	<b>5.456</b>	<b>4.321</b>	<b>5.984</b>	<b>8.101</b>
	<u>Nhật Bản</u>	2.554	2.086	2.605	3.456	4.666
	<u>Đài Loan</u>	163	300	119	218	1.071
	<u>Hoa Kỳ</u>	80	172	110	752	984
	<u>Anh</u>	20	3	15	180	328
	<u>Australia</u>	2	3	58	160	297
	<u>Thái Lan</u>	98		27	69	212
	<u>Singapore</u>	238	2.488	934	132	169
	<u>Thụy Điển</u>	28	0	5	24	140
	<u>Hàn Quốc</u>	26	40	95	51	80
	<u>Yemen</u>				22	64
<b>8414</b>	<b>Bom không khí, bơm chân không, máy nén và quạt không khí</b>	<b>50.467</b>	<b>68.179</b>	<b>69.033</b>	<b>70.143</b>	<b>57.627</b>
	<u>Nhật Bản</u>	22.979	17.470	13.290	14.571	14.998
	<u>Trung Quốc</u>	6.378	19.61	23.614	20.399	13.933
	<u>Hồng Kông</u>	7.200	13.862	13.204	18.981	11.561
	<u>Singapore</u>	5.948	4.562	4.143	3.868	3.706
	<u>Đài Loan</u>	2.845	3.264	3.944	3.944	3.172
	<u>Malaysia</u>	1.718	2.260	2.457	2.170	2.345
	<u>Thái Lan</u>	426		1.781	1.768	2.109
	<u>Hoa Kỳ</u>	72	453	1.909	638	1.714
	<u>Italia</u>	4	5	0	183	1.002
	<u>Philippines</u>	204	313	517		765
	<u>Hàn Quốc</u>	7	601	554	671	640
	<u>Mêhicô</u>	569	2.827	210	711	569

*Nguồn : Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>7</sup>*

<sup>7</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

**PHỤ LỤC 3: GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CƠ KHÍ PHỤC VỤ  
NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP THEO THỊ TRƯỜNG**

Đơn vị tính: 1.000 USD

HS 2002	Sản phẩm	2001	2002	2003	2004	2005
<b><u>8432</u></b>	<b>Máy nông nghiệp, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất</b>	<b>33</b>	<b>40</b>	<b>84</b>	<b>58</b>	<b><u>165</u></b>
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	9	23	0	122
	<u>Singapore</u>	25	0	1	0	16
	<u>Thái Lan</u>	0		0	0	12
	<u>Malaysia</u>	8	6	44	0	11
	<u>Đài Loan</u>	0	20	13	22	4
	<u>Australia</u>	0	0	0	23	0
	<u>Cambodia</u>	0	5	3	13	
<b><u>8433</u></b>	<b>Máy thu hoạch hoặc máy đập, làm sạch hoặc phân loại nông sản</b>	<b>854</b>	<b>931</b>	<b>662</b>	<b>602</b>	<b><u>759</u></b>
	<u>Trung Quốc</u>	730	667	463	507	533
	<u>Hoa Kỳ</u>	124	259	186	60	64
	<u>Nicaragua</u>	0	0	0	7	53
	<u>Nhật Bản</u>	0	0	0	0	41
	<u>Philippines</u>	0	0	0		30
	<u>Mozambique</u>	0	0			18
	<u>áo</u>	0	0	0	0	13
	<u>Pakistan</u>			0	15	7
	<u>Cambodia</u>	0	5	13	13	
<b><u>8434</u></b>	<b>Máy vắt sữa và máy chế biến sữa</b>			<b>15</b>		<b>-</b>
<b><u>8435</u></b>	<b>Máy ép, nghiền và các loại dùng trong chế biến rau quả</b>		<b>334</b>			<b><u>75</u></b>
	<u>Malaysia</u>		0			75
	<u>Singapore</u>		50			0



	<u>Nigeria</u>		284			
<b><u>8436</u></b>	<b>Các loại máy khác dùng trong nông, lâm nghiệp</b>	<b>321</b>	<b>390</b>	<b>497</b>	<b>672</b>	<b><u>624</u></b>
	<u>Hoa Kỳ</u>	313	378	338	400	372
	<u>Pháp</u>	0	0	2	65	151
	<u>New Zealand</u>	0	0	0	0	76
	<u>Australia</u>	0	0	0	0	25
	<u>Pakistan</u>			15	15	0
	<u>Singapore</u>	0	0	0	22	0
	<u>Thái Lan</u>	0		142	170	0
<b><u>8437</u></b>	<b>Máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại ngũ cốc</b>	<b>1.265</b>	<b>666</b>	<b>1.933</b>	<b>1.508</b>	<b><u>1.667</u></b>
	<u>Thái Lan</u>	686		482	440	558
	<u>Indonesia</u>	2	16	59	387	274
	<u>Philippines</u>	132	245	197		191
	<u>Italia</u>	17	73	90	72	144
	<u>Brazil</u>	28	47	40	19	125
	<u>Hàn Quốc</u>	121	92	130	111	110
	<u>Đài Loan</u>	102	102	138	134	98
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	0	35	164	73
	<u>Malaysia</u>	0	62	159	35	63
<b><u>8438</u></b>	<b>Máy chế biến dùng cho công nghiệp thực phẩm</b>	<b>702</b>	<b>338</b>	<b>303</b>	<b>307</b>	<b><u>324</u></b>
	<u>Bulgaria</u>	22	0	0	0	138
	<u>Indonesia</u>	36	7	0	1	40
	<u>Trung Quốc</u>	0	0	0	0	38
	<u>Hoa Kỳ</u>	3	6	20	3	33
	<u>Australia</u>	1	19	5	14	25
	<u>Nhật Bản</u>	0	0	0	28	13
	<u>Hungary</u>	0	0	0	46	12

	<u>Ukraine</u>	211	201	5	2	10
	<u>Malaysia</u>	40	24	39	116	8
	<u>Hàn Quốc</u>	0	11	1	0	4
	<u>Philippines</u>	2	0	100		2
<b>8478</b>	<b>Máy chế biến hay đóng gói thuốc lá</b>	<b>258</b>				<b><u>36</u></b>
	<u>Singapore</u>	0				36
	<u>Malaysia</u>	258				0
<b>8701</b>	<b>Máy kéo</b>	<b>1.234</b>	<b>4.642</b>	<b>4.222</b>	<b>4.725</b>	<b><u>7.725</u></b>
	<u>Hoa Kỳ</u>	1.056	4.297	3.425	2.432	5.327
	<u>Australia</u>	61	48	168	1.154	1.331
	<u>Malaysia</u>	0	39	81	91	258
	<u>Đức</u>	0	0	0	0	242
	<u>Nhật Bản</u>	0	31	87	58	154
	<u>Canada</u>	46	0	0	48	148
	<u>Pháp</u>	0	41	217	86	124
	Síp	0	0	0	0	54
	<u>Ireland</u>	0	0	0	0	36
	<u>Italia</u>	0	28	8	98	19

*Nguồn : Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>8</sup>*

<sup>8</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

**PHỤ LỤC 4. XUẤT KHẨU THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN THEO THỊ TRƯỜNG**

Đơn vị tính: **1.000 USD**

<b>HS 2002</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>2001</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>
<b><u>8501</u></b>	<b>Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy)</b>	<b>68.184</b>	<b>74.928</b>	<b>112.037</b>	<b>156.362</b>	<b><u>190.724</u></b>
	<u>Nhật Bản</u>	17.844	14.175	17.244	24.485	35.832
	<u>Trung Quốc</u>	2.899	3.374	10.901	14.870	28.042
	<u>Thái Lan</u>	4.499	-	15.221	18.192	22.107
	<u>Hoa Kỳ</u>	4	4.097	14.073	21.836	21.021
	<u>Hàn Quốc</u>	8.951	13.960	8.748	7.797	13.239
	<u>Mêhicô</u>	6.499	5.661	509	5.368	11.481
	<u>Hồng Công</u>	2.929	2.689	9.298	9.744	9.449
	<u>Đài Loan</u>	7.398	8.061	3.266	8.624	8.284
	<u>Anh</u>	1.800	972	3.797	5.690	6.782
	<u>Singapore</u>	2.213	3.085	7.394	6.138	6.072
	<u>Malaysia</u>	1.249	3.313	4.982	5.734	5.874
	<u>Australia</u>	4.842	5.442	5.754	5.716	4.774
<b><u>8502</u></b>	<b>Tổ máy phát điện</b>	<b>242</b>	<b>23.112</b>	<b>333</b>	<b>715</b>	<b><u>1.643</u></b>
	<u>Đài Loan</u>	0	1.244	79	0	1.324
	<u>Singapore</u>	30	167	0	12	110
	<u>Trinidad and Tobago</u>	0	0	0	0	102
	<u>Philippines</u>	2	0	3		47
	<u>Malta</u>	0	0	0	36	34
	<u>Yemen</u>				0	16
	<u>Nicaragua</u>	0	0	0	4	10
	<u>Trung Quốc</u>	0	8	0	128	0
	<u>Hồng Công</u>	8	5	166	319	0
	<u>Hàn Quốc</u>	0	119	0	214	0
	<u>Mêhicô</u>	0	21.319	60	0	0
<b><u>8503</u></b>	<b>Các bộ phận dùng cho</b>	<b>7.860</b>	<b>7.112</b>	<b>11.391</b>	<b>13.745</b>	<b><u>19.159</u></b>

	<b>8501 và 8502</b>					
	<u>Pháp</u>	4.365	3.342	4.886	6.413	9.299
	<u>Trung Quốc</u>	20	22	271	1.111	2.922
	<u>Hồng Kông</u>	620	253	360	822	2.219
	<u>Đài Loan</u>	83	494	908	1.400	1.095
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	0	0	444	809
	<u>Đức</u>	2.073	1.823	1.485	638	729
	<u>Nhật Bản</u>	31	393	1.133	781	554
	<u>Philippines</u>	217	212	338		423
	<u>Thái Lan</u>	70		423	383	411
	<u>Malaysia</u>	0	136	752	747	390
	<u>Hàn Quốc</u>	164	83	0	0	189
<b>8504</b>	<b>Biến thể điện và cuộn cảm</b>	<b>38.383</b>	<b>45.317</b>	<b>54.287</b>	<b>79.092</b>	<b>105.886</b>
	<u>Nhật Bản</u>	14.627	17.123	21.973	29.696	31.716
	<u>Hồng Kông</u>	5.486	6.592	7.676	14.733	23.058
	<u>Trung Quốc</u>	942	750	2.089	6.519	13.463
	<u>Singapore</u>	7.138	10.406	6.852	7.986	8.610
	<u>Thái Lan</u>	2.174		3.097	3.686	5.409
	<u>Đài Loan</u>	3.043	4.034	3.718	3.742	4.756
	<u>Hoa Kỳ</u>	130	693	2.078	3.521	4.548
	<u>Malaysia</u>	1.310	3.207	3.356	4.151	4.419
	<u>Mêhicô</u>	154	324	9	1.121	2.567
	<u>New Caledonia</u>	0	0	0	0	1.343
	<u>Pháp</u>	957	826	1.031	901	1.094
<b>8507</b>	<b>Ắc quy điện</b>	<b>12.049</b>	<b>15.591</b>	<b>19.671</b>	<b>18.961</b>	<b>23.004</b>
	<u>Đài Loan</u>	1.021	1.231	780	9.098	7.157
	<u>Nhật Bản</u>	1.656	848	1.450	1.999	2.892
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	0	10	1.070	1.972
	<u>Trung Quốc</u>	297	300	1.268	1.487	1.266
	<u>Hồng Kông</u>	114	57	116	152	263

	<u>Mêhicô</u>	126	129	737	262	181
	<u>Pháp</u>	42	107	139	94	157
	<u>Hungary</u>	0	0	0	52	151
	<u>Singapore</u>	2	2	19	249	132
<b>8508</b>	<b>Thiết bị cơ điện gia dụng điều khiển bằng tay hay mô tơ điện</b>		<b>36</b>		<b>78</b>	<b><u>44</u></b>
	<u>Hoa Kỳ</u>		36		23	19
	<u>Anh</u>		0		0	13
	<u>Australia</u>		0		55	12
<b>8509</b>	<b>Thiết bị cơ điện gia dụng có lắp động cơ</b>	<b>854</b>	<b>397</b>	<b>1.406</b>	<b>47</b>	<b><u>572</u></b>
	<u>Nhật Bản</u>	743	348	853	33	322
	<u>Hồng Công</u>	0	0	10	0	118
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	14	252	0	103
	<u>Thụy Điển</u>	0	0	0	6	27
	<u>Singapore</u>	9	23	1	1	2
	<u>áo</u>	13	0	18	7	0
	<u>Đức</u>	11	1	194	0	0
	<u>Italia</u>	0	0	68	0	0
<b>8511</b>	<b>Máy phát điện</b>	<b>1.313</b>	<b>1.750</b>	<b>2.389</b>	<b>3.329</b>	<b><u>4.311</u></b>
	<u>Nhật Bản</u>	129	433	1.197	1.448	1.263
	<u>Indonesia</u>	917	902	606	1.004	1.204
	<u>Thái Lan</u>	166		353	426	929
	<u>Italia</u>	0	0	15	86	319
	<u>Trung Quốc</u>	30	74	91	160	171
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	0	0	20	154
	<u>Đài Loan</u>	14	40	94	74	87
	<u>Ba Lan</u>	0	0	0	0	75
	<u>Malaysia</u>	1	5	19	63	74
	<u>Singapore</u>	56	296	3	48	35

<b>8533</b>	<b>Điện trở</b>	<b>926</b>	<b>2.204</b>	<b>2.071</b>	<b>4.306</b>	<b>6.335</b>
	<u>Nhật Bản</u>	332	96	259	1.234	2.334
	<u>Đài Loan</u>	453	1.318	896	1.901	1.853
	<u>Trung Quốc</u>	24	283	663	924	1.077
	<u>Malaysia</u>	14	60	22	76	452
	<u>Ireland</u>	91	293	28	18	328
	<u>Philippines</u>	0	138	166		164
	<u>Hàn Quốc</u>	0	0	0	126	96
	<u>Thái Lan</u>	12		1	3	23
	<u>Hồng Kông</u>	0	10	0	6	8
	<u>Hoa Kỳ</u>	0	0	6	18	0
<b>8544</b>	<b>Dây, cáp điện</b>	<b>175.670</b>	<b>211.751</b>	<b>287.082</b>	<b>376.448</b>	<b>488.568</b>
	<u>Nhật Bản</u>	161.099	200.006	263.195	338.791	449.517
	<u>Trung Quốc</u>	161	1.090	4.073	9.388	6.005
	<u>Hoa Kỳ</u>	4	52	1.124	1.986	5.661
	<u>Pháp</u>	340	177	766	3.062	4.423
	<u>Thái Lan</u>	3.911		908	2.560	3.986
	<u>Mêhicô</u>	185	47	16	1.390	2.960
	<u>Australia</u>	243	1.317	1.288	3.025	2.719
	<u>Đài Loan</u>	375	844	1.678	1.714	2.489
	<u>Hàn Quốc</u>	5.279	3.325	3.756	3.174	2.473
	<u>Philippines</u>	0	1.070	2.700		2.387
	<u>Hồng Kông</u>	43	385	2.894	5.986	2.301
	<u>Đức</u>	1.127	1.221	1.859	2.386	1.476
	<u>Singapore</u>	746	787	1.235	1.253	744

*Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>9</sup>*

<sup>9</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

**PHỤ LỤC 5 . VỊ TRÍ CỦA SẢN PHẨM CƠ KHÍ VIỆT NAM  
TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

HS 2002	Sản phẩm	Kim ngạch xuất khẩu 2005 (1.000USD)	Tăng trưởng xuất khẩu 2001-2005 (%)	Thứ hạng trong xuất khẩu thế giới	Tăng trưởng KNNK thế giới 2001-2005, %
<u>8406</u>	Turbin hơi nước và turbin khí	<u>2.370</u>	-36	44	7
<u>8407</u>	Động cơ đốt trong kiểu piston	<u>12.896</u>	245	38	6
<u>8409</u>	Các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong	<u>24.704</u>	134	48	16
<u>8411</u>	Turbin phản lực	<u>2.291</u>	8	75	5
<u>8412</u>	Động cơ và mô tơ khác	<u>17.665</u>	474	38	20
<u>8413</u>	Bơm chất lỏng, máy đẩy chất lỏng	<u>8.101</u>	20	56	15
<u>8414</u>	Bơm không khí, bơm chân không, máy nén, quạt KK	<u>57.627</u>	2	39	11
<u>8437</u>	Máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại ngũ cốc	<u>1.667</u>	39	40	9
<u>8701</u>	Máy kéo	<u>7.725</u>	45	48	21
<u>8501</u>	Động cơ điện và máy phát điện	<u>190.724</u>	29	28	11
<u>8502</u>	Tổ máy phát điện	<u>1.643</u>	49	53	7
<u>8503</u>	Các bộ phận dùng cho 8501 và 8502	<u>19.159</u>	28	36	14
<u>8504</u>	Biến thế điện và cuộn cảm	<u>105.886</u>	29	38	10
<u>8507</u>	Ắc quy điện	<u>23.004</u>	14	41	16
<u>8511</u>	Máy phát điện	<u>4.311</u>	31	53	12
<u>8533</u>	Điện trở	<u>6.335</u>	58	38	8
<u>8544</u>	Dây điện, cáp điện	<u>488.568</u>	30	28	10

*Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006<sup>10</sup>*

<sup>10</sup> Không có báo cáo số liệu xuất khẩu của Việt Nam, thống kê này được tính toán theo số liệu của các nước nhập khẩu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Mc Kinsey, *Năng lực cạnh tranh của các nước ASEAN*, Dự án của Ban thư ký ASEAN, 2003.
- Prof Ohno, *Xuất khẩu sản phẩm chế tạo của Việt Nam*, 2003.
- Bộ Công nghiệp, *Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam*, 2002.
- Bộ Công nghiệp, *Năng lực cạnh tranh các ngành công nghiệp*, Dự án quốc gia về nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá & dịch vụ, 2003.
- Bộ Công nghiệp, Các báo cáo tham luận tại Hội thảo: “*Phát triển công nghiệp cơ khí Việt Nam trong tình hình hội nhập kinh tế quốc tế*” ngày 15 tháng 12 năm 2006, Hà Nội.
- Cơ quan thống kê Liên hiệp quốc, *UN Comtrade statistics*, 2001 - 2005.
- JICA - NEU, *Chính sách thương mại và công nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, NXB Thống kê, 2003.
- Ths. Đỗ Hồng Hạnh, *Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp: Cơ hội và thách thức*, Dự án GRIPS - NEU, 2004.
- Hội KHKT Cơ khí Việt Nam, “*Đánh giá tổng quát hiện trạng cơ khí Việt Nam, đề xuất giải pháp phát triển ngành cơ khí trong giai đoạn 2000 -2010* ”, 2000.
- Hội KHKT Cơ khí Việt Nam, “*Khảo sát, nghiên cứu lựa chọn sản phẩm cơ khí trọng điểm đến năm 2010 và hướng đến 2020. Đề xuất mô hình tổ chức sản xuất*”, 2001.



- TS. Nguyễn Xuân Chuẩn, *Thách thức và cơ hội của ngành cơ khí Việt Nam sau WTO*, Tạp chí Cơ khí Việt Nam, tháng 4/2006.
- Số liệu của Cơ quan tình báo kinh tế thế giới EIU các năm từ 2001 - 2005.
- *Niên giám thống kê 2006*, Tổng cục thống kê.
- *Product Map* - Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), 2006.
- Tạp chí Công nghiệp các số từ năm 2001 đến 2006.

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
UN Comtrade statistic	Cơ quan thống kê Liên hợp quốc
JIS	Tiêu chuẩn chất lượng hàng công nghiệp của Nhật Bản
CV	Công suất
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
CE	Tiêu chuẩn sản phẩm an toàn của châu Âu
EU	Liên minh Châu Âu
XK	Xuất khẩu
NK	Nhập khẩu
XNK	Xuất nhập khẩu
KNNK	Kim ngạch nhập khẩu
CNH, HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hóa
CPSC	Ủy ban an toàn sản phẩm tiêu dùng Hoa Kỳ
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
GS	Tiêu chuẩn bảo hành chất lượng sản phẩm
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
EIU	Cơ quan tình báo kinh tế thế giới
USD	Đô la Mỹ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

-----  
Giấy đề nghị

Kính gửi: Lãnh đạo Viện Nghiên cứu thương mại

Tôi tên là: *Phạm Thị Cải* - Chủ nhiệm Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “Giải pháp phát triển xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015”, xin đề xuất Danh sách Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở của Đề tài như sau:

- 1- PGS.TS. Nguyễn Văn Lịch - Viện Nghiên cứu TM - Chủ tịch HĐ
- 2- TS. Từ Thanh Thuỷ - Viện Nghiên cứu TM - Uỷ viên thư ký
- 3 - ThS. Nguyễn Xuân Sinh - Vụ XNK - Bộ TM - Phản biện 1
- 4 - TS. Nguyễn Thị Nhiều - Viện Nghiên cứu TM - Phản biện 2
- 5 - TS. Đinh Văn Thành - Viện Nghiên cứu TM - Uỷ viên
- 6 - TS. Bùi Hữu Đạo - Vụ Kế hoạch - Bộ TM - Uỷ viên
- 7 - TS. Trần Công Sách - Viện Nghiên cứu TM - Uỷ viên

Kính mong được Lãnh đạo Viện quan tâm để Đề tài được thực hiện đúng tiến độ.

Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2007

Người đề nghị

*Phạm Thị Cải*

**BỘ THƯƠNG MẠI  
VIỆN NGHIÊN CỨU THƯƠNG MẠI**

---

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ  
MÃ SỐ: 2006 - 78 - 005**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU  
MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM  
ĐẾN NĂM 2015**

**HÀ NỘI, 2007**

<b>MỤC LỤC</b>		<b>Trang</b>
	<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	1
	<b>Chương 1 Tổng quan về thị trường các sản phẩm cơ khí thế giới</b>	4
<b>I</b>	<b>Khái niệm và phân loại sản phẩm cơ khí</b>	4
1	Khái niệm	4
2	Phân loại các sản phẩm cơ khí	4
<b>II</b>	<b>Khái lược tình hình cung cầu sản phẩm cơ khí trên thế giới</b>	6
1	Đặc điểm cơ bản của các sản phẩm cơ khí khi tham gia thị trường	6
2	Tình hình cung ứng các sản phẩm cơ khí trên thị trường thế giới những năm gần đây	6
3	Tình hình nhập khẩu các sản phẩm cơ khí trên thị trường thế giới	10
<b>III</b>	<b>Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của một số nước trên thế giới</b>	14
1	Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị điện của Malaysia	14
2	Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu dây điện và cáp điện của Hàn Quốc	14
3	Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến của Trung Quốc	14
4	Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	14
	<b>Chương 2 Thực trạng xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005</b>	15
<b>I</b>	<b>Một số nét về sản xuất và tiêu thụ đối với máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện ở Việt Nam</b>	15
<b>II</b>	<b>Thực trạng xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện ở Việt Nam</b>	17
2.1	Đối với máy động lực	17
2.2	Đối với các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến	19

2.3	Đối với thiết bị kỹ thuật điện	20
<b>III</b>	<b>Thực trạng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và 3 nhóm sản phẩm lựa chọn nêu trên của Việt Nam</b>	21
3.1	Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu	21
3.2	Cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu	23
<b>IV</b>	<b>Đánh giá chung về thực trạng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam nói chung và cụ thể đối với 3 nhóm sản phẩm lựa chọn</b>	23
4.1	Những kết quả đạt được	23
4.2	Những tồn tại, hạn chế	24
4.3	Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra	24
	<b>Chương 3 Những giải pháp chủ yếu nhằm phát triển xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015</b>	25
<b>I</b>	<b>Bối cảnh và dự báo khả năng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam</b>	25
1.1	Bối cảnh trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến khả năng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam	25
1.2	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phát triển xuất khẩu của các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015	26
1.3	Dự báo khả năng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam thời kỳ đến năm 2015	26
<b>II</b>	<b>Quan điểm và định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015</b>	26
2.1	Quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015	26
2.2	Định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015	27
<b>III</b>	<b>Các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển xuất khẩu máy động lực, các</b>	29

## **sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện ở Việt Nam thời kỳ đến 2015**

3.1	Nhóm các giải pháp đối với Chính phủ và các Bộ, Ngành có liên quan	29
3.2	Nhóm các giải pháp đối với các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện	30
3.3	Nhóm giải pháp nhằm nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng và Hiệp hội doanh nghiệp trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn nêu trên ở Việt Nam	32
<b>IV</b>	<b>Một số kiến nghị</b>	<b>34</b>
4.1	Một số kiến nghị với Chính phủ, các Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp và các Bộ, Ngành liên quan	34
4.2	Một số kiến nghị với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện	34
4.3	Một số kiến nghị với Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam và Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam	35
4.4	Với các tổ chức khoa học công nghệ có liên quan đến sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí nêu trên	35
	<b>Kết luận</b>	<b>36</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm qua, thực hiện công cuộc “Đổi mới” kinh tế, cùng với các lĩnh vực hoạt động khác của nền kinh tế quốc dân, công nghiệp cơ khí Việt Nam đang có những bước phát triển mới, khẳng định nội lực của mình bằng việc sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng một cách hiệu quả cho yêu cầu phát triển kinh tế, quốc phòng và phục vụ tiêu dùng của nhân dân. Mặt khác, ngành cơ khí Việt Nam cũng đang từng bước chứng tỏ tiềm lực của mình thông qua việc xuất khẩu các sản phẩm cơ khí ra thị trường nước ngoài.

Theo số liệu của Bộ Công nghiệp, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành cơ khí giai đoạn 1995 - 2005 đạt mức trên 40%/năm. Kết quả trên thể hiện sự phát triển khá mạnh mẽ của ngành cơ khí. Ngày 26/12/2002, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 186/2002/QĐ/TTg phê duyệt *Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn tới 2020* khẳng định “Cơ khí là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước”.

Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, thời gian qua, các sản phẩm cơ khí chế tạo của Việt Nam đã thâm nhập và tăng thị phần trên thị trường các nước khác trên thế giới, đem về cho đất nước mỗi năm khoảng 500 triệu USD. Các thị trường xuất khẩu chính đối với các sản phẩm cơ khí của Việt Nam là: Nhật Bản, các nước Trung Đông, Nam Mỹ, các nước Châu Phi, đặc biệt là các nước trong khu vực ASEAN như : Philipin, Indônêxia, Thái Lan...

Tuy nhiên, nhìn về tổng thể, ngành cơ khí Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân. Tỷ lệ giá trị xuất khẩu của các mặt hàng cơ khí còn ở mức thấp, mới chỉ đạt 0,15% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Mặt khác, Nhà nước chưa có kế hoạch phát triển một cách tổng thể, lâu dài, do đó chưa có những giải pháp hữu hiệu về đầu tư nghiên cứu khoa học, thiết bị chế tạo, về vốn, giá cả nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của ngành cơ khí, đặc biệt các giải pháp kích cầu, trợ giá, cho vay vốn trung và dài hạn với lãi suất thấp để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển sản xuất.

Một vấn đề cần được quan tâm là bắt đầu từ năm 2006, theo tiến trình hội nhập AFTA cũng như sau khi Việt Nam trở thành thành viên WTO thì các ưu đãi về thuế đối với các sản phẩm cơ khí của Việt Nam sẽ bị huỷ bỏ. Sự cạnh tranh của các sản phẩm cơ khí cùng loại được sản xuất ở các nước khác trên thị trường quốc tế và ngay cả trên thị trường nội địa sẽ là thách thức lớn đối với ngành cơ khí Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu đã đề ra trong *Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn tới 2020* và phấn đấu “Đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại” thì nhiệm vụ đặt ra cho ngành cơ khí và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí trong thời gian tới là rất nặng nề. Vì vậy, cùng với sự nỗ lực và năng động của các doanh nghiệp và toàn ngành cơ khí, đòi hỏi cần có sự quan tâm đầu tư thích đáng của Nhà nước cũng như các chính sách vĩ mô để thực hiện.



Xuất phát từ những lý do cơ bản nêu trên, Bộ Thương mại đã duyệt và cho phép tổ chức nghiên cứu Đề tài: “**Giải pháp phát triển xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015**”.

**Mục tiêu chính của đề tài là:**

- Đưa ra được những nét khái quát về thị trường các sản phẩm cơ khí thế giới
- Tổng kết thực trạng xuất khẩu một số nhóm sản phẩm cơ khí quan trọng và có tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam như: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện... và tìm ra các vấn đề bức xúc cần quan tâm giải quyết.
- Đề xuất các giải pháp để phát triển xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí nói trên của Việt Nam thời kỳ đến 2015.

**Đối tượng nghiên cứu của đề tài là**

- Các sản phẩm cơ khí của Việt Nam, trong đó tập trung vào 3 nhóm sản phẩm là: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện...
- Các thị trường xuất khẩu chính đối với các nhóm sản phẩm nêu trên của Việt Nam
- Chính sách, cơ chế của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và các nhóm sản phẩm lựa chọn nêu trên nói riêng.

Do giới hạn về phạm vi và thời gian nghiên cứu, về nội dung, Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng và các giải pháp phát triển xuất khẩu đối với 3 nhóm sản phẩm cơ khí là: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện...

Về không gian và thời gian, Đề tài tập trung nghiên cứu về hoạt động xuất khẩu đối với 3 nhóm sản phẩm cơ khí là: Máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện... của cả nước giai đoạn 2001 - 2006 và dự báo đến năm 2015.

**Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng là:**

- Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tư liệu
- Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh
- Tham khảo ý kiến chuyên gia và hội thảo chuyên đề

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các phụ lục, bảng biểu, đề tài được kết cấu thành 3 chương:

**Chương 1: Tổng quan về thị trường các sản phẩm cơ khí thế giới**

**Chương 2: Thực trạng xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam giai đoạn 2001 - 2006**

**Chương 3: Những giải pháp chủ yếu nhằm phát triển xuất khẩu một số sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015**

## Chương 1

# TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ THẾ GIỚI

## I- KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI SẢN PHẨM CƠ KHÍ

### 1- Khái niệm:

Công nghệ cơ khí hay kỹ thuật cơ khí là ngành ứng dụng các nguyên lý vật lý để tạo ra các loại máy móc hoặc các vật dụng hữu ích. Cơ khí áp dụng các nguyên lý nhiệt động lực học, định luật bảo toàn khối lượng và năng lượng để phân tích các hệ vật lý tĩnh và động, phục vụ cho công tác thiết kế trong các lĩnh vực như ô tô, máy bay và các phương tiện giao thông khác, các hệ thống gia nhiệt và làm lạnh, đồ dùng gia đình, máy móc thiết bị sản xuất vũ khí... Như vậy, các sản phẩm do ngành cơ khí chế tạo ra đều được gọi là các sản phẩm cơ khí.

### 2- Phân loại các sản phẩm cơ khí:

Sản phẩm cơ khí được sản xuất từ công nghệ cơ khí và kỹ thuật cơ khí, vì vậy, có nhiều cách phân loại các sản phẩm cơ khí khác nhau, dựa trên các tiêu chí khác nhau.

Cụ thể là:

- Nếu căn cứ vào công nghệ sản xuất, các sản phẩm cơ khí được phân loại thành: Sản phẩm cơ khí chính xác; Sản phẩm cơ khí chế tạo; Sản phẩm cơ khí lắp ráp.

- Nếu căn cứ vào mục đích sử dụng trong các ngành sản xuất, các sản phẩm cơ khí được phân loại thành: Cơ khí giao thông; Cơ khí xây dựng; Cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp; Cơ khí đóng tàu.

- Nếu căn cứ vào công dụng của sản phẩm trong các ngành kinh tế, các sản phẩm cơ khí được phân loại thành: Máy công cụ: Máy khoan, dập, tiện, phay, bào...; Máy nông, lâm, ngư nghiệp: Máy kéo, gieo hạt, gặt đập, nghiền thức ăn gia súc, máy cưa, máy thủy...; Dụng cụ cầm tay và đồ cơ kim khí gia dụng: Xe đạp, nồi xoong, dao, kéo, lưỡi cưa, khoan cầm tay, kìm, búa...

Ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 186/2002/QĐ -TTg ngày 26/12/2002 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010 và tầm nhìn 2020, trong đó tập trung phát triển 8 chuyên ngành và sản phẩm cơ khí trọng điểm để đáp ứng về cơ bản nhu cầu của nền kinh tế quốc dân là: (1) Thiết bị toàn bộ; (2) Máy động lực; (3) Cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến; (4) Máy công cụ; (5) Cơ khí xây dựng; (6) Cơ khí đóng tàu thủy; (7) Thiết bị kỹ thuật điện - điện tử; (8) Cơ khí ô tô - cơ khí giao thông vận tải.

## II- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ TRÊN THẾ GIỚI

### 1- Đặc điểm cơ bản của các sản phẩm cơ khí khi tham gia thị trường

a/ Đặc điểm về yêu cầu kỹ thuật

Sản phẩm cơ khí là loại sản phẩm được lắp ráp từ nhiều bộ phận, chi tiết được sản xuất theo các công nghệ khác nhau, với các đặc điểm và yêu cầu kỹ thuật khác nhau. Xuất phát từ đặc điểm nêu trên nên một sản phẩm cơ khí dù ở dạng bán thành phẩm hay thành phẩm đều đòi hỏi độ chính xác và khả năng lắp lẫn rất cao.

Mặt khác, một sản phẩm cơ khí hoàn chỉnh sẽ là tổ hợp của nhiều bộ phận, chi tiết được sản xuất ở các doanh nghiệp khác nhau, thậm chí ở các nước khác nhau. Điều này dẫn đến những đòi hỏi về yêu cầu kỹ thuật đối với các sản phẩm cơ khí là hết sức nghiêm ngặt nhằm tạo sự đồng bộ cao trong việc tập hợp các chi tiết, phụ tùng và khả năng có thể vận hành một cách an toàn trong sử dụng sản phẩm.

Ngoài ra, khi sử dụng các sản phẩm cơ khí, khách hàng đặc biệt quan tâm xem các nhà sản xuất có thực hiện đúng quy trình sản xuất hay không, các sản phẩm đưa ra thị trường có đáp ứng được các tiêu chuẩn về kích thước hoặc sai số kỹ thuật hay không, có khả năng đáp ứng được các tiêu chuẩn về độ bền trong sử dụng hay không...

### ***b/ Đặc điểm về độ an toàn đối với người sử dụng***

Như ta đã biết, các sản phẩm cơ khí được sử dụng ở nhiều lĩnh vực của sản xuất và đời sống. Chính vì vậy, yêu cầu quan trọng đối với các sản phẩm cơ khí là phải đảm bảo an toàn đối với người vận hành và người sử dụng.

Ở các nước khác nhau, yêu cầu về độ an toàn đối với người sử dụng của các sản phẩm cơ khí được quy định khác nhau. Ví dụ các sản phẩm cơ khí tiêu thụ trên thị trường EU phải có nhãn CE, các sản phẩm cơ khí tiêu thụ trên thị trường Nhật Bản phải đáp ứng được tiêu chuẩn JIS của Nhật Bản...

Riêng đối với sản phẩm cơ khí, nhãn CE quy định các tiêu chuẩn liên quan đến thiết kế, vật liệu, màu sắc, điều khiển, các quy định về an toàn, hệ thống bảo vệ và cảnh báo nguy hiểm, bảo dưỡng, sửa chữa và hướng dẫn sử dụng. Nhãn CE có thể được xem xét như một dạng giấy thông hành cho phép các nhà sản xuất lưu thông một cách tự do trong thị trường EU các sản phẩm công nghiệp như: Máy móc, thiết bị điện hạ thế, đồ chơi, các thiết bị an toàn cá nhân, thiết bị y tế và một số mặt hàng khác.

### ***c/ Đặc điểm về hệ thống phân phối***

Với những đặc điểm riêng về nguyên liệu sản xuất, kỹ thuật chế tạo, điều kiện vận hành và sử dụng... nên hệ thống kênh phân phối các sản phẩm cơ khí nói chung có nhiều điểm khác biệt so với hệ thống kênh phân phối các loại sản phẩm tiêu dùng khác.

Hệ thống phân phối các sản phẩm cơ khí, nhất là các sản phẩm có sử dụng động cơ là rất phức tạp. Quá trình đưa các sản phẩm cơ khí từ người sản xuất đến với người sử dụng luôn cần có cán bộ tư vấn, giám sát kỹ thuật và hướng dẫn vận hành, đồng thời cần có hệ thống bảo hành, bảo trì, cung ứng phụ tùng, vật tư thay thế, sửa chữa... để đảm bảo sản phẩm có thể được sử dụng hiệu quả và an toàn.

### ***d/ Đặc điểm về vấn đề marketing và tiếp cận thị trường***

Khác với các loại sản phẩm khác, đối với các sản phẩm cơ khí, hoạt động marketing và tiếp cận thị trường cũng có những điểm khác biệt do đặc tính và yêu cầu kỹ thuật của nó quyết định.

Đối với các sản phẩm cơ khí chế tạo máy, máy động lực, thiết bị kỹ thuật điện... nhà sản xuất không thể chế tạo thử hoặc chế tạo sẵn để chào bán trên thị trường nên việc tạo dựng thị trường tiêu thụ ổn định là rất quan trọng.

Kinh nghiệm cho thấy, để thiết lập hệ thống phân phối các sản phẩm cơ khí trên thị trường nước ngoài, các nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm cần tham gia vào các Hội chợ, triển lãm hàng cơ khí nói chung và các hội chợ, triển lãm chuyên ngành để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và doanh nghiệp trên thị trường. Đồng thời, doanh nghiệp cần thông qua các cơ quan đại diện thương mại ở nước ngoài để tạo dựng thị trường, tìm kiếm bạn hàng, từng bước thâm nhập vào các kênh phân phối các sản phẩm cơ khí ở nước ngoài.

## **2- Tình hình xuất khẩu các sản phẩm cơ khí trên thị trường thế giới những năm gần đây**

### ***a/ Về quy mô thị trường***

Sản phẩm cơ khí chế tạo đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế và là một trong những sản phẩm xuất khẩu của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay sản xuất các sản phẩm cơ khí ở các nước phát triển đang có xu hướng chuyển sang các nước đang phát triển. Trung Quốc đang trở thành nước đóng vai trò quan trọng trong sản xuất và xuất khẩu loại sản phẩm cơ khí.

Thị phần các sản phẩm cơ khí của các công ty Tây Âu và khu vực Bắc Mỹ trên thị trường thế giới đang có xu hướng giảm, khoảng 30% các doanh nghiệp cơ khí lớn trên thế giới đang tập trung vào các thị trường thuộc châu Á. Sự phát triển của ngành cơ khí châu Á không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội đối với các nước phát triển và là động lực chính để các tập đoàn cơ khí trên thế giới phát triển thông qua quá trình đầu tư vào khu vực này.

**Bảng 1.1: Thị phần sản phẩm chế tạo của các khu vực trên thế giới 2005**

*Đơn vị tính: %*

	<b>Bắc Mỹ</b>	<b>Mỹ La Tinh</b>	<b>Tây Âu</b>	<b>EU mới</b>	<b>Đông Âu</b>	<b>Tr.Đông&amp; châu Phi</b>	<b>Trung Quốc</b>	<b>Ấn Độ</b>	<b>Ch.Á khác</b>
2005	29,3	5,0	30,2	2,3	2,3	6,4	4,8	8,0	11,7
2002 - 2004	26,3	5,1	27,9	2,9	2,6	6,8	6,8	7,3	14,3

*Nguồn: Điều tra của EIU năm 2006*

### ***b/ Các nước xuất khẩu chính đối với một số chủng loại sản phẩm cơ khí***

#### ***- Nhóm sản phẩm máy động lực***

Theo số liệu của UN Comtrade, các nước xuất khẩu các sản phẩm máy động lực chính bao gồm: Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản và Anh Quốc. Bốn nước này chiếm 51,76% giá trị xuất khẩu sản phẩm máy động lực trên thị trường thế giới. Trong đó, Mỹ vẫn là quốc gia chiếm tỷ trọng lớn nhất với 18,04%, tiếp đến là Nhật Bản 9,79%, Anh 8,28%, Pháp 6,07% và Trung Quốc 3,59%.

Thị trường máy động lực vẫn chủ yếu do các nước phát triển nắm giữ, các nước đang phát triển có giá trị xuất khẩu máy động lực không lớn. Tuy nhiên, vị trí của các nước về kim ngạch xuất khẩu máy động lực đang có những thay đổi đáng kể. Thị phần của Hoa Kỳ năm 2006 giảm đi so với năm 2002, trong khi thị phần Trung Quốc đang tăng lên với tốc độ tương đối nhanh. Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ có thể trở thành một trong những nước xuất khẩu máy động lực lớn trên thế giới.

Nếu xét theo chủng loại các sản phẩm máy động lực: Động cơ đốt trong (HS 8408), các bộ phận dùng trong động cơ đốt trong (HS 8409), máy bơm chất lỏng, máy đẩy chất lỏng (HS 8413)... có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất với tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2002 - 2006 lần lượt là 24,67%, 24,11% và 24,38%/năm. Đây sẽ là những sản phẩm có tiềm năng phát triển trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, nếu xét về kim ngạch xuất khẩu thì Turbin phản lực là sản phẩm có kim ngạch cao nhất vì đây là sản phẩm công nghệ cao, có giá trị lớn (chủ yếu là các động cơ máy bay). Tiếp đến là linh kiện động cơ đốt trong và máy bơm không khí, máy nén chân không (HS 8414).

*- Nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp*

Các nước phát triển vẫn giữ vai trò chủ yếu trong xuất khẩu nhóm sản phẩm này trên thị trường. Năm 2006, các nước Đức, Hoa Kỳ, Italia vẫn là nước những nước xuất khẩu chính đối với các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp với thị phần tương ứng là 19,96%, 13,82% và 7,88%.

Trung Quốc tuy là nước xuất khẩu với số lượng lớn các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp nhưng chủ yếu là sản phẩm có công nghệ trung bình và thấp nên giá trị không cao (chỉ chiếm 2,04% thị phần các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp trên thị trường thế giới).

Vai trò của các nước đang phát triển trên thị trường thế giới đối với nhóm mặt hàng này còn hạn chế. Các nước Châu Á như: Malaixia, Hàn Quốc, Thái Lan chiếm thị phần không đáng kể trên thị trường thế giới đối với các sản phẩm cơ khí thuộc nhóm này. Năm 2006, Thái Lan chỉ xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp đạt 85,5 triệu USD, chiếm 0,12% thị phần thế giới. Con số tương ứng của Malaixia là 92,3 triệu USD và 0,13%.

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp thế giới giai đoạn 2002 - 2006 tăng tương đối cao, đạt mức trung bình 18,08%/năm. Các sản phẩm có tốc độ tăng cao hơn mức trung bình là: Máy kéo (HS 8701) có tốc độ tăng 18,72%/năm, các máy khác dùng trong nông, lâm nghiệp (HS 8436) có tốc độ tăng 21,13%/năm. Các sản phẩm có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu thấp nhất là máy vắt và chế biến sữa (HS 8434) chỉ tăng trưởng 9,32% do thị trường đã tương đối bão hòa, tiếp đến là sản phẩm máy làm sạch, tuyển chọn và phân loại ngũ cốc chỉ tăng trưởng 12,85%/năm.

*- Nhóm sản phẩm thiết bị kỹ thuật điện*

Xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện trên thế giới hàng năm đạt khoảng 200 tỷ USD.

Trong năm 2006, các quốc gia có thị phần xuất khẩu lớn đối với nhóm sản phẩm này là Trung Quốc đạt 36,38 tỷ USD (16,13%), Đức 22,45 tỷ USD (9,96%) và Hoa

Kỳ 10,07 tỷ USD (8,44%). Một số nước châu Á cũng giữ thị phần tương đối lớn trên thị trường thế giới đối với nhóm sản phẩm này như: Nhật Bản 15,76 tỷ USD (6,99%), Hàn Quốc 6,5 tỷ USD (2,88%) và Malaixia 2,04 tỷ USD (0,91%). Hiện nay, việc sản xuất nhiều loại thiết bị kỹ thuật điện được các nước phát triển chuyển giao sang sản xuất tại các nước đang phát triển, nơi có chi phí sản xuất thấp hơn như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia...

Thiết bị kỹ thuật điện là nhóm sản phẩm có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình giai đoạn 2002 - 2006 tương đối thấp (chỉ đạt 7,98%). Đặc biệt trong năm 2003, giá trị xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện thế giới đã giảm đến 13,87%. Năm 2006, thị trường bắt đầu hồi phục và tăng trưởng trở lại mặc dù tốc độ tăng trưởng chỉ đạt mức 7,98%.

Loại thiết bị kỹ thuật điện có tốc độ tăng trưởng cao là linh kiện dùng cho động cơ điện và linh kiện cho máy phát điện (HS 8503). Loại sản phẩm có tốc độ tăng trưởng thấp nhất là các loại máy phát điện (do thị trường gần như đã bão hòa và khả năng cung cấp điện trên thế giới đang ngày càng ổn định hơn). Loại thiết bị kỹ thuật điện có kim ngạch xuất khẩu cao nhất là dây và cáp điện với kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt 53,64 tỷ USD. Năm 2006, con số này đạt 61,22 tỷ USD. Đây là một trong những sản phẩm có tiềm năng phát triển trên thị trường thế giới. Theo số liệu của ITC, hiện nay, trên thế giới có 40 nước sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện. Các nước xuất khẩu dây và cáp điện lớn nhất thế giới bao gồm: Hoa Kỳ, Đức, Hồng Kông, Pháp, Italia, Hàn Quốc, Rumani, Anh và Úc. Giá trị xuất khẩu của nhóm sản phẩm này năm 2005 chiếm tới 42% tổng kim ngạch xuất khẩu dây và cáp điện trên thị trường thế giới.

Nếu phân theo châu lục thì châu Âu là khu vực xuất khẩu dây và cáp điện lớn nhất thế giới (chiếm 44% tổng kim ngạch xuất khẩu dây và cáp điện thế giới), tiếp đến là châu Mỹ (chiếm 28%), châu Á (chiếm 25%) và châu Phi (chiếm 3%).

### **3- Tình hình nhập khẩu các sản phẩm cơ khí trên thị trường thế giới**

#### ***a/ Về kim ngạch nhập khẩu***

##### *- Đối với nhóm máy động lực*

Theo thống kê của Liên hiệp quốc, tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu máy động lực thế giới giai đoạn 2002 - 2006 đạt mức trung bình 14,10%/năm. và năm 2006 đạt 287,135 tỷ USD. Trong đó, tốc độ tăng nhập khẩu nồi hơi trong giai đoạn 2002 - 2006 đạt 10,79%/năm, máy phụ trợ sử dụng cho các loại nồi hơi 13,85%/năm, turbin hơi nước và turbin khí 19,21%/năm, động cơ đốt trong kiểu piston 4,16%/năm, động cơ đốt trong 14,23%/năm... Năm 2005, kim ngạch nhập khẩu máy động lực trên thị trường thế giới đạt mức 255,59 tỷ USD và năm 2006 đạt 287,14 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu nồi hơi đạt 2,58 tỷ USD, máy phụ trợ sử dụng cho các loại nồi hơi 1,1 tỷ USD, turbin hơi nước và turbin khí 5,1 tỷ USD...

##### *- Đối với các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp*

Năm 2006, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp trên thị trường thế giới đạt trên 57 tỷ USD. Đây là nhóm sản phẩm cơ khí có tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu cao (đạt 8,15%/năm giai đoạn 2002 - 2006).

Các nước đang phát triển là thị trường nhập khẩu tiềm năng đối với nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp nhằm phục vụ nhu cầu cơ khí hóa nông nghiệp, nông thôn của họ.

Trong nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp, máy ép, máy nghiền và các loại máy khác dùng trong chế biến rau quả (HS 8435) có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao nhất. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu trung bình giai đoạn 2002 - 2006 của loại sản phẩm này đạt 87,82%/năm với kim ngạch nhập khẩu năm 2004 đạt 1,14 tỉ USD, năm 2005 đạt 255 triệu USD và năm 2006 đạt 260 triệu USD. Tiếp đến là sản phẩm máy kéo (HS 8701) có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu trung bình giai đoạn 2002 - 2006 đạt 8,87%/năm. Loại sản phẩm có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất trong nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp là máy kéo (HS 8701) với kim ngạch nhập khẩu năm 2005 đạt 27.807,8 triệu USD và năm 2006 đạt 30.207,6 triệu USD.

Tiếp sau máy kéo là máy thu hoạch hoặc máy đập, máy làm sạch/phân loại nông sản (HS 8433) với kim ngạch nhập khẩu năm 2005 đạt 10,58 tỷ USD, năm 2006 đạt 12,01 tỷ USD và tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2002 - 2006 đạt 16,98%/năm.

*- Đối với thiết bị kỹ thuật điện:*

Kim ngạch nhập khẩu thiết bị kỹ thuật điện năm 2006 của thế giới đạt 188.247 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân giai đoạn 2002 - 2006 của nhóm sản phẩm này đạt 6,95%/năm. Trong đó, thiết bị kỹ thuật điện có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao nhất là ắc quy điện (HS 8507) với tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân giai đoạn 2002 - 2006 đạt 19,12%/năm. Tiếp đến là các sản phẩm dùng cho động cơ điện và tổ máy phát điện (HS 8503) có tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu trung bình giai đoạn 2002 - 2006 đạt 14,44%/năm.

Nếu xét về kim ngạch nhập khẩu, dây và cáp điện (HS 8544) có kim ngạch nhập khẩu cao nhất đạt 51,817 tỷ USD năm 2006 và tốc độ tăng trưởng 14,3%/năm trong giai đoạn 2002 - 2006. Tiếp đến là động cơ điện và máy phát điện (HS 8501) với kim ngạch nhập khẩu đạt 30,37 tỷ USD, tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu đạt 5,72%/năm giai đoạn 2002 - 2006. Riêng máy phát điện các loại hiện thị trường đã tương đối bão hòa, mức tăng trưởng không đáng kể.

#### ***b/ Các nước nhập khẩu chính đối với các sản phẩm cơ khí thế giới***

*- Đối với nhóm sản phẩm máy động lực*

Năm 2006, kim ngạch nhập khẩu máy động lực thế giới đạt 280,57 tỷ USD. Các nước phát triển vừa là nước xuất khẩu đồng thời cũng là những nước nhập khẩu máy động lực lớn trên thế giới. Hoa Kỳ là nước nhập khẩu máy động lực lớn nhất thế giới với thị phần nhập khẩu chiếm 19,12%. Tiếp đến là Đức và Anh với thị phần nhập khẩu máy động lực lần lượt là 10,41% và 6,69%.

Các nước đang phát triển có vai trò không lớn trên thị trường nhập khẩu máy động lực thế giới. Kim ngạch nhập khẩu máy động lực năm 2006 của Trung quốc chỉ chiếm 4,94% tổng kim ngạch nhập khẩu máy động lực thế giới. Con số này của Ấn Độ là 0,99%, Malaixia là 1,01% và Thái Lan là 1,54%...

Thị phần nhập khẩu máy động lực của Hoa Kỳ năm 2002 là 20,92%, đến năm 2006, con số này chỉ còn 19,12%. Nhập khẩu máy động lực của Anh giảm từ 7,51% năm 2002 xuống còn 6,69% vào năm 2006. Nhập khẩu máy động lực của Pháp giảm từ 6,85% năm 2002 xuống còn 6,20% vào năm 2006. Trong khi đó, nhập khẩu máy động lực của Trung Quốc tăng từ 3,39% năm 2002 lên 4,94% năm 2006 và sẽ còn tiếp tục tăng trong thời gian tới. Các nước đang phát triển khác có thị phần nhập khẩu máy động lực tăng, tuy nhiên quy mô nhập khẩu vẫn còn nhiều hạn chế.

*- Đối với nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp*

Các nước phát triển vẫn là những nước nhập khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm ngư nghiệp lớn trên thế giới. Hoa Kỳ là nước nhập khẩu sản phẩm này lớn nhất thế giới với kim ngạch nhập khẩu năm 2006 đạt 9,91 tỉ USD chiếm 17,56% kim ngạch nhập khẩu nhóm sản phẩm này của thế giới. Tiếp đến là Pháp đạt 4,86 tỉ USD (chiếm 8,62%), thứ 3 là Đức đạt 2,56 tỉ USD (chiếm 4,52%). Bên cạnh đó, các nước có quy mô nền nông nghiệp lớn trên thế giới như: Trung Quốc thì kim ngạch nhập khẩu cũng chỉ chiếm 1,01% thị phần thế giới, Ấn Độ chiếm 0,28%, Malaysia chiếm 0,42% và Thái Lan chiếm 1,14%...Ngoại trừ Hoa Kỳ có thị phần nhập khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp tăng từ 15,57% năm 2002 lên 17,56% năm 2006 còn hầu hết các nước phát triển có xu hướng giảm nhập khẩu nhóm sản phẩm này do thị trường thế giới đã tương đối bão hòa (Pháp giảm thị phần nhập khẩu đối với nhóm sản phẩm nêu trên từ 9,65% năm 2002 xuống còn 8,62% năm 2006, Đức giảm từ 7,12% năm 2002 xuống còn 4,52% vào năm 2006).

*- Nhóm thiết bị kỹ thuật điện*

Do tính chất đa dạng của sản phẩm nên ngay cả những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu một số thiết bị kỹ thuật điện cũng phải nhập khẩu các loại thiết bị điện khác mà họ chưa sản xuất được để phục vụ nhu cầu trong nước.

Các nước nhập khẩu thiết bị kỹ thuật điện lớn là: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản và Pháp... Nếu xét về tỷ trọng nhập khẩu thì Mỹ vẫn là quốc gia chiếm tỷ trọng nhập khẩu lớn nhất, chiếm 19,57%, tiếp đến là Trung Quốc 9,21%, Đức 6,41%, Nhật Bản 4,55% và Pháp 4,21%.

### **III- KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

Với điều kiện, phạm vi cụ thể và giới hạn về tài liệu nghiên cứu, Đề tài tập trung nghiên cứu kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện của Malaysia và Hàn Quốc và kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc.

#### **1- Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu thiết bị điện của Malaysia**

Ở giai đoạn đầu khi mới được hình thành, ngành sản xuất thiết bị điện của Malaysia chủ yếu sản xuất theo định hướng của Chính phủ nhằm mục đích thay thế nhập khẩu. Một điểm cần chú ý là ở giai đoạn này, ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện của Malaysia phát triển chủ yếu dựa trên cơ sở liên doanh với các đối tác nước ngoài. Chỉ trong một thời gian ngắn, ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện ở Malaysia đã có những bước phát triển rất mạnh mẽ và vượt ra khỏi mục tiêu ban đầu là sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu.



Chiến lược phát triển sản xuất thiết bị điện được xác định rất rõ ràng cho từng nhóm hàng cụ thể. Trong đó, lĩnh vực sản xuất dây điện và cáp điện được xác định là một trong 4 nhánh phát triển trọng tâm trong ngành sản xuất thiết bị điện của Malaysia.

Mặt khác, hoạt động quản lý chất lượng đối với các thiết bị kỹ thuật điện của Malaysia được thực hiện rất nghiêm túc và có tính chuyên nghiệp cao. Mọi sản phẩm điện xuất khẩu của Malaysia đều phải đáp ứng những tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng gồm ISO 9002, ISO 14.000, International Electrical Commission...

Ngoài yếu tố chất lượng sản phẩm, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất các thiết bị điện xuất khẩu của Malaysia cũng là vấn đề được Chính phủ nước này quan tâm.

Một đặc điểm cũng rất đáng lưu ý trong ngành sản xuất dây điện và cáp điện của Malaysia là hầu hết các sản phẩm (ngoại trừ dây cáp bọc đồng) đều nhằm phục vụ cho hoạt động truyền tải điện trong nước. Đây là một trong những lý do lý giải tại sao Malaysia chưa nằm trong nhóm các nước dẫn đầu trên thế giới về kim ngạch xuất khẩu dây điện và cáp điện mặc dù ngành công nghiệp này của Malaysia phát triển tương đối mạnh.

## **2- Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu dây điện và cáp điện của Hàn Quốc**

Hiệp hội các nhà sản xuất ngành điện (KOEMA- Korea Electrical Manufactures Association) là tổ chức đóng vai trò quan trọng được thành lập theo Luật Phát triển công nghiệp của Hàn Quốc và đóng vai trò là người xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện (trong đó bao gồm các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện).

Với 170 thành viên, trong những năm qua, KOEMA đã hoạt động rất hiệu quả trong việc hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu mặt hàng dây điện, cáp điện cho các doanh nghiệp Hàn Quốc thông qua một số các hoạt động như:

- Tổ chức Hội chợ quốc tế Seoul thường niên chuyên đề về sản phẩm ngành điện (Seoul International Electric Fair - SIEF) với sự bảo trợ của Bộ Công thương và Năng lượng Hàn Quốc, Cục Quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ Hàn Quốc và Tập đoàn Điện lực Hàn Quốc. Đây là hội chợ rất có uy tín và quan trọng không chỉ đối với các nhà sản xuất và xuất khẩu dây điện, cáp điện của Hàn Quốc mà còn là một sự kiện lớn trong thị trường sản xuất và xuất khẩu dây điện, cáp điện của thế giới.

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác trao đổi công nghệ và thông tin thị trường về mặt hàng dây và cáp điện cũng như các thiết bị kỹ thuật điện khác. Đến nay, KOEMA đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với nhiều tập đoàn sản xuất, kinh doanh thiết bị kỹ thuật điện lớn trên thế giới.

- Thúc đẩy hoạt động hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, quản lý chất lượng, phát triển công nghệ và tổ chức hoạt động xúc tiến xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện trên phạm vi cả nước.

### **3- Kinh nghiệm phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến của Trung Quốc**

Đảng và Chính phủ Trung Quốc coi cơ giới hoá là then chốt, là nhân tố đầu tiên của hiện đại hoá nông nghiệp và coi nhiệm vụ "đẩy mạnh cơ giới hoá nông nghiệp" là trọng tâm phát triển. Với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cơ giới hoá nông nghiệp cùng với sự gia tăng nhanh của vốn đầu tư (cả vốn trong nước và vốn FDI), sản lượng và giá trị các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc tăng lên nhanh chóng, không chỉ đáp ứng đủ nhu cầu trong nước mà còn giành một phần cho xuất khẩu.

Các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp xuất khẩu của Trung Quốc chủ yếu là: Máy nông nghiệp, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất, máy thu hoạch hoặc máy đập, làm sạch hoặc phân loại nông sản, máy vắt sữa và máy chế biến sữa, máy ép, nghiền và các loại dùng trong chế biến rau quả, máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại ngũ cốc, máy chế biến dùng cho công nghiệp thực phẩm, máy kéo, máy bơm và một số loại máy phục vụ sản xuất nông nghiệp khác.

Nhìn chung, với chính sách đa dạng hoá loại hình, đa dạng hoá cấp độ chất lượng và giá cả, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Trung Quốc (đặc biệt là các loại máy phục vụ sản xuất nông nghiệp có công suất vừa và nhỏ) đã được xuất khẩu đến nhiều quốc gia trên thế giới.

### **4- Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

- Việc phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và ba nhóm sản phẩm lựa chọn nói riêng cần phải có định hướng chiến lược và kế hoạch rõ ràng trong kế hoạch phát triển ngành công nghiệp và kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

- Để thực hiện mục tiêu phát triển sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn, bên cạnh những ưu đãi để phát triển mặt hàng, Chính phủ cần có các chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư từ mọi nguồn vốn để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu ở các vùng miền trong nước theo hướng ưu đãi ở mức độ cao hơn cho các doanh nghiệp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh ở những tỉnh, vùng, khu vực có kinh tế kém phát triển.

- Kinh nghiệm về việc tổ chức và phát huy vai trò của Hiệp hội ngành hàng.

Hiệp hội ngành hàng của nhóm các sản phẩm cơ khí lựa chọn cần được tổ chức và hoạt động theo định hướng rõ ràng, mang tính chuyên nghiệp cao và thực sự xuất phát từ lợi ích của các doanh nghiệp. Hiệp hội doanh nghiệp phải là người tham mưu, định hướng cho doanh nghiệp trong việc phát triển công nghệ, tìm kiếm và mở rộng thị trường...

Hiệp hội các nhà sản xuất ngành điện (KOEMA) của Hàn Quốc được đánh giá cao trong vai trò là người xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu thiết bị kỹ thuật điện nói chung và sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện nói riêng.

- Kinh nghiệm về công tác quản lý Nhà nước đối với việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí.

Hoạt động của ngành cơ khí cần được sự quan tâm thích đáng của Chính phủ và của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Theo kinh nghiệm của Malaysia, ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, Chính phủ đã định hướng cho doanh nghiệp cơ khí sản xuất sản phẩm thuộc nhóm thiết bị điện nhằm mục đích thay thế nhập khẩu và chủ yếu dựa trên cơ sở liên doanh với các đối tác nước ngoài. Ở giai đoạn sau đó, khi ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện ở Malaysia đã phát triển mạnh mẽ và lượng hàng hoá sản xuất ra không chỉ phục vụ các ngành kinh tế trong nước và tiêu dùng của dân cư mà còn giành một phần lớn cho xuất khẩu.

## Chương 2

# **THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001 - 2006**

## **I- MỘT SỐ NÉT VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MÁY ĐỘNG LỰC, CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ PHỤC VỤ NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN Ở VIỆT NAM**

Theo đánh giá của Bộ Công nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp của ngành cơ khí năm 2005 đạt 91.709 tỷ đồng (giá so sánh 1994), tăng 27,2% so với 2004 và tăng 222,5% so với năm 2001, chiếm 22% giá trị sản xuất công nghiệp và tự trang bị được 36% nhu cầu thị trường trong nước. Các nhóm sản phẩm: Máy động lực, máy nông nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện... đã có đóng góp đáng kể trong việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và từng bước tiếp cận thị trường nước ngoài.

Hiện cả nước có khoảng 53.000 cơ sở sản xuất cơ khí, thu hút trên 500.000 lao động, chiếm gần 12% lao động công nghiệp. Các doanh nghiệp cơ khí chủ yếu tập trung tại các thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng. Vùng đồng bằng Bắc bộ và vùng Đông Nam bộ chiếm gần 90% giá trị sản xuất công nghiệp ngành cơ khí cả nước. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cơ khí so với toàn ngành công nghiệp đã tăng từ 8% lên 11,2%.

- *Đối với ngành chế tạo máy động lực:* Hiện tại, ngành chế tạo máy động lực Việt Nam có thể sản xuất tới 30.000 máy/năm, đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu thị trường trong nước. Sản phẩm đã có tính năng cao hơn các loại động cơ thể hệ cũ và hơn hẳn động cơ cùng loại của Trung Quốc, dần chiếm lại thị phần nội địa về máy động lực đang bị hàng nhập lậu giá rẻ Trung Quốc lấn át. Sản phẩm đã được xuất khẩu đi nhiều nước.

- *Ngành sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp* đã sản xuất được các loại bơm tiêu ứng đến 36.000m<sup>3</sup>/h, các loại thiết bị dùng trong công nghiệp mía đường, công suất từ 1.000 - 8.000 tấn mía cây/ngày, các dây chuyền sản xuất cao su mủ khô đến 6.000 tấn/năm, dây chuyền thiết bị xay xát gạo công suất đến 50 tấn lúa/ca, các máy xay xát nhỏ ở nông thôn, thiết bị sơ chế cà phê theo phương

pháp ước, công suất 0,75 - 3 tấn/h, các thiết bị cưa xẻ chế biến gỗ, các thiết bị chế biến chè, các máy canh tác nhỏ cho nông thôn, góp phần đưa mức độ cơ giới hoá khâu làm đất tính bình quân cả nước đã đạt trên 35%. Đặc biệt các sản phẩm cơ khí nhỏ đã tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường nội địa, phục vụ đắc lực chủ trương công nghiệp hoá nông nghiệp ở Việt Nam .

- *Ngành cơ khí chế tạo thiết bị kỹ thuật điện* đã sản xuất nhiều sản phẩm đa dạng và nhiều chủng loại từ các động cơ xoay chiều 1 pha, 3 pha có công suất đến 1.000KW và điện áp đến 6 KV, máy biến áp có dung lượng và điện áp khác nhau, dây và cáp điện, thiết bị thủy điện nhỏ (tuốc bin, máy phát) đến các loại khởi động từ, cầu dao, cầu chì, áp - tô - mát, máy biến dòng, đồng hồ đo điện, bảng điện hạ thế và cao thế...

Từ nhiều năm nay, các công ty sản xuất trong ngành đã thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp thiết bị để phát triển sản xuất phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Điển hình là Công ty Máy kéo - Máy nông nghiệp Hà Đông (tỉnh Hà Tây) đã đầu tư 15,1 tỷ VNĐ cải tạo các dây chuyền thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất trong đó có dây chuyền sơn sấy hiện đại, nâng cao đáng kể năng lực và trình độ sản xuất, chất lượng máy kéo Bông Sen. Từ chỗ sản xuất máy kéo cỡ nhỏ 2 bánh (BS 8 đến BS 15), đến nay, Công ty này đã sản xuất hàng loạt máy kéo nhỏ 4 bánh cỡ 20 CV (BS 20) và 30 CV (BS 30) có năng suất cao hơn, đa năng hơn, liên hợp với cày chảo 3 lưỡi, phay đất 1,3m bánh lồng để làm đất, máy rạch hàng, vun luống, bơm nước, rơ - moóc vận chuyển... và còn dùng để kéo máy xay xát, tuốt lúa, phát điện...

**Bảng 2.1: Tình hình sản xuất một số sản phẩm cơ khí chủ yếu của Việt Nam**

	Đơn vị tính	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Nông cụ cầm tay	Nghìn cái	15.918	20.639	21.752	20.756	21.549	22.421
Xe cải tiến	Cái	13.705	12.944	11.696	18.257	19.435	20.523
Máy bơm nông nghiệp	Cái	3.496	3.578	7.787	10.038	11.440	11.672
Đầu máy bơm nước	Nghìn cái	208	304	761	460	555	576
Bơm thuốc trừ sâu	Nghìn cái	70,4	52,4	51,7	52,7	54	55,3
Máy kéo và xe vận chuyển	Cái	1.932	3.052	7.889	8.607	9.415	9.871
Máy tuốt lúa có đg cơ	Cái	11.877	12.997	10.021	17.571	18.853	18.935
Máy tuốt lúa khg có đ.cơ	Cái	7.061	12.094	6.722	10.903	11.605	12.406
Máy xay xát	Cái	12.484	13.433	10.112	5.749	6.480	6.857
Máy công cụ	Cái	4.121	6.821	8.666	5.831	7.769	7.920
Động cơ diezen	Cái	30.329	107.433	184.418	182.443	145.450	152.521
Động cơ điện	Cái	45.855	64.085	95.779	132.320	134.445	135.843
Máy biến thế	Cái	13.535	18.633	33.364	50.146	45.541	46.876
Dây điện	Triệu mét	146,5	429,7	1.150,6	1.031,9	1.136,2	1.214,5

*Nguồn: Niên giám thống kê 2006, Tổng cục Thống kê.*

## II. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU MÁY ĐỘNG LỰC, CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ PHỤC VỤ NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN Ở VIỆT NAM

### 2.1. Đối với máy động lực

#### 2.1.1. Kim ngạch, cơ cấu và thị trường xuất khẩu

Trong những năm qua, nhiều sản phẩm máy động lực của Việt Nam đã có những kết quả bước đầu trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài. Một số sản phẩm có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu khá cao như các loại động cơ và mô tơ (HS 8412) với kim ngạch xuất khẩu năm 2006 đạt 17,36 triệu USD, tăng gần 110 lần so với kim ngạch xuất khẩu 162 ngàn USD của năm 2001; kim ngạch xuất khẩu các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong (HS 8409) năm 2006 đạt 25,21 triệu USD, tăng 28,8 lần so với kim ngạch xuất khẩu 865 ngàn USD của năm 2001; kim ngạch xuất khẩu động cơ đốt trong kiểu piston (HS 8407) với kim ngạch xuất khẩu năm 2006 đạt 13,907 triệu USD, tăng 37 lần so với kim ngạch xuất khẩu 345 ngàn USD của năm 2001... Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm máy động lực của Việt Nam còn đang ở mức thấp, chưa có sự tăng trưởng ổn định qua các năm.

Thị trường xuất khẩu các sản phẩm máy động lực của Việt Nam ban đầu chủ yếu là các nước trong khu vực ASEAN, sau đó mở rộng dần sang Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan. Một số sản phẩm đã được xuất khẩu sang các nước phát triển như: Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ, NiuDilân, Australia...Thị trường các nước phát triển đã chiếm tỷ trọng chủ yếu trong xuất khẩu một số loại máy động lực như: Australia chiếm tới 92% kim ngạch xuất khẩu turbin phản lực của Việt Nam (HS 8411) và 98% kim ngạch xuất khẩu động cơ và mô tơ (HS 8412) trong năm 2006; Nhật Bản chiếm 58% kim ngạch xuất khẩu bơm chất lỏng (HS 8413) và 26% kim ngạch xuất khẩu bơm không khí, máy nén và quạt không khí (HS 8414)...trong năm 2006.

#### 2.1.2. Thực trạng năng lực cạnh tranh xuất khẩu của nhóm hàng máy động lực Việt Nam

- Về giá:

Đối với sản phẩm là động cơ nhỏ hơn 30 CV, chất lượng của động cơ sản xuất tại Việt Nam tốt hơn động cơ cùng loại của Trung Quốc và được bán ra thị trường với giá bán cao hơn. Số liệu dưới đây cho thấy sự chênh lệch về giá cả của loại sản phẩm trên:

	<i>Do Việt Nam SX</i>	<i>Do Trung Quốc SX</i>
- Động cơ diesel 15 CV	3,6 triệu đồng	2,7 triệu đồng
- Động cơ diesel 8 CV	2,5 triệu đồng	1,7 triệu đồng

Mặt khác, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm máy động lực của Việt Nam vẫn chiếm vị trí rất khiêm tốn trên thị trường thế giới. Có thể thấy điều đó qua so sánh tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường thế giới với Trung Quốc và Thái Lan, những nước lân cận có điều kiện công nghệ kỹ thuật không quá chênh lệch với Việt Nam.

## **2.2. Đối với các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến**

### **2.2.1. Kim ngạch, cơ cấu và thị trường xuất khẩu**

Theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), một số sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến chất lượng cao của Việt Nam đã bước đầu tiếp cận được thị trường nước ngoài như: Máy làm đất, máy xay xát và các giàn thiết bị xay xát công suất 24 tấn/ngày, máy tuyển chọn và phân loại ngũ cốc... được các đối tác quốc tế tin dùng và đánh giá cao. Tuy số lượng và giá trị các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến xuất khẩu chưa cao nhưng điều này là một minh chứng lớn cho khả năng chế tạo các sản phẩm cơ khí có hàm lượng công nghệ và sức cạnh tranh cao, tạo tiền đề rất quan trọng để hội nhập khu vực và thế giới của các sản phẩm cơ khí nông nghiệp Việt Nam.

Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu khá phong phú, từ các loại thiết bị hỗ trợ cho sản xuất nông, lâm nghiệp (HS 8432) đến các thiết bị thu hoạch, chế biến nông, lâm sản (HS 8433, 8436, 8437) và thiết bị dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm (HS 8434, 8435, 8438)... Thị trường xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến được mở rộng từ các nước ASEAN sang Hàn Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ... Đến nay, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến của Việt Nam đã xuất hiện trên thị trường các nước Trung Cận Đông, Châu Phi, Trung Mỹ...

### **2.2.2. Thực trạng năng lực cạnh tranh xuất khẩu của nhóm hàng cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến**

Đối tượng khách hàng của nhóm sản phẩm này là nông dân, sức mua không cao dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm rất khó khăn. Bên cạnh đó, do địa hình các vùng khác nhau và đặc biệt là tập quán canh tác khác nhau nên mỗi khách hàng đều có yêu cầu riêng đối với mỗi sản phẩm về công suất máy, về yêu cầu chất lượng, về chế độ bảo hành và cung cấp phụ tùng thay thế...

Các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam khá đa dạng về chủng loại nhưng số lượng tiêu thụ ít nên rất khó khăn trong việc tổ chức chuyên môn hóa, khó đầu tư trang bị hiện đại.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã buộc các sản phẩm cơ khí Việt Nam phải đối mặt với áp lực cạnh tranh về giá rất lớn từ các sản phẩm giá rẻ của Trung Quốc và hàng đã qua sử dụng được nhập khẩu từ các nước phát triển. Các sản phẩm của Trung Quốc do được trợ giá xuất khẩu hoặc được nhập lậu vào Việt Nam không rõ nguồn gốc xuất xứ nên thường có giá thấp hơn nhiều so với sản phẩm của Việt Nam.

So sánh vị trí của các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam trên thị trường thế giới với sản phẩm xuất khẩu của Trung Quốc và Thái Lan có thể thấy sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở vị trí khá khiêm tốn. Tuy nhiên, khác với nhóm máy động lực, ít có sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp của Việt Nam trong nhóm các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu (thống kê danh mục các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn của mỗi nước) trùng với sản phẩm xuất khẩu của Thái Lan và Trung Quốc. Đây cũng là một cơ hội để Việt Nam có thể phát triển

xuất khẩu các sản phẩm này, không phải đối đầu với sức ép cạnh tranh trực tiếp của các sản phẩm cùng loại.

## **2.3 - Đối với thiết bị kỹ thuật điện**

### **2.3.1. Kim ngạch, cơ cấu và thị trường xuất khẩu**

Năm 2005, giá trị xuất khẩu mặt hàng dây điện và cáp điện Việt Nam ước đạt khoảng 500 triệu USD, tăng gần 34% so với năm 2004. Tính chung giai đoạn 2001 - 2005, xuất khẩu mặt hàng này đạt xấp xỉ 1,5 tỷ USD với tốc độ tăng bình quân gần 35%/năm.

Hiện tại, ở Việt Nam có khoảng trên 100 doanh nghiệp tham gia sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện. Trong số đó, nhiều công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài để đầu tư sản xuất và xuất khẩu mặt hàng với qui mô lớn và dây chuyền công nghệ hiện đại như: Cty cổ phần dây và cáp điện Taya Việt Nam, Furukawa Automotive Parts Việt Nam, Sumi - Hanel, LG - Vina... Khối các doanh nghiệp trong nước cũng đã xuất hiện nhiều doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu dây và cáp điện với qui mô lớn, đặc biệt là Công ty dây và cáp điện Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu dây điện và cáp điện chủ yếu của Việt Nam là Nhật Bản (chiếm 90%), Hàn Quốc, Australia, Hồng Kông và các nước thành viên khác của ASEAN. Tuy nhiên, các thị trường nhập khẩu có khả năng tăng trưởng cao là Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Mêhicô và Pháp.

Ngoài dây điện và cáp điện, Việt Nam đã xuất khẩu được một số thiết bị điện như: Động cơ điện và máy phát điện, sản phẩm điện dân dụng, ắc quy điện... Một số sản phẩm đã đạt kim ngạch xuất khẩu trên 100 triệu USD với tốc độ tăng trưởng cao như: Động cơ điện và máy phát điện (HS 8501) với kim ngạch năm 2006 đạt 232,63 triệu USD, tăng 2,8 lần so với 68 triệu USD của năm 2001; Biến thế điện và cuộn cảm (HS 8504) đạt kim ngạch xuất khẩu 111,29 triệu USD, tăng 2,7 lần so với 38 triệu USD của năm 2001.

Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam đối với nhiều nhóm sản phẩm thiết bị điện như: Dây điện và cáp điện, động cơ điện, biến thế điện, thiết bị cơ điện... Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đang dần được tăng lên ở các thị trường khác như: Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Hồng Kông, Hoa Kỳ...

### **2.3.2. Thực trạng năng lực cạnh tranh xuất khẩu của nhóm hàng thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam**

So với các nhóm sản phẩm cơ khí khác, nhóm sản phẩm thiết bị điện của Việt Nam có năng lực cạnh tranh cao hơn, một phần do lĩnh vực này đã thu hút được sự tham gia của nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với công nghệ tiên tiến.

Phân tích vị trí của Việt Nam trên thị trường thiết bị kỹ thuật điện thế giới có thể thấy: Nếu so với Trung Quốc, thị phần và tốc độ tăng trưởng của thiết bị kỹ thuật điện xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn hạn chế, nhưng so với Thái Lan, tuy nhiều loại thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam có thị phần nhỏ hơn và thứ hạng thua xa Thái Lan nhưng lại có tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều.

### **III- THỰC TRẠNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ NÓI CHUNG VÀ 3 NHÓM SẢN PHẨM LỰA CHỌN NÊU TRÊN CỦA VIỆT NAM**

#### **3.1- Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu**

Chính sách quan trọng, mở đường cho ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng khó khăn kéo dài trong nhiều năm là Quyết định số 29/1998/QĐ-TTg ngày 09/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ dành một khoản vốn tín dụng ưu đãi trung và dài hạn của Nhà nước để đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cho một số sản phẩm cơ khí như: Xe đạp, quạt điện, máy động lực nhỏ, máy công cụ... với lãi suất vay 7%/năm và cấp 50% vốn lưu động định mức.

Tiếp theo, các Quyết định số 37/2000/QĐ - TTg ngày 24/03/2000, Quyết định số 117/2000/QĐ - TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách và cơ chế tín dụng tài chính cho các dự án phát triển một số sản phẩm cơ khí; Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 cho các doanh nghiệp cơ khí được xây dựng đề án sản xuất những sản phẩm cơ khí quan trọng để xét cho vay ưu đãi 3%/năm từ quỹ hỗ trợ phát triển (thời hạn 12 năm, trong đó có 2 năm ân hạn, 5 năm đầu không phải trả lãi vay)...

Bộ Công nghiệp đã ban hành Thông tư số 03/2000/TT-BCN ngày 31/05/2000 của Bộ Công nghiệp về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 37/2000/QĐ-TTg ngày 24/03/2000 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp trọng điểm cũng như Quyết định số 67/2000/QĐ-BCN ký ngày 20/11/2000 nêu kèm các danh mục sản phẩm cơ khí được hưởng ưu đãi đầu tư. Đây là những quyết định và nghị quyết rất quan trọng có tác dụng vực dậy và phát triển công nghiệp cơ khí.

- Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 08/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước và các Tổng công ty Nhà nước. Theo đó, trong ngành cơ khí sẽ có các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn, những doanh nghiệp cổ phần hoá với cổ phần của Nhà nước trên 50% hoặc cổ phần đặc biệt hoặc cổ phần thấp hơn 50%, hoặc không có cổ phần.

- Trên cơ sở Luật Công nghệ, Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), các Quyết định 362/TTg và 363 /TTg ngày 30/6/1996 về các Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước, Quyết định 68/1998/QĐ-TTg ngày 27/3/1998 về việc thành lập các doanh nghiệp Nhà nước trong các cơ sở nghiên cứu đã có tác động mạnh tới ngành cơ khí, đặc biệt các chương trình tự động hoá, vật liệu mới, công nghệ thông tin...

Việc cho phép thành lập các doanh nghiệp Nhà nước trong các Viện nghiên cứu cơ khí đã phát huy sáng tạo, khuyến khích ứng dụng sáng tạo của các nhà khoa học, công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Ngày 26/12/2002, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020, trong đó khẳng định cơ khí là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước.



Quyết định 186/2002 cũng đề ra một số chủ trương, chính sách và giải pháp hỗ trợ ngành cơ khí phát triển.

Quyết định 186/2002/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp cơ khí Việt Nam đã đem lại những chuyển biến tích cực trong ngành cơ khí. Các Tổng công ty lớn của Nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực máy động lực và máy nông nghiệp, chế tạo thiết bị kỹ thuật điện đã có định hướng để xác định chiến lược sản xuất kinh doanh và phát triển tăng năng lực sản xuất. Nhìn chung các doanh nghiệp cơ khí đã đạt được thành quả bước đầu và tăng trưởng trong sản xuất một số sản phẩm. Kết quả sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiếp tục tăng đã khẳng định chính sách và cơ chế đối với ngành cơ khí là tích cực.

### **3.2- Cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu**

- Tháng 9/2002, Nhà nước đã thành lập Tổng cục quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có giao cơ quan này thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng Quỹ bảo hiểm tín dụng giành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, kể cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh, cung cấp dịch vụ máy móc làm đất, máy nông nghiệp.

- Quyết định số 1335/2003/QĐ-BTM ngày 22/10/2003, sản phẩm cơ khí là một trong 12 nhóm hàng thuộc Danh mục hàng hoá trọng điểm được ưu tiên xúc tiến xuất khẩu năm 2004. Sản phẩm cơ khí cũng thuộc danh mục hàng hoá trọng điểm của Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia năm 2005 theo Quyết định 1836/2004/QĐ - BTM. Các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm cơ khí đạt kim ngạch 2 triệu USD được xét duyệt là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.

## **IV- ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ CỤ THỂ ĐỐI VỚI 3 NHÓM SẢN PHẨM LỰA CHỌN**

### **4.1. Những kết quả đạt được**

- Trong 5 năm 2001 - 2005, ngành cơ khí Việt nam đã có những bước tiến đáng kể với tốc độ tăng trưởng bình quân gần 30%/năm. Hầu hết các nhóm sản phẩm cơ khí, trong đó cơ máy động lực, thiết bị cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện... đã có sự phát triển đi lên kể cả trong việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Các loại sản phẩm cơ khí chế tạo đang từng bước có khả năng cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Các nhóm sản phẩm cơ khí trọng điểm như: Thiết bị đồng bộ, phụ tùng công nghiệp, đóng, sửa chữa tàu thủy, lắp ráp ô tô, chế tạo máy động lực và máy

nông nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện... đều đi lên từ nội lực bằng những đơn hàng chế tạo phục vụ cho nhu cầu trong nước và từng bước tiếp cận thị trường nước ngoài.

- Các sản phẩm cơ khí chất lượng cao đã bước đầu xuất khẩu ra nước ngoài, được các đối tác quốc tế tin dùng và đánh giá cao. Thị trường xuất khẩu mở rộng từ các nước trong khu vực ASEAN sang Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản... Các sản phẩm cơ khí đã bước đầu tiếp cận thị trường các nước Trung Cận Đông, Châu Phi, Trung Mỹ... Kim ngạch xuất khẩu của nhiều sản phẩm đã đạt được vài chục đến vài trăm triệu USD và ổn định qua các năm.

#### **4.2. Những tồn tại, hạn chế**

- Năng lực cạnh tranh xuất khẩu của sản phẩm còn thấp. Kết quả điều tra cho thấy, tiền lương bình quân của lao động trong ngành cơ khí ở Việt Nam cao hơn so với cùng chỉ tiêu của Trung Quốc trong 5 năm gần đây. Tiền lương của Việt Nam chỉ bằng khoảng một nửa mức lương của Indonexia trong 4 năm qua, nhưng hiện nay đã cao hơn khoảng 20%. Năng suất lao động tính theo USD của Việt Nam thấp hơn đáng kể so với ở Indonexia, Thái Lan và thấp hơn nhiều so với ở Malaixia, Hàn Quốc, Đài Loan...

- Về công nghệ chế tạo các sản phẩm cơ khí. Nhìn chung, các loại hình công nghệ chế tạo của Việt Nam còn khá đơn giản và lạc hậu, thậm chí tụt hậu khoảng 2 - 3 thế hệ so với các nước khác trong khu vực.

- Công tác nghiên cứu phục vụ cho phát triển ngành cơ khí còn yếu. Công tác tư vấn thiết kế, công nghệ, thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu đã hạn chế đến khả năng làm chủ việc chế tạo các sản phẩm cơ khí phức tạp.

- Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật tuy đông nhưng còn bất cập về mặt kiến thức, phân tâm, thiếu cán bộ đầu đàn thực sự. Hạ tầng cơ sở của các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành còn yếu kém, trang thiết bị phần lớn đã quá lạc hậu, thiếu đồng bộ. Các chính sách đối với cán bộ khoa học kỹ thuật còn chưa thỏa đáng cũng hạn chế nhiệt tình và tính năng động sáng tạo.

- Trình độ quản lý và tổ chức sản xuất còn yếu kém, lạc hậu, không theo kịp tiến trình đổi mới nền kinh tế.

- Chưa tích cực tổ chức thị trường trong nước để tạo điều kiện cho sản xuất cơ khí phát triển. Năng lực marketing còn yếu kém. Các doanh nghiệp cơ khí của ta mới chỉ biết làm ra sản phẩm, còn làm tiếp thị bán sản phẩm thì còn rất hạn chế.

- Các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí chưa được chuẩn bị tốt cho hội nhập.

- Ngành cơ khí còn thiếu nhiều Hiệp hội chuyên ngành để tập hợp, phối hợp lực lượng phân công chuyên môn hoá, hợp tác hoá làm tăng sức mạnh cạnh tranh.

### **4.3. Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra**

- Tổ chức sản xuất vẫn còn manh mún, chưa đạt quy mô lớn, các doanh nghiệp cơ khí chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa, nhiều doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp quốc doanh đã thành công, song nhiều doanh nghiệp đã không thành công trong sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí.

- Nguyên liệu đầu vào của ngành cơ khí Việt Nam hầu hết phải nhập khẩu từ nước ngoài.

- Trên thị trường xuất khẩu, sản phẩm cơ khí Việt Nam phần lớn chưa có thương hiệu riêng và chưa chiếm giữ thị phần đáng kể nên chưa tạo được uy tín trên thị trường nước ngoài và sẽ khó khăn hơn nhiều khi tham gia vào thị trường thế giới.

- Nguồn nhân lực cho sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam còn nhiều bất cập cả về kỹ thuật lẫn kiến thức và khả năng thích ứng nhanh với những biến động của kinh tế thị trường.

- Để nâng cao tính khả thi của Quyết định 186/2002, Chính phủ cho phép các dự án sản xuất các sản phẩm được quy định trong Chương trình cơ khí trọng điểm được vay vốn theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 31/7/2000 với mức lãi suất tín dụng 3%/năm, thời hạn vay 12 năm, thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển; hai năm đầu không phải trả lãi và bắt đầu trả nợ vào năm thứ 5 hoặc được bù chênh lệch lãi suất nếu các doanh nghiệp vay vốn thương mại, theo đó có 50 dự án thuộc danh mục dự án cơ khí trọng điểm được hưởng ưu đãi vay vốn theo Quyết định 186.

- Tính đặc thù của ngành cơ khí là cần vốn lớn, nhưng quay vòng vốn lại chậm nên ít phù hợp với mục tiêu thương mại hiện đại (thu lợi tối đa trong thời gian ngắn nhất), do đó ít được các doanh nghiệp, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm. Mặc dù tổng đầu tư nước ngoài (FDI) vào ngành cơ khí khá lớn, nhưng có đến 50% số vốn tập trung vào ngành lắp ráp ô tô, xe máy, còn lại là thiết bị điện... Tổng đầu tư trong nước vào cơ khí cũng thấp hơn nhiều so với các ngành hàng khác.

### Chương 3

## **NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2015**

### **I- BỐI CẢNH VÀ DỰ BÁO KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM**

#### **1.1- Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến khả năng xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam**

##### ***1.1.1 - Bối cảnh quốc tế***

- Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế đang mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam.

- Thế giới đang diễn ra xu thế chuyển dịch sản xuất các sản phẩm cơ khí công kênh, tiêu tốn nhiều năng lượng, lao động, vật tư từ các nước công nghiệp tiên tiến sang các nước thứ ba.

- Bên cạnh cơ hội tiếp cận khoa học công nghệ hiện đại do hội nhập đem lại, việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO đang mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói riêng nhiều cơ hội mới hết sức to lớn để phát triển thị trường tiêu thụ.

- Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ và toàn diện trong mọi lĩnh vực, lao động trong các doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu cơ khí của Việt Nam có nhiều cơ hội để được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, ngoại ngữ và trình độ quản lý theo các chương trình hợp tác về đào tạo của khu vực và quốc tế.

##### ***1.1.2 - Bối cảnh trong nước***

- Phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí diễn ra trong điều kiện cả nước đang thực hiện đường lối CNH-HĐH đất nước của Đảng và Chính phủ.

- Phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí được thực hiện khi Chính phủ xác định rõ vị trí, vai trò của ngành cơ khí trong phát triển kinh tế của cả nước và đã ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí.

- Việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đang được tiến hành với sự góp mặt của nhiều doanh nghiệp, tập đoàn sản xuất cơ khí lớn của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam được thực hiện trong bối cảnh Việt Nam vừa trở thành thành viên chính thức của WTO. Khi đó, các sản phẩm cơ khí của Việt Nam được tự do thâm nhập vào thị trường của các nước thành viên khác của WTO mà không phải chịu thuế nhập khẩu. Vấn đề đặt ra là các sản phẩm cơ khí của Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn về môi trường của nước nhập khẩu.

## **1.2- Dự báo khả năng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam thời kỳ đến năm 2015**

Căn cứ vào Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến 2010, tầm nhìn đến 2020 và quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí là để góp phần thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế theo định hướng xuất khẩu nhằm đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu và góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam đạt 72,5 tỷ USD vào năm 2010 (mức tăng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 17,5%/năm) và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2010 và 2020, cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, ngành cơ khí sẽ có những bước phát triển mới.

Để ngành cơ khí Việt Nam có thể xuất khẩu đạt 30% giá trị sản lượng vào năm 2010, dự báo tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của cả nước sẽ đạt mức tăng trưởng bình quân 17,5%/năm giai đoạn 2006 - 2010. Con số này được dự báo là 15% cho giai đoạn 2011 - 2015.

Trong giai đoạn 2006 - 2010, các doanh nghiệp sẽ tập trung xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam có lợi thế như: Máy chế biến nông - lâm - thủy sản, cơ khí đóng tàu, chế tạo thiết bị, lắp ráp cơ điện tử... Đến giai đoạn 2011 - 2015, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ xuất khẩu những sản phẩm cơ khí có trình độ công nghệ cao hơn như: Động cơ các loại, máy phát điện, biến thế điện, các loại nồi hơi, các loại máy phục vụ sản xuất và chế biến nông, lâm, thủy sản có yêu cầu công nghệ cao...

Riêng mặt hàng dây và cáp điện, dự báo kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng khoảng 31%/năm trong giai đoạn 2006 - 2010 và đạt hơn 2 tỷ USD vào năm 2010. Đây là mặt hàng được dự báo có mức tăng trưởng xuất khẩu cao cho cả thời kỳ 2006 - 2010 (31%), trong khi mức tăng trung bình hàng năm thời kỳ 2001 - 2005 đạt 35%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu đối với mặt hàng dây điện và cáp điện Việt Nam là Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Hồng Kông và các nước thành viên khác của ASEAN. Trong số đó, thị trường Nhật Bản được dự kiến có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 800 triệu USD, thị trường Australia dự kiến đạt trên 60 triệu USD vào năm 2010. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng có thể tập trung khai thác các thị trường Hoa Kỳ, Đức,

Trung Quốc, Mexico và Pháp...là các nước nhập khẩu dây và cáp điện lớn nhất thế giới hiện nay.

**Bảng 3.1: Dự báo kim ngạch xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn của Việt Nam giai đoạn đến 2010 và 2015**

*Đơn vị: 1.000 USD*

<b>Sản phẩm</b>	<b>T. độ tăng 01 - 05 (%)</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>T. độ tăng 06-10 (%)</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>T. độ tăng 11 -15 (%)</b>
<b>Nhóm máy động lực</b>	22,94	150.208	176.495	207.381	243.673	286.316	17,5	329.263	378653	435.451	500.767	575.884	15
<b>Nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp</b>	27,23	13.365	15.704	18.452	21.682	25.476	17,5	29.298	33.692	38.747	44.558	51..242	15
<b>Nhóm thiết bị điện</b>	28,81	987.289	1.160.060	1.363.307	1.601.610	1.881.890	17,5	2.164.180	2.488.810	2.862.130	3.291.450	3.785.170	15

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả*

## **II- QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CỦA VIỆT NAM ĐẾN 2015**

### **2.1- Quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015**

Theo *Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020* được phê duyệt tại Quyết định số 186/2002/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 12 năm 2002 đã xác định cơ khí là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước.

Thực hiện chủ trương trên, những năm gần đây, nhiều mặt hàng cơ khí do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất ra không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở trong nước mà còn được xuất khẩu với kim ngạch khá lớn sang nhiều thị trường trên thế giới. Các sản phẩm cơ khí xuất khẩu với chất lượng cao đã bước đầu được các đối tác quốc tế tin dùng và đánh giá cao. Thị trường xuất khẩu mở rộng từ các nước trong khu vực ASEAN sang Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.... Các sản phẩm cơ khí đã bước đầu tiếp cận thị trường các nước Trung Cận Đông, Châu Phi, Trung Mỹ...Kim ngạch xuất khẩu hàng năm của nhiều sản phẩm đã đạt được vài chục đến vài trăm triệu USD.

Để tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam sang thị trường nước ngoài, trên cơ sở quan điểm phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, một số quan điểm phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến năm 2015 cần được quán triệt như sau:

- Để phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí cần có sự lựa chọn đối với những sản phẩm/nhóm sản phẩm trong nước có tiềm năng sản xuất, có thị trường tiêu thụ tương đối ổn định;
- Phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí cần được thực hiện theo hướng đa dạng hoá các phương thức xuất khẩu;
- Phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí cần được thực hiện trên các thị trường trọng điểm, có khả năng tiêu thụ các nhóm sản phẩm lựa chọn một cách lâu dài và có dung lượng thị trường lớn;
- Phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam cần được thực hiện theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm cơ khí xuất khẩu và cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn.

### **2.2- Định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí của Việt Nam đến 2015**

#### **2.2.1- Định hướng thị trường**

- + *Đối với mặt hàng máy động lực*



- Chú trọng xuất khẩu sang thị trường ASEAN, vì đây là các thị trường có doanh thu từ xuất khẩu đạt mức khá cao (7 - 18 triệu USD trong giai đoạn 2000 - 2005) với các sản phẩm chủ yếu là: Động cơ đốt trong kiểu piston, các bộ phận dùng cho động cơ đốt trong, bơm không khí, bơm chân không, máy nén và quạt không khí...

- Tăng cường xuất khẩu sang các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Australia... với các sản phẩm chủ yếu là: Nồi hơi và máy phụ trợ sử dụng cùng các loại nồi hơi, turbin phản lực, các loại động cơ và mô tơ...

- Thâm nhập hiệu quả vào thị trường các nước Mỹ la tinh, Nam Phi, Srilanca, Iraq...

+ *Đối với nhóm các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến*

- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến sang thị trường Trung Quốc, Hoa Kỳ với các sản phẩm chủ yếu là máy thu hoạch, máy đập, máy làm sạch hoặc phân loại nông sản, máy kéo, máy nông, lâm nghiệp dùng cho việc làm đất...

- Chú ý phát triển xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, xây dựng thị trường này trở thành thị trường mới tiềm năng, có sức tiêu thụ lớn với các mặt hàng chủ yếu là: Máy cắt cỏ, dàn xới đất...

- Giữ vững thị phần tiêu thụ các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến sang các nước Thái Lan, Ấn Độ, Malaysia, Philippin, Australia...

+ *Đối với nhóm mặt hàng thiết bị kỹ thuật điện*

- Tăng cường xuất khẩu vào các thị trường trọng điểm đối với các loại dây và cáp điện ở châu Á như: Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapor, Philippin, Ấn Độ, Thái Lan... Các mặt hàng chủ yếu có thể xuất khẩu sang khu vực thị trường này là: Bộ dây đánh lửa và các bộ dây khác sử dụng cho xe cộ, máy bay, tàu thủy (HS. 854430), các loại dây điện dùng cho điện áp không quá 80V có gắn đầu nối (HS. 854441), các loại dây điện dùng cho điện áp lớn hơn 80V nhưng không quá 1.000V có gắn đầu nối (HS. 854451), các loại cáp quang (HS. 854470)...

- Khai thác triệt để các thị trường châu Âu như: Pháp, Đức, Anh, Phần Lan, Thụy Sĩ, Hungary, Hà Lan, Bồ Đào Nha... với các mặt hàng: Cuộn dây điện bằng nhôm (HS. 854419), cuộn dây điện bằng đồng (HS. 854411), các loại dây dẫn điện dùng cho điện áp trên 1.000V (HS. 854451), cáp đồng trục và các loại dây điện đồng trục khác (HS. 854420)...

- Thâm nhập mở rộng thị trường sang khu vực châu Mỹ (Mexico, Hoa Kỳ...), châu Phi (Nam Phi, Nigeria), châu Đại Dương (Australia, New Zealand) với các mặt hàng như: Các loại cáp quang (HS. 854470), bộ dây đánh lửa và các bộ dây khác sử dụng cho xe cộ, máy bay, tàu thủy (HS. 854430), cuộn dây điện bằng nhôm (HS. 854419), cuộn dây điện bằng đồng (HS. 854411)...

### **2.2.2- Định hướng về chất lượng và chủng loại sản phẩm**

Đối với các sản phẩm cơ khí xuất khẩu, yêu cầu về chất lượng và chủng loại sản phẩm được định hướng như sau:

- Các sản phẩm cơ khí xuất khẩu của Việt Nam cần đảm bảo các tiêu chuẩn về kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường và các quy định của các nước nhập khẩu. Đây là định hướng quan trọng nhằm giúp cho các sản phẩm cơ khí Việt Nam đạt chất lượng cao và có thể thâm nhập hiệu quả, giữ vững thị phần và được tiêu thụ ổn định trên các thị trường các nước nhập khẩu chủ yếu.

- Từng bước tăng tỷ lệ nội địa hoá đối với các sản phẩm cơ khí xuất khẩu, tăng cường đầu tư kỹ thuật, công nghệ để đa dạng hoá các sản phẩm có giá thành thấp, chất lượng cao để có thể cạnh tranh về giá trên thị trường khu vực và quốc tế.

- Tăng cường phân công, hợp tác nhằm chuyên môn hoá sản xuất và tiêu thụ đối với những nhóm sản phẩm chủ yếu, những mặt hàng trọng điểm, tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cơ khí với các doanh nghiệp, tập đoàn cơ khí lớn trên thế giới.

- Phát triển đa ngành để đa dạng hoá các sản phẩm cơ khí trên thị trường khu vực và thế giới, xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm cơ khí Việt Nam (đặc biệt là 3 nhóm sản phẩm lựa chọn) trên thị trường nước ngoài.

- Nhanh chóng đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao, vừa đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, thay thế thiết bị nhập khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra thị trường khu vực và thế giới.

### **2.2.3 - Định hướng về giá xuất khẩu các sản phẩm cơ khí Việt Nam đến 2015**

Như đã đề cập ở Chương 2, giá xuất khẩu của các sản phẩm cơ khí nói chung và của các sản phẩm cơ khí lựa chọn nói riêng của Việt Nam so với các sản phẩm cùng loại trên thế giới (đặc biệt là của Trung Quốc) đang ở mức cao. Đây là một trong những lý do khiến năng lực cạnh tranh của các sản phẩm cơ khí Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới đang ở mức thấp.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh (đặc biệt là năng lực cạnh tranh về giá xuất khẩu) của các sản phẩm cơ khí lựa chọn trên thị trường thế giới, trong giai đoạn từ nay đến năm 2015, các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn cần sử dụng tổng thể các biện pháp để các sản phẩm cơ khí đưa ra thị trường có mức giá cạnh tranh. Cụ thể là:

- Giảm giá thành sản xuất các sản phẩm cơ khí lựa chọn trên cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước (Hiện nay nguyên liệu để sản xuất chủ yếu phải nhập khẩu nên giá thành sản phẩm tương đối cao).

- Tăng cường đầu tư từ mọi nguồn vốn để đổi mới thiết bị, công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm công nghệ cao, đáp ứng những đòi hỏi của thị trường và khách hàng, có khả năng sản xuất và xuất khẩu với khối lượng lớn, với giá cạnh tranh.

- Giảm đến mức thấp nhất giá của các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu như: Chi phí giao nhận, vận tải, chi phí marketing và xúc tiến thương mại...để giảm giá xuất khẩu hàng hóa, tăng khả năng cạnh tranh về giá của các sản phẩm cơ khí Việt Nam so với các nước khác, đặc biệt là Trung Quốc...

### **III- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU MÁY ĐỘNG LỰC, CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ PHỤC VỤ NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẾN 2015**

#### **3.1- Nhóm các giải pháp đối với Chính phủ và các Bộ, Ngành có liên quan**

##### ***3.1.1- Giải pháp về việc quy hoạch và tổ chức lại hệ thống các doanh nghiệp sản xuất đối với 3 nhóm sản phẩm lựa chọn theo hướng phát triển sản xuất để phục vụ xuất khẩu***

Trước những đòi hỏi khi chuyển đổi sang kinh tế thị trường, giải pháp sống còn của các ngành cơ khí sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện...là phải đổi mới, tổ chức lại hệ thống doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

Chính phủ cần sớm tổ chức, sắp xếp lại khối các doanh nghiệp cơ khí thuộc sở hữu Nhà nước, tạo sức mạnh liên kết, hợp tác đầu tư sản xuất cho toàn ngành.

Bộ Công nghiệp cần xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch đầu tư phát triển đối với từng nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn theo vùng lãnh thổ để định hướng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc mọi thành phần kinh tế trong cả nước. Có như vậy, việc đầu tư sẽ không bị trùng lặp, thiếu hiệu quả và không huy động được nguồn lực từ các thành phần kinh tế.

Ngoài ra, Chính Phủ cũng cần tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, điều chỉnh cơ cấu tổ chức và hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, từng bước hình thành mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con, gắn với việc không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ và phát triển nguồn nhân lực.

Cụ thể, Bộ Công nghiệp cần triển khai xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển máy động lực và máy nông nghiệp, Chiến lược phát triển thiết bị kỹ thuật điện để tạo cơ sở cho các doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển sản xuất - kinh doanh phù hợp với điều kiện cụ thể của họ. Các Chiến lược phát triển cho từng nhóm hàng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá và xác định các phương án tổ chức nguồn nguyên liệu để cung ứng cho sản xuất nhằm đạt được mục tiêu đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trong thời kỳ chiến lược.

- Sắp xếp, tổ chức hệ thống sản xuất trong nước, bao gồm qui hoạch phát triển các đối tượng tham gia sản xuất (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài), định hướng cơ cấu sản phẩm cho từng mặt hàng trong nhóm sản phẩm lựa chọn.

- Xây dựng Chương trình xúc tiến xuất khẩu cụ thể cho các nhóm sản phẩm gắn với những thị trường xuất khẩu trọng tâm.

- Đề xuất cơ chế phối hợp, triển khai thực hiện chiến lược, bảo đảm sự tham gia một cách rộng rãi của các thành phần gồm các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, các cơ quan xúc tiến thương mại...

### ***3.1.2- Giải pháp về việc tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển (R & D), đưa khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất các nhóm sản phẩm lựa chọn***

Để tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao, được thị trường chấp nhận, Việt Nam coi việc đầu tư hỗ trợ cho công tác nghiên cứu và phát triển là những hình thức trợ cấp không bị cấm theo quy định của WTO nhằm tạo lập môi trường thích hợp cho việc đổi mới công nghệ, ứng dụng rộng rãi công nghệ mới, công nghệ cao ở Việt Nam.

Biện pháp trước mắt là cần đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp các Viện nghiên cứu thành các Viện đầu ngành, vừa làm công tác nghiên cứu phát triển, đồng thời thực hiện hoạt động tư vấn thiết kế trong một số lĩnh vực cơ khí đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bộ Công nghiệp đang trình Chính phủ phê duyệt cơ chế ưu đãi chung cho các dự án sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm. Theo đó, chính sách đầu tư cho nghiên cứu và phát triển được đề cập như sau:

- Nhà nước hỗ trợ tối thiểu 50% chi phí chuyển giao công nghệ, mua bản quyền thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài để sản xuất các sản phẩm cơ khí trọng điểm (3 nhóm sản phẩm lựa chọn đều nằm trong 8 nhóm sản phẩm cơ khí trọng điểm), ưu tiên xem xét hỗ trợ các dự án đầu tư công nghệ cao có xuất xứ từ các nước công nghệ nguồn trên thế giới.

- Các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm cơ khí trọng điểm được trích từ 2% đến 5% doanh số bán ra phục vụ cho công tác nghiên cứu và phát triển.

- Nhà nước ưu tiên hỗ trợ 50% kinh phí từ nguồn vốn ngân sách để đào tạo ở trong và ngoài nước đối với nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm, đặc biệt là các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí để phục vụ xuất khẩu.

### ***3.1.3- Giải pháp về việc đổi mới và hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của 3 nhóm sản phẩm lựa chọn của Việt Nam trên thị trường quốc tế, đặc biệt là ở các thị trường mục tiêu thông qua việc khai thác lợi thế so sánh, giảm chi phí sản xuất, kinh doanh, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường***

- Chính phủ cần cân đối đầu tư và tạo điều kiện cho ngành cơ khí chế tạo Việt Nam có đủ nguồn vốn để từng bước sản xuất được nguyên liệu đầu vào, đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm tạo ra các sản phẩm cơ khí xuất khẩu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và được thị trường thế giới chấp nhận.

- Chính phủ cần tập trung đầu tư xây dựng một số nhà máy có năng lực luyện thép chế tạo máy, đáp ứng đủ nhu cầu tự chủ vật tư đầu vào cho sản xuất trong nước.

- Nhà nước cần xem xét kỹ và có bước đi cho phù hợp với trình độ và đặc thù của ngành chế tạo máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện. Cụ thể, cần có các rào cản kỹ thuật cần thiết, đủ hiệu lực, đủ mạnh để bảo vệ sản xuất trong nước trước áp lực cạnh tranh của các hãng sản xuất các sản phẩm cơ khí lớn và có thương hiệu mạnh trên thế giới.

- Ngành công nghiệp nói chung và các ngành cơ khí cụ thể nói riêng cần nâng cao năng lực marketing, năng lực tiếp thị, quảng bá để bán sản phẩm ra nước ngoài. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, để xuất khẩu được nhiều sản phẩm cơ khí ra nước ngoài, vấn đề quan trọng nhất không phải là năng lực thiết kế, chế tạo mà là năng lực marketing đối với sản phẩm.

### **3.2- Nhóm các giải pháp đối với các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện**

#### ***3.2.1- Giải pháp về việc tăng cường đầu tư vốn vào sản xuất các sản phẩm thuộc 3 nhóm lựa chọn để phục vụ xuất khẩu vì cơ khí là ngành có nhu cầu đầu tư vốn lớn nhưng thời gian thu hồi vốn chậm***

Các doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu máy động lực, máy nông nghiệp, thiết bị kỹ thuật điện cần chủ động trong việc tạo nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển của sản xuất và thị trường.

Các nguồn vốn mà các doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu các sản phẩm lựa chọn nói trên có thể huy động là:

- Các khoản vốn vay từ ngân hàng phục vụ phát triển sản xuất và xuất khẩu.
- Vốn vay từ quỹ hỗ trợ phát triển đối với các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm để xuất khẩu.
- Vốn huy động từ các nguồn khác do tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp (vốn từ cổ phần của Nhà nước, của các doanh nghiệp thành viên hoặc của các cá nhân).
- Vốn huy động được dựa trên cơ sở liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài để thu hút vốn FDI.
- Vốn từ ngân sách Nhà nước.

#### ***3.2.2- Giải pháp về việc đưa khoa học, công nghệ hiện đại vào sản xuất để tạo nguồn hàng xuất khẩu đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế***

Việc đổi mới công nghệ sản có thể được thực hiện thông qua việc thu hút các doanh nghiệp có vốn FDI vào các dự án sản xuất, đặc biệt là các dự án có công nghệ hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển đối với các loại sản phẩm cơ khí. Ngoài ra, việc đổi mới công nghệ còn có thể được thực hiện thông qua việc nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao để phục vụ sản xuất trong nước nhằm tạo ra sản phẩm có đủ điều kiện xuất khẩu.

Việc hiện đại hoá công nghệ sản xuất các sản phẩm cơ khí luôn phải đảm bảo sản xuất được các sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng, về kỹ thuật đối với các thị trường xuất khẩu đã được định hướng tới năm 2010 và 2015.

- Doanh nghiệp cần tập trung đầu tư một số công nghệ hiện đại phục vụ cho từng sản phẩm hay nhóm sản phẩm để tránh đầu tư dàn trải, hiệu quả đầu tư thấp, cần lựa chọn và tăng cường đầu tư cho công nghệ và thiết bị tiên tiến để thiết kế, chế tạo sản phẩm mới.

- Đưa hệ thống công nghệ thông tin hiện đại vào phục vụ hoạt động thiết kế, phục vụ sản xuất chế tạo và phục vụ hoạt động marketing để xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

- Ưu tiên phát triển hoạt động liên kết sản xuất - tiêu thụ - xuất khẩu sản phẩm cơ khí lựa chọn giữa các doanh nghiệp để thực hiện chuyên môn hoá sản xuất ở mức độ cao.

### ***3.2.3- Giải pháp về việc nâng cao năng lực về kỹ thuật và quản lý cho đội ngũ kỹ sư và cán bộ quản lý ở các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn***

- Thường xuyên cử cán bộ, công nhân tham gia các Dự án, Chương trình đào tạo do các Bộ, Ngành để nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý doanh nghiệp.

- Mời các kỹ sư, chuyên gia cơ khí giỏi và nhiều kinh nghiệm ở trong và ngoài nước về tập huấn, phổ biến kiến thức và kinh nghiệm cho công nhân và cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp.

- Thường xuyên tổ chức các đoàn cán bộ đi điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường ở nước ngoài để họ có cơ hội tiếp xúc với kỹ năng quản lý doanh nghiệp hiện đại

- Tăng cường hợp tác liên kết và trao đổi chuyên gia kỹ thuật và chuyên gia quản lý với các doanh nghiệp, các tập đoàn cơ khí của các nước khác trên thế giới để tận dụng “chất xám” từ các chuyên gia nước ngoài và nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật và công nhân của doanh nghiệp.

### ***3.2.4- Giải pháp về việc hợp tác, liên kết phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước***

Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp cơ khí sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm lựa chọn là giải pháp cần thiết trong điều kiện hội nhập. Để nâng cao năng lực về vốn đầu tư, năng lực tiếp cận và chiếm giữ thị trường, năng lực sản xuất và xuất khẩu thiết bị toàn bộ...

### ***3.2.5- Giải pháp về việc thực hiện cải cách hành chính, tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp nhằm đảm bảo sản xuất và xuất khẩu có hiệu quả***

Tăng cường đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, phấn đấu đạt tiêu chuẩn chất lượng quản lý doanh nghiệp theo ISO 9000 - 2000 là nhằm nâng cao uy tín của doanh nghiệp cơ khí Việt Nam trên thị trường thế giới.

### ***3.2.6- Giải pháp về việc phát triển thị trường tiêu thụ đối với máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện***

- Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại để sản xuất sản phẩm phù hợp phục vụ xuất khẩu;

- Xác định thị trường mục tiêu cho từng nhóm sản phẩm cụ thể;

- Mở rộng xuất khẩu sản phẩm sang thị trường tiềm năng (Thị trường cụ thể cho từng sản phẩm cụ thể).

- Chú trọng việc nâng cao chất lượng sản phẩm, chỉ đưa ra thị trường những sản phẩm cơ khí đáp ứng đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường và các tiêu chuẩn khác của từng thị trường cụ thể, nhất là tiêu chuẩn của các thị trường tiềm năng đối với các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn của Việt Nam.

### **3.3- Nhóm giải pháp nhằm nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng và Hiệp hội doanh nghiệp trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn nêu trên ở Việt Nam**

#### **3.3.1- Đối với Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam**

- Xác định phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh của các nhóm hàng cơ khí, các nội dung liên kết và hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cơ khí trên cơ sở tự nguyện của các thành viên.

- Bảo vệ quyền lợi của các hội viên trong hoạt động thương mại quốc tế và trong nước, thay mặt các hội viên trong các tranh tụng quốc tế. Phản ánh chọn lọc ý kiến của các hội viên về quy hoạch và các chính sách phát triển sản xuất - kinh doanh ngành hàng lên các cơ quan Chính phủ.

- Hợp tác với các tổ chức, các Hiệp hội cơ khí của các nước trong khu vực và quốc tế nhằm nâng cao vị thế và uy tín của các sản phẩm cơ khí nói chung và của máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam nói riêng trên thị trường thế giới.

- Hiệp hội cần tổ chức nghiên cứu phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, cung cấp phụ tùng, phụ kiện cho các doanh nghiệp ngành cơ khí cũng như các doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp khác.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo và nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ và năng lực quản lý cho cán bộ, trong việc tìm đối tác nước ngoài.

- Hiệp hội cần xúc tiến việc thành lập văn phòng đại diện tại những thị trường chính như: Trung Quốc, Hoa Kỳ... làm đầu mối xúc tiến thương mại, tìm kiếm cơ hội giao thương.

- Hiệp hội cần đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp rộng rãi các thành viên, mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp tục nâng cao vai trò đại diện cho các doanh nghiệp, làm

đầu mối phối hợp hành động giữa các doanh nghiệp, thúc đẩy liên doanh, liên kết cùng có lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp trong chuyển giao bí quyết công nghệ và xử lý tốt mối quan hệ kinh tế giữa các hội viên.

### **3.3.2- Đối với Hiệp hội các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**

- Tăng cường hơn nữa vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với Nhà nước trong việc giải quyết những vấn đề liên quan tới chính sách đối với sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm lựa chọn, nhất là chính sách thu hút đầu tư và chính sách ưu đãi trong sản xuất nguyên liệu cho cơ khí chế tạo.

- Tập hợp các doanh nghiệp trong Hiệp hội tạo ra sức mạnh mới cả về lượng và chất so với từng doanh nghiệp nhỏ lẻ nhằm làm tăng thêm lợi nhuận trong hoạt động của họ.

- Hỗ trợ các hội viên phối hợp hành động trừng phạt khi có một đối tác nào đó vi phạm quy chế, tiến hành những hoạt động cạnh tranh không lành mạnh, không đúng quy định của WTO và làm ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, kiến thức về marketing sản phẩm và tiếp cận thị trường.

- Tăng cường tham gia đóng góp ý kiến với Bộ Công nghiệp trình Chính phủ phê duyệt thống nhất các quy tắc, tiêu chuẩn đối với các sản phẩm trong nhóm sản phẩm lựa chọn. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp có các biện pháp thích hợp để sản xuất ra các sản phẩm đủ tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng để xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

- Hiệp hội DNNVV cần tăng cường hơn nữa hoạt động đối ngoại, làm đầu mối để các nhà tài trợ quốc tế và các đối tượng khác có thể cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các doanh nghiệp ở các nước đang phát triển.

## **IV- MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

### ***4.1- Một số kiến nghị với Chính phủ, các Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp và các Bộ, Ngành liên quan***

- Kiến nghị Chính phủ xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với từng mặt hàng thuộc nhóm các sản phẩm lựa chọn để dễ dàng và thuận lợi cho việc kiểm tra, giám định chất lượng sản phẩm khi xuất khẩu sang thị trường khu vực và thế giới.

- Chính phủ cần nhanh chóng xây dựng các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau đối với các sản phẩm thuộc 3 nhóm lựa chọn giữa Việt Nam và các nước ASEAN và một số nước khác để những sản phẩm này có cơ hội mở rộng và chiếm giữ thị phần trên thị trường khu vực và thế giới.



- Thời gian tới, Chính phủ cần tập trung đầu tư xây dựng một số nhà máy có khả năng luyện thép chế tạo máy nhằm cung ứng nguyên liệu đầu vào cho ngành cơ khí chế tạo. Thiếu nguồn nguyên liệu này, các doanh nghiệp ngành cơ khí không thể sản xuất đủ sản phẩm (thuộc các nhóm sản phẩm lựa chọn) để đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời giành một phần cho xuất khẩu.

- Bộ Công nghiệp cần triển khai xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển máy động lực và máy nông nghiệp, Chiến lược phát triển thiết bị kỹ thuật điện để tạo cơ sở cho các doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển sản xuất - kinh doanh phù hợp với điều kiện cụ thể của họ, trong đó cần chú trọng đến vấn đề phát triển xuất khẩu sản phẩm.

- Bộ Công nghiệp cần phối hợp với Bộ Thương mại xây dựng Chương trình xúc tiến xuất khẩu cụ thể cho các nhóm sản phẩm lựa chọn cho giai đoạn 2010 và 2015, gắn với những thị trường trọng tâm với mục tiêu đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu để không ngừng tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

- Nhà nước cần xem xét để đưa ra lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế đối với các nhóm sản phẩm lựa chọn phù hợp với đặc thù của ngành chế tạo máy động lực, máy nông nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện để doanh nghiệp có thể hội nhập một cách hiệu quả vào thị trường khu vực và thế giới.

#### ***4.2- Một số kiến nghị với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, thiết bị kỹ thuật điện***

- Tăng cường huy động vốn từ mọi nguồn lực để đầu tư sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện để xuất khẩu, không phân biệt nguồn vốn từ nước ngoài hay ở trong nước, kể cả vốn huy động từ dân cư do cổ phần hoá doanh nghiệp.

- Tăng cường hoạt động liên kết sản xuất - tiêu thụ - xuất khẩu các sản phẩm cơ khí lựa chọn giữa các doanh nghiệp để thực hiện chuyên môn hoá sản xuất ở mức độ cao.

- Cần đầu tư xây dựng hệ thống các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ cho ngành sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện nhằm sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh để xuất khẩu.

- Cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác cải cách hành chính trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, phấn đấu được cấp chứng chỉ ISO 9000, từng bước tổ chức doanh nghiệp theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con để có thể tăng cường sức mạnh về vốn, về khoa học công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm ở nước ngoài.

#### ***4.3- Một số kiến nghị với Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam và Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam***

- Tăng cường hơn nữa việc xây dựng, quảng bá hình ảnh của máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện Việt Nam trên thị trường nước ngoài, nhất là ở các thị trường được xác định là thị trường trọng điểm của từng loại sản phẩm đến năm 2010 và 2015.

- Tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cơ khí lựa chọn vào các thị trường trọng điểm, các chương trình tuyên truyền, quảng bá, xây dựng thương hiệu đối với các doanh nghiệp thành viên nhằm giúp họ thâm nhập hiệu quả vào thị trường quốc tế.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý để họ có thể tiếp nhận, sử dụng khoa học công nghệ hiện đại và thích ứng nhanh với những biến động của thị trường thế giới đối với các sản phẩm lựa chọn, nhất là khi Việt Nam đã gia nhập WTO.

#### ***4.4- Với các tổ chức khoa học công nghệ có liên quan đến sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí nêu trên***

- Đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp các Viện nghiên cứu thành các Viện đầu ngành, vừa làm công tác nghiên cứu phát triển, đồng thời thực hiện hoạt động tư vấn thiết kế trong một số lĩnh vực cơ khí đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế hợp tác giữa các Viện với các công ty tư vấn, thiết kế công nghệ trong và ngoài nước, cơ chế chuyển giao công nghệ, hợp tác đào tạo...

- Các Viện nghiên cứu cần được đầu tư kinh phí để thuê chuyên gia tư vấn thiết kế để chế tạo ra các sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng nước ngoài.

- Có kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp các dự án đầu tư sản xuất máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và thiết bị kỹ thuật điện, đặc biệt là các dự án đầu tư sản xuất để phục vụ xuất khẩu.

## KẾT LUẬN

Thực hiện Chiến lược phát triển ngành cơ khí đến năm 2010 và tầm nhìn đến 2020, ngành cơ khí phải phấn đấu đến năm 2010 đảm bảo đáp ứng 40 - 50% nhu cầu sản phẩm cơ khí của cả nước, trong đó xuất khẩu đạt 30% giá trị tổng sản lượng. Đây là mục tiêu rất lớn và để đạt mục tiêu trên, Chính phủ và các doanh nghiệp cơ khí đều phải vượt qua những thách thức không nhỏ, nhất là các thách thức của hội nhập và Đổi mới kinh tế đất nước.

Để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, từng bước tạo ra các sản phẩm có thương hiệu đáp ứng yêu cầu của thị trường thế giới, sự đóng góp của nhóm sản phẩm máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện là rất quan trọng.

Bám sát các mục tiêu, yêu cầu và nội dung nghiên cứu đã được phê duyệt, Ban chủ nhiệm đề tài đã hoàn thành được một số nhiệm vụ sau:

1/ Nghiên cứu, phân tích và khái quát được tình hình cung cầu các sản phẩm cơ khí trên thế giới, đặc biệt tập trung nghiên cứu tình hình sản xuất, cung ứng và tiêu thụ ở một số thị trường xuất nhập khẩu chính.

2/ Nghiên cứu thực trạng xuất khẩu máy động lực, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện của Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005 và các chính sách, cơ chế khuyến khích phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nói chung và 3 nhóm sản phẩm lựa chọn nói riêng của Việt Nam.

3/ Từ kết quả nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới và thực trạng phát triển các nhóm sản phẩm lựa chọn ở Việt Nam, đề tài đã tìm ra được những tồn tại, hạn chế và những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết để phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí nêu trên ở nước ta trong thời kỳ đến năm 2010 và 2015.

4/ Trên cơ sở quan điểm và định hướng phát triển xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến và thiết bị kỹ thuật điện của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, đề tài đã đưa ra dự báo về quy mô, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn vào các thị trường trọng điểm trong khu vực và trên thế giới giai đoạn đến 2010 và 2015.

5/ Bên cạnh các giải pháp vĩ mô, đề tài cũng đưa ra một số giải pháp đối với các doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu các nhóm sản phẩm cơ khí lựa chọn.

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả đã cố gắng đáp ứng các mục tiêu đề tài đặt ra. Tuy nhiên, do hạn chế về nhiều mặt, kết quả nghiên cứu của đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết, chúng tôi kính mong được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các vị đại biểu...

Ban chủ nhiệm đề tài xin chân thành cảm ơn các cơ quan, các chuyên gia, các nhà khoa học, các đồng nghiệp đã giúp đỡ để chúng tôi hoàn thành việc nghiên cứu Đề tài.